

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

DỰ ÁN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN **MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

LỚP

6



HÀ NỘI - 2015

MỤC LỤC

Trang

Phần thứ nhất	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ	3
Phần thứ hai	
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC CHỦ ĐỀ	18
BÀI 1. EM LÀ CÔNG DÂN VIỆT NAM	19
BÀI 2. TỰ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ	29
BÀI 3. SỐNG CẦN KIỂM	43
BÀI 4. BIẾT ƠN	52
BÀI 5. GIAO TIẾP CÓ VĂN HOÁ	58
BÀI 6. THỰC HIỆN TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG	67
BÀI 7. CUỘC SỐNG HOÀ BÌNH	75
BÀI 8. QUYỀN TRẺ EM	84
BÀI 9. MỘT SỐ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN	98



Phần thứ nhất

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG
VỀ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN
THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ**

I. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

1. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục phổ thông hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất :

- Yêu gia đình, quê hương, đất nước ;
- Nhân ái, khoan dung ;
- Trung thực, tự trọng, chí công vô tư ;
- Tự lập, tự tin, tự chủ và có tinh thần vượt khó ;
- Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên ;
- Tôn trọng, chấp hành kỉ luật, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ đạo đức.

1.1. Năng lực chung

a) Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân :

- Năng lực tự học
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực sáng tạo
- Năng lực tự quản lí

b) Nhóm năng lực về quan hệ xã hội :

- Năng lực giao tiếp
- Năng lực hợp tác

c) Nhóm năng lực công cụ :

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực tính toán

1.2. Mục tiêu môn Giáo dục công dân

Sau đây là những đề xuất của nhóm chuyên gia về những mục tiêu của môn Giáo dục công dân, cụ thể :

- Tự nhận thức về giá trị của bản thân.
- Tự điều chỉnh hành vi phù hợp với pháp luật và chuẩn mực đạo đức xã hội.
- Tự chịu trách nhiệm về các hành vi và việc làm của bản thân.
- Thực hiện trách nhiệm công dân với cộng đồng, đất nước.
- Giải quyết vấn đề cá nhân.
- Hợp tác giải quyết vấn đề xã hội.

Môn Giáo dục công dân lớp 6 cũng góp phần hình thành những năng lực trên thông qua các nội dung bài học trong chương trình.

2. NỘI DUNG

Chương trình được xây dựng dựa trên mục tiêu đã trình bày ở trên. Các chủ đề được lựa chọn là :

- Em là công dân Việt Nam
- Tự chăm sóc sức khỏe
- Sống cần kiệm
- Biết ơn
- Giao tiếp có văn hoá
- Thực hiện trật tự, an toàn giao thông
- Cuộc sống hoà bình
- Quyền trẻ em
- Một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Như vậy, học sinh được trang bị các nội dung cơ bản cần thiết để có thể trở thành người công dân hữu ích như : biết cách rèn luyện sức khỏe ; biết tạo ra đời sống tinh thần khoẻ mạnh, biết xây dựng cuộc sống hoà bình, bình an, biết sống có văn hoá, biết sống với chuẩn mực đạo đức xã hội và cuối cùng biết sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Trong khuôn khổ của chương trình Giáo dục công dân 6, các nội dung đưa vào theo mạch kiến thức trên nhưng với những nội dung bài học phù hợp.

Các nội dung được thiết kế theo hướng mở với gợi ý các cách thức tổ chức học tập đa dạng. Dàn bài của các chủ đề thường được thiết kế để trả lời những câu hỏi cơ bản sau :

- Khái niệm, từ khoá mà chủ đề hướng tới nghĩa là gì ?
- Những dấu hiệu, biểu hiện của khái niệm ấy là gì và điều đó thể hiện như thế nào ?
- Làm thế nào để học sinh hình thành được cách suy nghĩ tích cực và có hành động đúng đắn theo chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật trong đời sống ?

3. PHƯƠNG PHÁP

3.1. Một số định hướng đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng năng lực

a) Cân bằng giữa tổ chức hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm để hình thành năng lực cá nhân và năng lực làm việc nhóm

Quá trình dạy học phải coi hoạt động là bản chất của mình : có nghĩa là dạy học chính là quá trình tổ chức các hoạt động khác nhau để học sinh được hoạt động và lĩnh hội kiến thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo và năng lực.

Có nhiều hình thức hoạt động khác nhau, tùy theo tính chất và số lượng người tham gia, hoạt động có thể có những tên gọi : hoạt động tập thể, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân ; hoạt động thực hành, hoạt động vận dụng, hoạt động trải nghiệm, hoạt động nghiên cứu... Các hoạt động này cần sử dụng linh hoạt, hài hoà, cân đối để tăng hiệu quả của hoạt động đối với người học.

b) Tổ chức hoạt động rèn luyện năng lực thực tiễn

Mục đích cuối của quá trình dạy học là tạo ra năng lực thực tiễn cho người học. Phương pháp dạy học theo định hướng này có nghĩa là tổ chức cho học sinh được hành động trong thực tế ; học sinh học qua tình huống thực tiễn cuộc sống ; học sinh giải thích được thực tiễn bằng lí thuyết đã học ; học sinh được thực hành rèn luyện các kĩ năng...

c) Phát huy cao độ tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh trong quá trình học tập

Trong quá trình lĩnh hội kiến thức, kĩ năng và thái độ ở học sinh, tính tích cực được thể hiện từ cấp độ thấp nhất đến cấp độ cao nhất như sau :

– Bắt chước : tính tích cực thể hiện ở sự cố gắng làm theo mẫu hành động, thao tác, cử chỉ hành vi hay nhắc lại những gì trải qua...

– Tìm hiểu và khám phá : tính tích cực thể hiện ở sự chủ động hoặc ý muốn hiểu thấu đáo vấn đề nào đó để sau đó có thể tự giải quyết vấn đề...

– Sáng tạo : tính tích cực thể hiện ở khả năng linh hoạt và có thể đưa ra nhiều phương án khác nhau, hiệu quả trong giải quyết vấn đề.

Dựa theo những dấu hiệu này, giáo viên tổ chức hoạt động để học sinh có thể phát huy tính chủ động và sáng tạo ở người học.

d) Kết hợp một cách nhuần nhuyễn và sáng tạo các phương pháp dạy học khác nhau

Tính hiệu quả của phương pháp dạy học phụ thuộc vào người sử dụng. Nếu các phương pháp dạy học được kết hợp và bổ sung cho nhau thì việc dạy học ấy sẽ phù hợp được với sự đa dạng của người học, chống sự nhàm chán và tạo ra sự năng động trong cách nghĩ cách làm của học sinh.

e) Phát triển khả năng tự học của học sinh

Khả năng tự học không chỉ thể hiện ở việc tự giác học tập ; để có thể tự học tốt, cần hình thành cho học sinh phương pháp tự học, phương pháp lập kế hoạch học tập cá nhân và triển khai kế hoạch, phương pháp quản lí thời gian, phương pháp đọc – hiểu tài liệu, phương pháp tư duy độc lập... và phương pháp tự tìm kiếm tri thức hay ứng dụng tri thức vào cuộc sống. Nếu phương pháp dạy không hướng tới các phương pháp học thì người học khó hình thành được năng lực tự học hiệu quả.

Nguồn gốc của tính tích cực là nhu cầu. Khi học sinh có nhu cầu thì các em sẽ tự giác tìm kiếm tri thức. Khi phát hiện các tình huống mâu thuẫn của lí thuyết hay thực tế mà bằng kiến thức cũ không thể giải quyết được, học sinh buộc phải tìm con đường khám phá mới.

Đối với học sinh, tính tích cực bên trong thường nảy sinh do những tác động từ bên ngoài. Giáo viên phải tạo ra hàng loạt các mâu thuẫn, khéo léo lôi cuốn, hấp dẫn học sinh để các em tự ý thức tiếp nhận và tìm tòi cách giải đáp.

Khả năng tự học là năng lực rất quan trọng cho sự thành đạt của mỗi cá nhân. Muốn vậy, người giáo viên cần hướng dẫn học sinh phương pháp tự học sao cho hiệu quả, ví dụ như hướng dẫn học sinh tự lực suy nghĩ giải quyết vấn đề, cách ghi nhớ, tâm thế thi đua, vượt thử thách... Như vậy, khả năng tự học được rèn luyện ngay cả khi học trên lớp và khi học ở nhà.

g) Kiểm tra và đánh giá thường xuyên kết quả học tập của học sinh

Đánh giá là khâu cuối cùng của quá trình dạy học và nó có thể góp phần điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học. Ngược lại, đổi mới phương pháp dạy học sẽ phải đổi mới cách thức kiểm tra và đánh giá. Trong đánh giá, giáo viên lưu ý một điều rằng cần phải chuyển sự đánh giá của giáo viên thành quá trình tự đánh giá của học sinh về kết quả học tập và rèn luyện của bản thân. Cả thầy và trò cần đánh giá kết quả đạt được trong hoạt động của mình theo hệ mục tiêu đã đề ra.

3.2. Một số phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân

Phương pháp chủ yếu thực hiện chương trình này là tổ chức hoạt động cho học sinh, những phương pháp giúp học sinh tiếp nhận kiến thức một cách tự giác và chủ động, từ đó tự xây dựng kiến thức cho bản thân. Các phương pháp dạy học thường sử dụng trong dạy học môn Giáo dục công dân 6 :

- Phương pháp dạy học theo nhóm
- Phương pháp dạy học theo dự án
- Phương pháp dạy học dựa trên tình huống
- Phương pháp thuyết trình kết hợp với hỏi đáp
- Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình
- Phương pháp đóng vai
- Phương pháp trò chơi
- Phương pháp động não
- ...

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hình thức tổ chức dạy học trong các lớp học mô hình Trường học mới bao gồm các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm đôi, hoạt động nhóm, hoạt động chung cả lớp, hoạt động tư vấn với phụ huynh, với cộng đồng và các hoạt động bên ngoài lớp học. Giáo viên sẽ là người thiết kế ý tưởng các hoạt động, trao đổi với hội đồng tự quản những nội dung hoạt động mà các em phải triển khai hoặc hỗ trợ trên lớp học.

Trong các giờ học, học sinh chủ động điều hành các hoạt động của lớp học, giáo viên chỉ là người hỗ trợ, điều chỉnh khi cần thiết.

Để các giờ học diễn ra thuận lợi, giáo viên và học sinh cần chuẩn bị môi trường học tập, bàn ghế kê sao cho thuận tiện cho học sinh tương tác trong lớp học cũng như di chuyển và thay đổi các loại hoạt động hoặc các điều kiện phù hợp nếu hoạt động ngoài trời.

5. THIẾT BỊ VÀ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Dựa trên các hoạt động mô tả trong tài liệu, giáo viên chuẩn bị các vật liệu cần thiết như : bài hát, băng nhạc, tranh ảnh, biển báo, phiếu học tập... ; xây dựng góc học tập với đầy đủ các đồ dùng, tài liệu cần cho học tập và để sao cho học sinh dễ quan sát, dễ lấy, dễ sử dụng.

Đặc biệt lưu ý, giáo viên không nên để học sinh đọc trước những tài liệu liên quan đến đáp án cho các câu hỏi trong bài, vì điều này sẽ làm cho học sinh không chịu suy nghĩ nữa.

II. GIỚI THIỆU VỀ CẤU TRÚC CỦA SÁCH HƯỚNG DẪN HỌC BỘ MÔN

1. CẤU TRÚC NỘI DUNG

Nội dung sách Hướng dẫn học Giáo dục công dân 6 được cấu thành 9 chủ đề (bài). Mở đầu là bài : Em là công dân Việt Nam. Chủ đề này được đề cập đầu tiên như là phần giới thiệu nhập môn của môn học. Các em cần biết những điều kiện để trở thành công dân Việt Nam. Và quan trọng hơn là làm thế nào để giáo dục các em tự hào là công dân Việt Nam, tự hào về đất nước và con người Việt Nam. Trong chủ đề này, nội dung của bài “Mục đích học tập của học sinh” được lồng ghép vào đây như là nhiệm vụ quan trọng của người công dân ở lứa tuổi học sinh. Bài này cũng giới thiệu sơ lược quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm cơ bản của công dân Việt Nam.

Bài thứ 2 là bài : Tự chăm sóc sức khỏe. Muốn làm tròn bổn phận công dân thì cần có sức khỏe. Thói quen rèn luyện sức khỏe là một phần quan trọng của cuộc sống. Giáo viên cần cùng học sinh xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe phù hợp với mỗi cá nhân và có sự giám sát sau đó để bài học đi vào cuộc sống của các em.

Với chùm các chủ đề về Sống cần kiệm, Biết ơn, Cuộc sống hoà bình, học sinh sẽ hiểu được ý nghĩa của lối sống cần kiệm, lòng biết ơn, cũng như cuộc sống yên bình. Giáo viên cần tập trung vào hình thành các hành vi, việc làm cụ thể ở học sinh thể hiện lòng biết ơn, lao động cần cù và luôn biết tiết kiệm. Ngoài ra, học sinh còn được trang bị các cách giúp bản thân bình an và cách tham gia hoạt động xã hội vì hoà bình...

Chủ đề Giao tiếp có văn hoá ; Thực hiện trật tự, an toàn giao thông nhằm hướng tới việc hình thành những hành vi văn hoá cho học sinh trong giao tiếp và khi tham gia giao thông. Giáo viên cũng cần tập trung vào giáo dục hành vi phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp đa dạng và giáo dục ý thức tham gia giao thông trật tự, an toàn đối với mọi loại hình giao thông.

Hai bài cuối giúp học sinh hiểu biết về một số quy định của pháp luật liên quan trực tiếp đến lứa tuổi các em để các em biết sống, học tập theo pháp luật ; không vi phạm pháp luật.

2. CÁCH TRÌNH BÀY

Mỗi bài học/chủ đề được viết theo cấu trúc :



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Mục đích :

Giúp học sinh huy động những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân về các vấn đề có nội dung liên quan đến bài học mới ; Vì vậy nội dung thường đơn giản để tất cả học sinh đều có thể tham gia và dễ khởi động tư duy cũng như tạo hứng thú cho học sinh.

Ngoài ra hoạt động này giúp giáo viên đánh giá sơ bộ kinh nghiệm đã có của học sinh về chủ đề sắp dạy, từ đó lựa chọn cách tiếp cận cho phù hợp với đối tượng.

Nội dung :

Nội dung của phần khởi động có thể là:

- Câu hỏi về kinh nghiệm, về suy nghĩ của cá nhân liên quan đến chủ đề.
- Trò chơi với tạo hứng khởi, và dẫn dắt vào chủ đề.
- Bài hát, quan sát bức tranh... để khơi gợi cảm xúc và hiểu biết của học sinh về chủ đề.

Phương thức hoạt động :

- Hoạt động ở phần này nên tổ chức hoạt động chung cả lớp để mọi học sinh đều được khởi động một cách tích cực. Giáo viên là người tổ chức hoặc một học sinh được

giáo viên giao nhiệm vụ thực hiện trước cả lớp. Bằng hoạt động chung, hoạt động tập thể này giáo viên dễ dàng thực hiện khởi động cả lớp một cách hứng thú.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Mục đích :

Giúp học sinh tìm hiểu nội dung kiến thức của chủ đề, rèn luyện cho học sinh năng lực hiểu khái niệm; cung cấp cho học sinh con đường hình thành kiến thức, hành vi, thái độ được đề cập đến trong chủ đề.

Nội dung :

Dựa trên những tình huống, câu chuyện hay thông tin từ trong cuộc sống có liên quan đến chủ đề, giáo viên xây dựng hệ thống các câu hỏi để giúp học sinh tự khám phá khái niệm, giáo viên chỉ là người chốt lại hoặc chính xác hoá cách hiểu của học sinh.

Các hoạt động trong phần này tập trung vào giải quyết 3 mục đích chính : học sinh phải giải thích được khái niệm hoặc nội hàm của các thuật ngữ ; học sinh chỉ ra được dấu hiệu, biểu hiện, đặc điểm của khái niệm đó và học sinh biết cách phát triển các kiến thức, kỹ năng, thái độ liên quan đến chủ đề để biết sống theo chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Phương thức hoạt động :

Tài liệu nêu nhiệm vụ cụ thể và hướng dẫn học sinh hoạt động theo nhóm, cá nhân hoặc hoạt động chung để thực hiện nhiệm vụ. Kết thúc mỗi hoạt động, học sinh phải trình bày kết quả và thảo luận với giáo viên.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Mục đích :

Học sinh vận dụng được những kiến thức vừa học được từ phần Hoạt động hình thành kiến thức mới để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể. Thông qua đó, giáo viên đánh giá học sinh đã nắm được kiến thức hay chưa và ở mức độ nào.

Nội dung :

Nội dung phần này bao gồm những hoạt động thực hành được triển khai trên lớp là chủ yếu và một phần có thể triển khai ngoài lớp học. Các nhiệm vụ/bài tập dưới dạng như

trình bày, viết, thực hành, chứng minh, giải quyết tình huống... nhằm tạo tư duy lập luận chặt chẽ ; học sinh vận dụng những hiểu biết đã học vào giải quyết các bài tập/tình huống cụ thể giúp cho học sinh hiểu tất cả những nội dung được học trên lớp.

Phương thức hoạt động :

Học sinh có thể được hướng dẫn hoạt động cá nhân hoặc nhóm nhỏ, nhóm lớn thông qua các câu hỏi, bài tập, bài thực hành... Hoạt động cá nhân để học sinh hiểu và biết được mức độ hiểu biết của mình đến đâu, mức độ đóng góp của bản thân vào hoạt động nhóm và xây dựng các hoạt động của tập thể lớp. Sau đó cho học sinh hoạt động nhóm để trao đổi chia sẻ kết quả mình làm được, thông qua đó học sinh có thể học tập lẫn nhau, tự sửa lỗi cho nhau, giúp cho quá trình học tập của học sinh hiệu quả hơn. Tuy nhiên có những nội dung đặc thù lại cần thực hành dưới hình thức nhóm thì giáo viên bắt đầu bằng hoạt động nhóm. Kết thúc hoạt động này học sinh sẽ trao đổi với giáo viên để được bổ sung, uốn nắn những nội dung chưa đúng.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mục đích :

Khuyến khích học sinh nghiên cứu, sáng tạo, tìm ra cái mới theo sự hiểu biết của mình ; tìm phương pháp giải quyết vấn đề khác nhau cho cùng vấn đề ; góp phần hình thành năng lực học tập, năng lực vận dụng vào thực tế cuộc sống trong gia đình và cộng đồng.

Nội dung :

Hoạt động vận dụng khác với hoạt động thực hành. Hoạt động thực hành là làm bài tập cụ thể do giáo viên hoặc sách hướng dẫn đặt ra, còn hoạt động vận dụng là hoạt động triển khai ở tình huống mới trong cuộc sống ; động viên, khuyến khích học sinh nghiên cứu, sáng tạo ; giúp học sinh gắn bài học với thực tiễn cuộc sống gia đình, địa phương, tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình và các cá nhân, tổ chức ở địa phương. Ở phần này, sách Hướng dẫn học nêu các vấn đề cần phải giải quyết và yêu cầu học sinh phải tìm ra các cách giải quyết vấn đề khác nhau ; yêu cầu học sinh phải thể hiện năng lực thông qua trao đổi, thảo luận với các bạn trong lớp, giáo viên, gia đình và cộng đồng.

Phương thức hoạt động :

Học sinh được hướng dẫn hoạt động cá nhân và nhóm để trao đổi với các bạn về nội dung và kết quả của bài tập do mình đặt ra, sau đó thảo luận hoặc báo cáo với giáo viên về kế hoạch cũng như kết quả hoạt động. Đặc biệt cần lưu ý hướng dẫn học sinh trao đổi, thảo luận với gia đình về những vấn đề cần giải quyết hoặc nêu những câu hỏi để các

thành viên trong gia đình trả lời... Hoạt động với cộng đồng như tìm hiểu thêm về những vấn đề thực tiễn có liên quan đến nội dung bài học. Hoạt động với giáo viên có thể là trao đổi những kết quả và yêu cầu đánh giá.

Bên cạnh các hoạt động gợi ý trong tài liệu, giáo viên nên đưa ra thêm các hoạt động khác gắn với cuộc sống của các em và địa phương mình, gắn với tình hình xã hội ở thời điểm dạy học.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÀI MỞ RỘNG

Mục đích :

Khuyến khích học sinh tiếp tục tìm hiểu và mở rộng kiến thức, để không bao giờ được hài lòng với những gì đã có và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học. Ngoài ra, đây cũng là phần giáo viên sử dụng để dạy học mở rộng cho các đối tượng học nhanh.

Nội dung :

Giao cho học sinh những nhiệm vụ bổ sung và hướng dẫn học sinh tìm các nguồn tài liệu khác để mở rộng kiến thức đã học, cung cấp cho học sinh các nguồn sách tham khảo và nguồn tài liệu trên mạng, hoặc các nhiệm vụ được giao với độ khó cao hơn để học sinh thử sức mình.

Phương thức hoạt động :

Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, hoặc các hoạt động có tính cá nhân, hoạt động với cộng đồng hay với gia đình ; đồng thời yêu cầu học sinh làm các bài tập đánh giá năng lực.

III. TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. CHUẨN BỊ BÀI HỌC

Trước khi dạy, giáo viên cần đọc kĩ sách Hướng dẫn học xem mục tiêu cần đạt là gì ? Có những hoạt động nào giúp đạt được từng mục tiêu ? Các hoạt động được triển khai và kết quả hoạt động được kiểm tra, đánh giá như thế nào ?

Lưu ý các hoạt động đề xuất trong sách không phải là bất biến đối với quá trình dạy học trên lớp. Giáo viên có thể chọn lọc, điều chỉnh sao cho phù hợp với học sinh, với không gian của lớp học, với cơ sở vật chất... Tuy nhiên sự điều chỉnh không làm thay đổi

bản chất là học sinh được hoạt động đa dạng, chủ động tích cực và đạt được các mục tiêu đặt ra.

Các hoạt động được viết trong sách khá đa dạng, có hoạt động thực hiện trên lớp, có hoạt động ngoài lớp, ở nhà tự học... nhưng giáo viên vẫn phải đánh giá và kiểm tra kết quả mọi hoạt động, kể cả tự học. Giáo viên cần chuẩn bị mọi yếu tố cho hoạt động trước khi giờ học diễn ra, từ việc soạn giáo án của mình, chuẩn bị phương tiện dạy học, không gian dạy học, cho đến mọi tài liệu, vật liệu cần thiết được sắp xếp trước ở góc học tập.

2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC TẬP

Hướng dẫn chung về phương pháp tổ chức các hoạt động học tập của học sinh, bao gồm : hoạt động cá nhân ; hoạt động theo cặp ; hoạt động theo nhóm ; hoạt động cả lớp và hoạt động với cộng đồng.

Loại hình hoạt động được nêu trong sách Hướng dẫn học sẽ rất đa dạng. Tuy nhiên cần lưu ý là mỗi hoạt động đều phải diễn ra theo 4 bước :

- Chuyển giao nhiệm vụ (giáo viên giao trực tiếp hoặc đã được viết trong sách Hướng dẫn học) : Giáo viên phải biết chắc chắn học sinh đã hiểu đúng nhiệm vụ trước khi thực hiện chúng.

- Hoạt động tự chủ : Học sinh hoạt động cá nhân, cặp, nhóm... để trả lời các câu hỏi mà sách Hướng dẫn học hay giáo viên đặt ra, cũng như các nhiệm vụ được giao.

- Báo cáo và thảo luận : Học sinh cần báo cáo kết quả hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm cho giáo viên, hoặc báo cáo trước cả lớp.

- Kết luận, nhận định : Giáo viên nhận xét, đánh giá về kết quả hoạt động của học sinh, chính xác hoá kết quả học tập trên học sinh, sau đó chuyển tiếp sang hoạt động sau.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ

a) Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh ; coi trọng việc động viên, khuyến khích tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em ; đánh giá phải đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan và toàn diện.

b) Đánh giá những biểu hiện phẩm chất và năng lực của học sinh theo mục tiêu giáo dục, cụ thể : kết quả thu nhận kiến thức, kĩ năng và thái độ đã hình thành ; kết quả hoàn thành nhiệm vụ của học sinh ; các kĩ thuật đánh giá được áp dụng cần phù hợp với đặc điểm tổ chức lớp học, quá trình hoạt động dạy học/giáo dục trong mô hình Trường học mới.

c) Kết hợp đánh giá của giáo viên, các đoàn thể, tổ chức trong và ngoài nhà trường, cha mẹ học sinh, đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá của học sinh. Sau đó, giáo viên tổng hợp các ý kiến, xem xét lại các ý kiến và đưa ra quyết định về học sinh.

d) Đánh giá sự tiến bộ của mỗi học sinh, không so sánh với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

2. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

– Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình Giáo dục công dân ; đánh giá các năng lực cần hình thành từ đặc trưng của môn học Giáo dục công dân (trình bày ở phần năng lực chuyên biệt của môn Giáo dục công dân) :

– Đánh giá sự hình thành và phát triển năng lực chung của học sinh :

+ Tự quản ;

+ Giao tiếp, hợp tác ;

+ Tự học và giải quyết vấn đề...

– Đánh giá sự hình thành, phát triển các phẩm chất của học sinh :

+ Yêu gia đình, quê hương, đất nước ;

+ Nhân ái, khoan dung ;

+ Trung thực, tự trọng, chí công vô tư ;

+ Tự lập, tự tin, tự chủ và có tinh thần vượt khó ;

+ Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên ;

+ Tôn trọng, chấp hành kỉ luật, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ đạo đức.

3. SỬ DỤNG MỘT SỐ HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ TRÊN LỚP TRONG QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

3.1. Đánh giá thường xuyên

a) Đánh giá thường xuyên quá trình học tập, rèn luyện được thực hiện trên lớp học theo tiến trình các bài học, các hoạt động giáo dục ở nhà trường và trong cuộc sống hằng ngày của học sinh ở gia đình và ở cộng đồng.

b) Tham gia đánh giá thường xuyên đối với học sinh gồm : giáo viên ; học sinh (tự đánh giá và đánh giá bạn qua hoạt động của tổ, nhóm, hội đồng tự quản...) ; cha mẹ và những người có trách nhiệm trong cộng đồng (gọi chung là phụ huynh).

c) Cách đánh giá thường xuyên theo tiến trình bài học và hoạt động giáo dục :

* Giáo viên đánh giá :

Dựa trên đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động mà học sinh phải thực hiện trong bài học (hoạt động khởi động, hoạt động cơ bản, hoạt động thực hành, hoạt động ứng dụng ; hoạt động bổ sung), giáo viên thường xuyên quan sát, theo dõi cá nhân học sinh, nhóm học sinh trong quá trình học tập để có nhận định, động viên hoặc gợi ý, hỗ trợ kịp thời đối với từng việc làm, từng nhiệm vụ của mỗi cá nhân hoặc của cả nhóm học sinh ; nếu hoàn thành nhiệm vụ thứ nhất thì chuyển sang nhiệm vụ thứ hai cho đến khi hoàn thành bài học ; chấp nhận sự khác nhau (nếu có) về thời gian, tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ học tập của các học sinh trong lớp.

Các phẩm chất và năng lực được hình thành và phát triển trong quá trình trải nghiệm, tham gia thường xuyên vào các hoạt động học tập, sinh hoạt tập thể hằng ngày. Giáo viên quan sát từng học sinh để kịp thời đưa ra những nhận định về một số biểu hiện của phẩm chất và năng lực của học sinh ; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn, phát huy ưu điểm và các tố chất riêng, sửa chữa khuyết điểm để ngày càng tiến bộ.

Trong quá trình đánh giá thường xuyên, giáo viên ghi vào Nhật kí đánh giá của mình những điều cần đặc biệt lưu ý, giúp ích cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc tập thể học sinh.

* Học sinh đánh giá :

– Học sinh tự đánh giá : đối với mỗi nhiệm vụ/hoạt động cá nhân, học sinh cố gắng tự thực hiện ; trong quá trình thực hiện hoặc sau khi thực hiện nhiệm vụ, học sinh tự đánh giá việc làm và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình. Chia sẻ kết quả hoặc khó khăn không thể vượt qua với bạn/nhóm bạn hoặc giáo viên để giúp bạn hoặc được bạn hay giáo viên giúp đỡ kịp thời ; báo cáo kết quả cuối cùng với giáo viên để được xác nhận hoàn thành hoặc được hướng dẫn thêm.

– Học sinh đánh giá bạn (đánh giá đồng đẳng) : ngay trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập, sinh hoạt tập thể, giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia đánh giá bạn hoặc nhóm bạn. Ví dụ : giáo viên yêu cầu học sinh quan sát hoạt động để nhận xét bài làm, câu trả lời của bạn/nhóm bạn hoặc giúp bạn hoạt động hiệu quả hơn. Giáo viên có thể đưa ra lời nhận xét, góp ý đối với các đánh giá của học sinh cũng trên tinh thần tôn trọng ý kiến của các em.

Mỗi học sinh có nhật kí tự đánh giá, ghi lại những gì đã làm được, chưa làm được ; những mong muốn của bản thân trong quá trình học tập, sinh hoạt và rèn luyện ; những điều muốn nói với các bạn, thầy cô giáo, cha mẹ và người thân. Nhật kí này là của riêng học sinh, có thể chia sẻ hoặc không chia sẻ với người khác.

* Phụ huynh đánh giá :

Phụ huynh được mời tham gia hoặc quan sát các hoạt động dạy học/giáo dục của nhà trường, sử dụng tài liệu hướng dẫn học tập, đáp ứng các yêu cầu của học sinh trong quá trình học tập, nhất là những hoạt động học tập, sinh hoạt ở gia đình, ở cộng đồng và nên ghi nhận định vào phiếu đánh giá. Thông qua đó động viên, giúp đỡ các em học tập, rèn luyện, phát triển kĩ năng sống, vận dụng kiến thức vào cuộc sống và tham gia các hoạt động xã hội, đời sống của cộng dân.

3.2. Đánh giá định kì kết quả học tập

Đánh giá định kì có thể thông qua nhiều hình thức khác nhau : đánh giá qua bài kiểm tra ; đánh giá qua kết quả hoạt động nhóm, hoạt động dự án, đánh giá qua bài thực hành/ trình diễn...

Dù dưới hình thức nào, đề kiểm tra – đánh giá định kì gồm các câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ đánh giá được các mức độ :

– Mức 1 : Học sinh nhận biết hoặc nhớ, nhắc lại đúng kiến thức đã học khi được yêu cầu ; diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình.

– Mức 2 : Học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống/vấn đề mới, tương tự tình huống/vấn đề đã học.

– Mức 3 : Học sinh vận dụng các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống/vấn đề mới, không giống với những tình huống/vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

Kết quả kiểm tra định kì phản ánh mức độ đạt được kiến thức, kĩ năng và năng lực môn học của học sinh, được đánh giá thông qua hình thức cho điểm (thang điểm 10) kết hợp với sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm, hạn chế và góp ý cho học sinh.

3.3. Đánh giá tổng hợp cuối học kì I, cuối năm học

Giáo viên sử dụng tổng hợp các đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì kết quả học tập các môn học để ghi Phiếu đánh giá tổng hợp cuối học kì I, cuối năm học về quá trình học tập, rèn luyện của từng học sinh, cụ thể :

– Mức độ hoàn thành các bài học trong chương trình theo chuẩn kiến thức, kĩ năng ; đã hoàn thành đến nội dung cụ thể của bài học nào ; năng khiếu, hứng thú về từng môn học/hoạt động giáo dục.

– Những biểu hiện, sự tiến bộ và mức độ đạt được của từng nhóm phẩm chất, năng lực ; ưu điểm, hạn chế, đặc điểm, năng khiếu và thành tích nổi bật của học sinh. Góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, phụ huynh.

– Các thành tích được tuyên dương, khen thưởng.

Phiếu đánh giá tổng hợp cuối học kì I, cuối năm học là bản chứng nhận mức độ hoàn thành chương trình và xác định nhiệm vụ bắt đầu khi vào học kì II, vào năm học mới của từng học sinh. Đối với học sinh chưa hoàn thành, cần ghi rõ đã hoàn thành đến nội dung cụ thể của bài học nào để giáo viên có kế hoạch hướng dẫn tiếp theo.

Đánh giá tổng hợp có thể dựa vào Hồ sơ đánh giá.

Mỗi học sinh có bộ hồ sơ đánh giá trong năm học, bao gồm :

– Nhật kí đánh giá của giáo viên ghi những lưu ý đặc biệt trong quá trình đánh giá thường xuyên về học sinh ;

– Các bài kiểm tra định kì đã được giáo viên đánh giá ;

– Phiếu đánh giá tổng hợp cuối học kì I, cuối năm học ;

– Phiếu đánh giá của phụ huynh ;

– Nhật kí tự đánh giá của học sinh (nếu có) ;

– Các sản phẩm hoặc các vật thay thế sản phẩm của hoạt động giáo dục, văn hoá, nghệ thuật,...(nếu có) ;

– Các loại giấy chứng nhận, giấy khen, thư cảm ơn, xác nhận thành tích,... của học sinh trong năm học (nếu có).

Bộ hồ sơ là minh chứng của sự tiến bộ trong quá trình và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, đồng thời là phương tiện liên lạc giữa học sinh với giáo viên, giữa nhà trường với gia đình học sinh.



Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC CHỦ ĐỀ



Bài 1

EM LÀ CÔNG DÂN VIỆT NAM

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Nêu được các điều kiện là công dân Việt Nam theo quy định của pháp luật.
- Trình bày được những yếu tố làm nên niềm tự hào của mỗi người công dân Việt Nam cũng như dân tộc Việt Nam.
- Thể hiện được một số hành vi và thái độ tích cực của người công dân nhỏ tuổi trong gia đình, nhà trường, xã hội ; đặc biệt trong việc học tập và phát huy truyền thống hiếu học tốt đẹp của dân tộc.
- Tự hào mình là công dân Việt Nam.

NỘI DUNG CHÍNH

Với chủ đề này giáo viên tập trung vào các nội dung chính sau:

- Các điều kiện để trở thành công dân Việt Nam (tìm hiểu Luật Quốc tịch của Việt Nam).
- Khám phá vẻ đẹp của đất nước và phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam để mỗi học sinh thêm yêu quê hương đất nước và con người Việt Nam, tự hào là công dân Việt Nam thông qua thơ ca, tác phẩm văn học, cao dao tục ngữ, các tấm gương trong cuộc sống và cả từ những con người gần gũi sống quanh ta.
- Tìm hiểu mục đích và ý nghĩa học tập để học sinh thấy rõ hơn trách nhiệm của bản thân trong học tập, góp phần tạo nên hình ảnh Việt Nam đáng tự hào.
- Tìm hiểu phương pháp học có hiệu quả, cách phấn đấu để thực hiện được mục tiêu học tập.
- Tìm hiểu các cách thể hiện thái độ và hành vi tích cực của người công dân.

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hát ca ngợi Tổ quốc và con người Việt Nam

Trong hoạt động khởi động, giáo viên cần làm cho tất cả học sinh hứng khởi với giờ học, chính vì vậy nhiệm vụ hoạt động cần vừa sức và gắn với kinh nghiệm của học sinh.

Khi đề nghị học sinh tìm những bài hát ca ngợi đất nước và con người Việt Nam, giáo viên cần khai thác vì sao học sinh lại yêu thích bài hát đó. Cần hướng học sinh suy nghĩ về cảm xúc của bản thân khi nghe bài hát đó.

Hãy thảo luận với cả lớp để chọn ra một bài mà nhiều người có thể hát được nhất, hoặc giáo viên định hướng đến bài hát quen thuộc với các em để các em có thể hát. Tương tự với hoạt động 1, hãy tập trung hỏi về cảm xúc của học sinh khi nghe bài hát : đó là tình yêu quê hương đất nước và tự hào về đất nước mình.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I - ĐIỀU KIỆN LÀ CÔNG DÂN VIỆT NAM

1. Tìm hiểu điều kiện là công dân Việt Nam

Sau khi trao đổi, thảo luận với học sinh về điều kiện là công dân Việt Nam, giáo viên chốt lại : Công dân Việt Nam phải là người có quốc tịch Việt Nam. Sau đó cho học sinh đọc một số quy định trong Luật Quốc tịch Việt Nam.

Sau khi đọc xong một số quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam, cho học sinh tìm các thông tin trong Luật để trả lời về những điều kiện trở thành công dân Việt Nam.

– Điều kiện về bố, mẹ :

+ cả hai bố mẹ là công dân Việt Nam thì con là công dân Việt Nam.

+ hoặc bố hoặc mẹ là người Việt Nam, người kia là người nước ngoài, nếu bố mẹ không thống nhất được quốc tịch của con và trẻ sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam thì trẻ có quốc tịch Việt Nam.

– Điều kiện về nơi sinh : Trẻ sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam và bị bỏ rơi, không ai thừa nhận thì trẻ có quốc tịch Việt Nam, là công dân Việt Nam.

– Điều kiện về nơi ở : sinh ra tại Việt Nam, bố mẹ không rõ quốc tịch nhưng có nơi ở thường trú tại Việt Nam, trẻ sẽ có quốc tịch Việt Nam.

– Điều kiện về quốc tịch : công dân Việt Nam phải có quốc tịch Việt Nam.

– Các điều kiện khác : Công dân nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở Việt Nam có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện (giáo viên tìm hiểu thêm trong Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008).

2. Tìm hiểu ai là công dân Việt Nam trong đoạn hội thoại

Lưu ý : học sinh cần dựa vào Luật Quốc tịch để trả lời cho từng nhân vật trong đoạn hội thoại. Giáo viên tham khảo thêm Luật Quốc tịch để bổ sung cho câu trả lời.

Hoa là công dân Việt Nam vì bố mẹ Hoa là người Việt Nam và đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam (theo điều 15).

Minh là công dân Việt Nam vì đang sinh sống và học tập tại Việt Nam, bố mẹ đang công tác ở nước ngoài nhưng vẫn có quốc tịch Việt Nam (điều 15).

Trung là công dân Việt Nam vì bố mẹ Trung đều mang quốc tịch Việt Nam mặc dù Trung sinh ra ở Úc (điều 15).

Tuấn là công dân Việt Nam vì sinh ra ở Việt Nam và được bố mẹ nuôi người Việt Nam nhận làm con (vận dụng điều 18).

Lê-na có bố mang quốc tịch Việt Nam. Nếu bố mẹ Lê-na thoả thuận với nhau và đồng ý để Lê-na mang quốc tịch Việt Nam thì Lê-na là công dân Việt Nam. Mẹ Lê-na mang quốc tịch Nga, và nếu họ để Lê-na mang quốc tịch Nga thì Lê-na không phải là công dân Việt Nam (khoản 2 điều 16).

II - TỰ HÀO LÀ CÔNG DÂN VIỆT NAM

1. Tìm hiểu về quê hương, đất nước và con người Việt Nam

Khi quan sát ảnh, trao đổi với học sinh để các em có thể nói ra được những biểu tượng :

– Hoa sen : Quốc hoa – thanh tao

– Áo dài : truyền thống trang phục của phụ nữ Việt Nam – dịu dàng, duyên dáng

– Cây tre : gắn bó với hình ảnh làng quê, con người Việt Nam, biểu tượng về sự mềm mại, khả năng thích nghi và sự bền chắc.

– Văn Miếu – Quốc Tử Giám : biểu tượng về sự hiếu học

– Gia đình : sự gắn bó, hiếu nghĩa của các thành viên trong gia đình

– Cánh đồng lúa vàng : sự cần cù lao động.

Điều quan trọng là giáo viên khơi gợi được niềm tự hào, cảm xúc tích cực ở học sinh khi tiếp xúc với các biểu tượng hay hình ảnh quê hương đất nước.

2. Tìm vẻ đẹp của con người và quê hương Việt Nam trong bài hát “Việt Nam quê hương tôi” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận

Giáo viên cố gắng tìm được giai điệu bài hát để học sinh nghe và cảm nhận vẻ đẹp của quê hương thông qua âm nhạc. Trong trường hợp không có điều kiện cho học sinh nghe, giáo viên có thể tự hát hoặc nhờ học sinh nào đó biết bài này hát ; nếu không thì cho học sinh đọc lời bài hát. Hãy “vẽ” ra không gian tưởng tượng để học sinh cảm thụ tốt hơn về phong cảnh và con người Việt Nam. Sau đó cho học sinh nói ra cảm xúc của bản thân đối với mỗi hình ảnh được mô tả trong lời bài hát.

3. Tìm hiểu về những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam

Giáo viên có thể hỏi học sinh về những phẩm chất tốt đẹp từ những con người cụ thể trong cuộc sống xung quanh, sau đó khái quát thành những phẩm chất của con người Việt Nam, được thể hiện trong các tác phẩm văn học, thơ ca, hay ca dao tục ngữ.

Học sinh không chỉ đơn giản nêu tên người mình ngưỡng mộ mà phải chỉ ra được hành vi cụ thể ở người đó là gì.

Ví dụ : kể về phẩm chất cần cù chăm chỉ lao động của bác X, một bác nông dân gần nhà em. Phẩm chất này thể hiện qua các hành vi : không nề hà, sẵn sàng bắt tay làm việc ; cặm cuội làm việc ngoài đồng từ sáng đến lúc tối trời... về đến nhà lại dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc đàn lợn gà ; chẳng thấy bác nghỉ ngơi, ngoài lúc đi ngủ...

4. Đọc Năm điều Bác Hồ dạy

Giáo viên cho học sinh cơ hội kể về những phương pháp có thể áp dụng Năm điều Bác dạy vào cuộc sống và học tập của các em. Sau đó hãy thảo luận với các em.

Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào : sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc bằng việc làm phù hợp ; không gây gỗ đánh nhau, yêu thương các em nhỏ.

Học tập tốt, lao động tốt : chăm học, nhận được nhiều hoa điểm tốt, tham gia giúp đỡ gia đình trong việc nhà, trực nhật trường lớp.

Đoàn kết tốt, kỉ luật tốt : không chia bè phái, sống hoà đồng với các bạn, với hàng xóm ; luôn tuân thủ những quy định nội quy của trường lớp, của cộng đồng, các quy định của pháp luật.

Giữ gìn vệ sinh thật tốt : giữ vệ sinh cá nhân, nếp sinh hoạt sạch sẽ ở nhà, ở lớp và ở trường ;...

Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm : luôn thể hiện sự khiêm nhường, ham học hỏi ; thể hiện sự trung thực ; không nói dối để ảnh hưởng đến bản thân và người khác ;...

III - HỌC TẬP TỐT - NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG CỦA NGƯỜI CÔNG DÂN NHỎ TUỔI

1. Suy nghĩ và chia sẻ về mục đích học tập của bản thân

Cho học sinh hiểu mục đích học tập là gì ? Ý nghĩa của việc đặt mục đích học tập, tại sao cần xác định mục đích học tập đúng đắn ?

Giáo viên cho học sinh phân tích ý nghĩa của việc học tập đối với cuộc sống cá nhân và xã hội.

2. Tìm hiểu các cách để đạt mục đích học tập

Giáo viên có thể cho các em nêu kinh nghiệm về phương pháp học tập của các em. Phương pháp nào hiệu quả, phương pháp nào cần cải tiến ? Mỗi cá nhân học được gì từ bạn của mình ?

3. Học tập tấm gương người công dân trẻ tuổi tiêu biểu

Giáo viên cho học sinh đọc câu chuyện và đặc biệt chú ý những thông tin :

– Những thành tựu mà Hảo đạt được, sau đó chỉ ra nguyên nhân vì sao Hảo đạt được những thành tựu như thế.

– Giáo dục lòng tự hào về bản thân.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Xác định ai là công dân Việt Nam

Em hãy đọc các trường hợp được mô tả trong cột bên trái và trả lời ở cột bên phải.

Trường hợp	Trả lời
a) Bé Na sinh ra với nước da đen, tóc xoăn và bị bỏ lại tại bệnh viện thuộc tỉnh Phú Yên, Việt Nam. Không ai biết bố mẹ của bé đến từ đâu nhưng bé được một gia đình Việt Nam chính thức nhận nuôi. Bé Na là công dân của nước nào ?	Bé Na là công dân Việt Nam vì bé sinh ra trên đất nước Việt Nam mặc dù về mặt nhân chủng học bé không phải là người Việt Nam. Hơn nữa, bé lại không có cha mẹ thừa nhận để quyết định bé mang quốc tịch nào. (mục 1 điều 18 Luật Quốc tịch Việt Nam)

Trường hợp	Trả lời
b) Cô Lan sinh ra và lớn lên ở TP. Hồ Chí Minh. Từ năm 1975 đến nay, cô Lan sống ở Mỹ và chưa có dịp trở về Việt Nam lần nào. Cô Lan có phải là công dân Việt Nam không ?	Có mấy trường hợp xảy ra : - Nếu cô Lan đã nhập quốc tịch Mỹ, cô Lan là người Mỹ, gốc Việt và không phải là công dân Việt Nam. - Nếu cô Lan chưa nhập quốc tịch Mỹ, và vẫn có liên lạc với nhà chức trách Việt Nam để giữ quốc tịch Việt Nam thì cô Lan vẫn là công dân Việt Nam.
c) Hoa năm nay 12 tuổi, sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Bố mẹ Hoa là người Trung Quốc theo gia đình đến Việt Nam làm ăn đã lâu nhưng chưa gia nhập quốc tịch Việt Nam. Hỏi Hoa có phải là công dân Việt Nam không ?	Hoa không phải là công dân Việt Nam vì sinh ra tại Việt Nam nhưng bố mẹ chưa nhập quốc tịch Việt Nam.

2. Đánh giá mục đích học của bản thân

Bên cạnh những mục đích học tập đã nêu trong sách, giáo viên khích lệ học sinh bổ sung những mục đích học tập khác. Cho học sinh đánh giá các mục đích học tập đó, mục đích nào là quan trọng đối với bản thân, mục đích học tập nào là đúng đắn theo quan điểm xã hội.

3. Viết về mục đích học tập của em

Với hoạt động này, giáo viên cần hỗ trợ học sinh gắn những gì học được trong nhà trường với thực tiễn cuộc sống của các em. Ví dụ :

Học môn Toán giúp em biết tính toán khi cần thiết trong cuộc sống, các phép tính cộng, trừ, nhân, chia... là những phép tính sử dụng thường xuyên, tuy đơn giản nhưng lại thiết yếu.

Học môn Ngữ văn đã giúp em biết đọc, biết viết..., nhờ đó em có thể học và hiểu ngôn ngữ xung quanh...

4. Suy ngẫm điều Bác Hồ dạy

Khi cho học sinh thực hiện hoạt động này, giáo viên lưu ý hãy cho học sinh nhận thức rõ :

- Vai trò của cá nhân đối với đất nước
- Cá nhân luôn được tạo điều kiện để phát triển
- Tổ quốc luôn tự hào về thành công của các công dân của mình.

5. Phòng vấn về hình ảnh đất nước và con người Việt Nam

Hoạt động này không những giúp học sinh cảm nhận sâu sắc hơn về đất nước và con người Việt Nam cũng như khơi gợi niềm tự hào trong họ mà còn giúp học sinh phát triển kĩ năng giao tiếp, sự tự tin. Giáo viên nên sử dụng hình thức nhóm đôi cùng một lúc để tăng hiệu quả hoạt động này.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Quan sát và nhận xét về trách nhiệm công dân của những người sống xung quanh mình

Hãy yêu cầu học sinh mô tả rõ hành vi có trách nhiệm của những người sống xung quanh mình. Giải thích vì sao họ có thể làm được như vậy.

Tương tự, hãy mô tả những hành vi chưa thể hiện trách nhiệm công dân. Hãy phân tích hậu quả của những hành vi đó.

Sau đây, học sinh rút ra bài học cho bản thân để có thể noi gương tốt và tránh được gương xấu.

2. Suy ngẫm về bản thân

Với hoạt động này, giáo viên cố gắng hướng sự chú ý của các em vào cảm xúc tự hào, gắn bó khi nghe Quốc ca trong giờ chào cờ, hoặc khi nghe bài Quốc ca Việt Nam được cử trên các đấu trường quốc tế... Nếu học sinh trả lời không biết thì giáo viên có thể lưu ý các em thử thật tập trung tự theo dõi cảm xúc của mình, các em sẽ tìm thấy nhiều điều thú vị. Trong các giờ học tiếp theo hãy hỏi lại câu hỏi này.

3. Xây dựng kế hoạch phát triển trách nhiệm công dân

Giáo viên có thể gợi ý cho học sinh một số dự án thể hiện trách nhiệm công dân :

– Giữ gìn sân trường sạch đẹp ; con đường xung quanh nhà em luôn sạch sẽ ; vận động tham gia giao thông an toàn, tuân thủ luật giao thông...

Lưu ý : Các dự án cần có tính thực tiễn, tính khả thi.

4. Sinh hoạt theo chủ đề : Đất nước và con người Việt Nam

Giáo viên giao nhiệm vụ cho 4 nhóm thực hiện ngoài giờ lên lớp : 2 nhóm làm báo ảnh ; 2 nhóm làm báo viết.

Sản phẩm sẽ nộp lại theo thời gian mà giáo viên quy định. Lưu ý là giáo viên cần phải nhận xét và đánh giá sản phẩm của các nhóm.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Tìm hiểu về một số quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam trong Hiến pháp 2013

Hình ảnh minh họa cho những quyền hoặc nghĩa vụ của công dân :



Điều 35

1. Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc



Điều 39

Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập



Điều 22

1. Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp



Điều 45

1. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân

2. Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân



Điều 34

Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội



Điều 38

1. Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh



Điều 46

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật ; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng



Điều 43

Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

1. Giáo viên thu thập các minh chứng từ những bài làm cá nhân, nhóm và từ các quan sát trong giờ dạy, sau đó tổng hợp lại thành bảng dưới đây.

2. Giáo viên có thể xây dựng ma trận để theo dõi và đánh giá theo mục tiêu theo các mức :

A : Tốt

B : Khá

C : Trung bình

D : Chưa đạt

Ví dụ :

MỤC TIÊU TÊN	Nêu được các điều kiện là công dân Việt Nam theo quy định của pháp luật	Trình bày được những yếu tố làm nên niềm tự hào của mỗi người công dân Việt Nam cũng như dân tộc Việt Nam	Chỉ ra được mục đích và ý nghĩa học tập của học sinh, phát huy truyền thống hiếu học tốt đẹp của dân tộc	Thể hiện được một số hành vi và thái độ tích cực của người công dân trong gia đình, nhà trường và xã hội	Tự hào mình là công dân Việt Nam
Lê M	A	A	B	B	C
Lưu N	B	C	D	B	B
Đặng M					
Đinh N					
Hồ Q					

Bảng này cả giáo viên và học sinh dùng để đánh giá.

3. Bên cạnh đó, giáo viên có thể xây dựng các bài kiểm tra, các tình huống để kiểm tra mức độ kiến thức đã thu nhận được của học sinh và những kĩ năng học được theo yêu cầu của chương trình.

Bài 2

TỰ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Lí giải được vì sao phải tự chăm sóc sức khỏe.
- Biết và thực hiện được việc tự chăm sóc, rèn luyện sức khỏe.
- Nhận xét, đánh giá được những hành vi tự chăm sóc sức khỏe của bản thân và của người khác.
- Có thái độ quan tâm, quý trọng sức khỏe của bản thân và của người khác.

NỘI DUNG CHÍNH

Bài “Tự chăm sóc sức khỏe” không chỉ cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản, ban đầu về sức khỏe và vai trò của sức khỏe đối với cuộc sống con người mà còn có vai trò quan trọng trong việc hình thành cho học sinh kĩ năng tự rèn luyện, chăm sóc sức khỏe, tự giác tự chăm sóc sức khỏe cho bản thân.

Các phương pháp dạy học có thể được sử dụng trong bài : nêu vấn đề, nghiên cứu trường hợp điển hình, thảo luận nhóm... Giáo viên tổ chức cho học sinh quan sát tranh ảnh, đọc thông tin, sự kiện, nghiên cứu tình huống... để xác định những cách chăm sóc sức khỏe cho bản thân và thực hiện theo các cách đó.

Giáo viên cần kết hợp giữa việc hướng dẫn học sinh tự học, tự nghiên cứu kiến thức với việc vận dụng kiến thức đó vào cuộc sống của bản thân theo hướng gợi mở để khuyến khích học sinh chia sẻ cách nghĩ, cách làm của mình với các bạn, thầy cô và cộng đồng.

Căn cứ vào điều kiện dạy học, giáo viên có thể sử dụng hoặc lược bỏ hoặc thay thế/ bổ sung những hoạt động dạy học cho phù hợp với đối tượng học sinh.

Với chủ đề “Tự chăm sóc sức khỏe”, cần tập trung vào các nội dung chính :

1. Sự cần thiết phải tự chăm sóc sức khỏe

- Sức khỏe là gì ?
- Thế nào là tự chăm sóc sức khỏe ?
- Ý nghĩa của việc tự chăm sóc sức khỏe ?

2. Cần làm gì để tự chăm sóc sức khỏe

- Cách tự chăm sóc sức khỏe.
- Phân biệt những việc làm có lợi cho sức khỏe và những việc làm có hại cho sức khỏe.

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Chơi trò chơi “Vật tay”

– **Mục đích** : Tạo hứng thú và tâm thế học tập cho học sinh. Huy động vốn hiểu biết của học sinh về chủ đề sức khỏe. Khơi gợi mong muốn tìm hiểu cách tự chăm sóc sức khỏe phù hợp với bản thân.

– **Phương pháp tổ chức hoạt động** : Phương pháp trò chơi.

– **Gợi ý cách thực hiện** :

Cả lớp chơi trò chơi theo hướng dẫn trong sách *Hướng dẫn học Giáo dục công dân 6*.

Giáo viên hướng dẫn học sinh giới thiệu quản trò, trọng tài cho cuộc chơi. Hướng dẫn những công việc cần làm cho quản trò, trọng tài và hướng dẫn học sinh trong lớp thực hiện các động tác của trò chơi. Cho học sinh ổn định để chia sẻ và trả lời câu hỏi (Có thể cho học sinh chia sẻ theo cặp, sau đó gọi một vài em trình bày trước lớp).

Lưu ý :

Giáo viên phải bao quát được việc tham gia của học sinh trong lớp và có sự hỗ trợ kịp thời khi học sinh gặp khó khăn trong việc thực hiện hoạt động.

Tùy vào đối tượng học sinh, môi trường lớp học, các điều kiện học tập... giáo viên có thể thiết kế các hoạt động khởi động khác như : thi ô chữ, thi hát, kể chuyện, đố vui, nhảy theo nhạc...



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Sức khỏe và ý nghĩa của sức khỏe

Mục đích : Học sinh hiểu về sức khỏe và tầm quan trọng của sức khỏe đối với cuộc sống.

Phương pháp, kĩ thuật dạy học : phương pháp quan sát, thảo luận nhóm.

Gợi ý cách thực hiện :

a) Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi :

– Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát ảnh trực tiếp trong sách Hướng dẫn học hoặc chiếu lên bảng các ảnh Bác Hồ đang rèn luyện sức khỏe. Các hoạt động đó làm cho con người nói chung và Bác thêm khỏe mạnh.

Tuy bận rất nhiều công việc quốc gia đại sự nhưng Bác Hồ thường xuyên tập thể dục : tập tạ, chơi bóng chuyền, bơi lội, tập thái cực quyền... Bác chính là một tấm gương sáng về rèn luyện, chăm sóc sức khỏe.

Lưu ý : Giáo viên có thể tìm và thay bằng các ảnh hay video gần gũi hơn.

b) Hãy nêu các biểu hiện của sức khỏe vào bảng :

Sức khỏe	
Biểu hiện (thể chất, tinh thần)	- Cơ thể cân đối, không béo phì hoặc còi xương, suy dinh dưỡng ; - Thể lực tốt, dẻo dai, nhanh nhẹn ; - Cơ thể có khả năng chống đỡ các yếu tố gây bệnh ; - Có khả năng chịu đựng được những điều kiện khắc nghiệt của môi trường ; - Bình an trong tâm hồn, biết cách chấp nhận và đương đầu với những căng thẳng trong cuộc sống ; - Luôn vui vẻ, thanh thản, suy nghĩ lạc quan, yêu đời, quan niệm sống lành mạnh, có đạo đức ; - Sống thẳng băng và hài hoà giữa lí trí và tình cảm ; ...

c) Sức khỏe có cần thiết cho mỗi người ? Tại sao ?

Sức khỏe rất cần thiết cho cuộc sống của mỗi người, giúp con người có thể thành công trong học tập, lao động và trong cuộc sống ; sống an toàn, hiệu quả và hạnh phúc.

2. Tìm hiểu sự cần thiết phải tự chăm sóc sức khỏe

Mục đích : Học sinh lí giải được sự cần thiết phải tự chăm sóc sức khỏe của bản thân.

Phương pháp, kĩ thuật dạy học : phương pháp phân tích trường hợp điển hình, thảo luận nhóm.

Gợi ý thực hiện :

a) Đọc truyện và trả lời câu hỏi

– Câu chuyện “Cậu bé tốc độ Toàn Minh Thành” trong sách Hướng dẫn học là một tấm gương điển hình về học sinh tự chăm sóc sức khỏe, biết cách tự chăm sóc sức khỏe.

– Giáo viên yêu cầu học sinh đọc, phân tích và trả lời câu hỏi. Ngoài ra giáo viên có thể cho học sinh liên hệ thực tế bằng việc kể lại các câu chuyện có thật tương tự hoặc đặt thêm câu hỏi liên hệ nhằm hình thành cho học sinh những thói quen ăn uống, sinh hoạt, vui chơi giải trí, chơi các môn thể thao phù hợp có lợi cho sức khỏe. Ví dụ : Em đã có những việc làm nào giống như Toàn Minh Thành ? Sau bài học này, em có tiếp tục làm những việc đó nữa không ? Tại sao ?

b) Chia sẻ với bạn và thầy/cô giáo suy nghĩ của em về những ý kiến :

– Cá nhân học sinh tiếp tục suy nghĩ về ý kiến của Nam và Bình (Giáo viên nên khuyến khích học sinh trả lời theo suy nghĩ của các em, không nên áp đặt ý kiến của mình đối với học sinh).

– Sau khi thực hiện xong 2 nhiệm vụ của hoạt động, học sinh trao đổi câu trả lời/suy nghĩ của mình với bạn hoặc báo cáo với thầy/cô giáo.

Lưu ý : Để tìm hiểu sự cần thiết của việc tự chăm sóc sức khỏe:

Giáo viên có thể lựa chọn câu chuyện khác hoặc các đoạn phim có nội dung phù hợp để hướng dẫn học sinh thực hiện hoạt động này.

Hoặc tìm 2 điển hình đối lập (1 điển hình cho việc tích cực chăm sóc, rèn luyện sức khỏe ; 1 điển hình của việc lười biếng, không chịu chăm sóc rèn luyện sức khỏe), sau đó cho học sinh so sánh để tìm ra những giá trị của việc tự chăm sóc rèn luyện sức khỏe và ngược lại.

– Kết thúc hoạt động này, giáo viên cần nhấn mạnh :

Tự chăm sóc sức khỏe giúp con người có cơ thể khỏe mạnh, cân đối, sức chịu đựng dẻo dai, tinh thần sảng khoái, vui vẻ, lạc quan, yêu đời ; góp phần làm cho việc học tập, lao động hiệu quả.

Ngược lại, nếu không biết tự rèn luyện, chăm sóc sức khỏe, cơ thể chúng ta sẽ phát triển không cân đối, bị suy yếu, mất dần sự nhanh nhẹn, dẻo dai ; suy giảm khả năng chống đỡ với các yếu tố gây bệnh, khả năng chịu đựng các điều kiện khắc nghiệt của môi trường, trở nên dễ mệt mỏi, hay ốm đau, bệnh tật, suy giảm trí nhớ, sự minh mẫn, hạn chế hiệu quả học tập và làm việc...

3. Tự chăm sóc sức khỏe như thế nào ?

Mục đích : Học sinh biết được cách tự chăm sóc, rèn luyện sức khỏe. Nhận xét, đánh giá được hành vi tự chăm sóc sức khỏe của bản thân và của người khác. Tự giác chăm sóc sức khỏe của bản thân.

Phương pháp, kĩ thuật dạy học : phương pháp nghiên cứu và xử lí thông tin, thảo luận nhóm, chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

Gợi ý cách thực hiện :

1) Giáo viên yêu cầu học sinh nghiên cứu thông tin trong sách Hướng dẫn học và xác định những cách tự chăm sóc sức khỏe từ thông tin đó.

2) Hỏi : Ngoài những cách tự chăm sóc sức khỏe mà thông tin đã nêu, em còn biết và thực hiện những cách tự chăm sóc sức khỏe nào khác ?

3) Yêu cầu học sinh tiếp tục thảo luận và hoàn thành bảng sau :

Những việc làm có lợi cho sức khỏe	Giải thích lí do
- Tập thể dục thể thao	
- Ăn uống điều độ	
-	

Những việc làm có hại cho sức khỏe	Giải thích lí do
- Hút thuốc lá	
- Uống rượu	
-	

4) Nói gương tốt về tự chăm sóc sức khỏe

– Giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ một gương tốt mà em biết (có thể của các bạn trong lớp, trong trường hoặc người thân trong gia đình,...) về tự chăm sóc và rèn luyện sức khỏe.

– Mỗi nhóm chọn một tấm gương tiêu biểu nhất để kể trước lớp.

5) Cùng chia sẻ

– Em đã làm gì để có thể vượt qua trạng thái lo lắng, buồn bực, cáu giận ? Hãy chia sẻ các cách đó với bạn của em.

– Hằng ngày, em đã tự chăm sóc sức khỏe của mình như thế nào ? Hãy chia sẻ với bạn.

Kết luận :

Để tự chăm sóc sức khỏe bản thân, chúng ta cần :

- Thường xuyên tập thể dục thể thao ;
- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý ;
- Giữ gìn vệ sinh cá nhân và nơi ở ;
- Có chế độ học tập, làm việc và nghỉ ngơi cân bằng, hợp lý ;
- Có lòng vị tha, nhân ái, khoan dung ;
- Sống trong sáng, lành mạnh ; không hút thuốc lá, uống rượu, sử dụng ma túy ; tránh xa các tệ nạn xã hội khác ;
- Biết ứng phó tích cực khi căng thẳng...



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Mục đích : Học sinh được củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội về các cách tự chăm sóc sức khỏe.

Gợi ý cách thực hiện :

1. Quan sát, thảo luận và nhận xét về những hoạt động, việc làm trong mỗi ảnh

– Mục đích : Giúp từng cá nhân học sinh biết lựa chọn những thói quen hằng ngày có lợi cho sức khỏe, khắc sâu được những cách thức tự chăm sóc sức khỏe mà học sinh đã được tìm hiểu qua các hoạt động hình thành kiến thức mới.

– Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát kĩ các hoạt động trong từng hình, thảo luận để mô tả từng hoạt động, sau đó thống nhất trong nhóm để viết lời bình theo hướng chỉ ra những hoạt động nên làm, hoạt động không nên làm.

Kết quả mong đợi, học sinh nhận biết và giải thích được :

Hình 1, 2, 4 : Những hoạt động tốt cho sức khỏe, đó là luyện tập thể dục thể thao để nâng cao thể lực, vệ sinh cá nhân để giữ cho thân thể sạch sẽ.

Hình 3 : Hoạt động không tốt cho sức khỏe vì cơ thể vốn đã béo, mập lại ít hoạt động, ngồi một chỗ, ăn vặt sẽ không tốt cho sức khỏe, sinh bệnh...

– Giáo viên có thể đặt thêm câu hỏi liên hệ thực tế như : Hãy kể những thói quen của em và cho biết đâu là thói quen có lợi/có hại cho sức khỏe của em ? Em đã có những hoạt động nào giống các bạn nhỏ trong các bức hình ? Theo em, những hoạt động đó là có lợi hay có hại cho sức khỏe ? Sau bài học này, em có tiếp tục với những thói quen/ hoạt động đó nữa không ? Vì sao ?

2. Xử lí tình huống

– Học sinh thảo luận để xác định các vấn đề trong tình huống, xác định không gian vấn đề và đề xuất biện pháp giải quyết (có thể dựng kịch bản, phân vai diễn để thực hiện hoạt động này).

– Cách giải quyết mong muốn từ nhiệm vụ này là :

TH1 : Không nên tắm ngay, nhất là tắm nước lạnh sau khi chơi thể thao người vẫn còn mồ hôi vì nếu làm như vậy rất dễ bị cảm.

TH2 : Không nên ăn uống như bạn Hoa, nên phân tích cho Hoa hiểu tác hại của việc ăn uống không điều độ, cần ăn uống điều độ, đủ các chất dinh dưỡng. Có thể tham khảo Tháp dinh dưỡng để có chế độ ăn uống cho phù hợp.

TH3 : Khuyến bạn không nên hút thuốc lá vì thuốc lá rất có hại cho sức khỏe, là nguyên nhân gây ra các căn bệnh, đặc biệt là bệnh ung thư.

TH4 : Tư vấn cho bạn về chế độ ăn uống và luyện tập thể thao, tập các bài tập thư giãn yoga...

3. Thực hành bài tập thư giãn

– Mục tiêu của hoạt động là học sinh cảm nhận được sự thanh thản, bình an sau khi được thực hành làm thử một hoạt động luyện tập và chăm sóc sức khỏe đơn giản.

– Học sinh học cả lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Trước hết, giáo viên yêu cầu cả lớp trật tự, học sinh nhắm mắt lại, dừng mọi suy nghĩ và tập trung làm theo các hướng

dẫn của giáo viên. Giáo viên (hoặc chủ tịch hội đồng tự quản) dùng ngôn ngữ biểu cảm của mình đọc :

“Em hãy ngồi thoải mái... và thư giãn... Khi em thư giãn, hãy thả lỏng cơ thể và hướng sự tập trung vào đôi bàn chân của em... căng tất cả các cơ một lúc, sau đó thả lỏng... để chúng chùng xuống... Bây giờ, hãy ý thức về đôi chân, để chúng chùng xuống, căng các cơ và tiếp tục thả lỏng. Bây giờ đến bụng... căng cơ bụng một lúc và thả lỏng ra, giải toả căng thẳng... Hãy chú ý đến việc hít thở... thở chậm và sâu... thở sâu, để cho không khí thoát ra chậm rãi... Bây giờ, hãy căng các cơ ở lưng và đôi vai... sau đó thả lỏng chúng. Hãy để cho đôi tay, bàn tay và cánh tay căng ra... sau đó thư giãn... Nhẹ nhàng chuyển động cổ sang một bên, sau đó là bên kia... thư giãn các cơ... Bây giờ, hãy căng các cơ mặt và hàm... rồi thư giãn mặt và hàm... để cho cảm giác khoẻ khoắn chảy suốt cơ thể... một lần nữa, hãy tập trung vào nhịp hít thở... hít vào không khí trong lành để trôi đi bất cứ căng thẳng nào còn sót lại... Em sẽ thấy thư giãn trong trạng thái khoẻ khoắn và bình an.”

(Theo *Bài tập thư giãn thể chất của Guillermo Simó Kadletz*,
Những giá trị sống cho tuổi trẻ)

Sau khi thực hiện xong bài tập, giáo viên tổ chức cho học sinh chia sẻ cảm nhận.

4. Chơi trò chơi

Giáo viên tổ chức cho cả lớp chơi một trò chơi vận động hoặc một trò chơi trí tuệ. Sau đó cho học sinh chia sẻ cảm nhận của bản thân sau khi thực hiện trò chơi.

Ví dụ :

1. Nhảy điệu “Chicken dance” theo đĩa nhạc.
2. Thảo luận : Không khí lớp học chúng ta như thế nào khi thực hiện điệu nhảy ? Em cảm thấy cơ thể và tinh thần của bản thân như thế nào sau khi thực hiện hoạt động này ?

Ngoài những hoạt động trên, giáo viên có thể cho học sinh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, nhất là tấm gương Bác Hồ chăm sóc và rèn luyện sức khoẻ.

Ví dụ :

– Cho học sinh đọc một đoạn trong bài thơ “Muôn vàn tình thân yêu trùm lên khắp quê hương” của nhà thơ Việt Phương – người nhiều năm gần gũi với Bác Hồ :

... Ngoài bảy nhăm, Bác vẫn thường ném bóng
 Cái gạt tàn thuốc lá đã từ lâu thôi không nóng trên bàn
 Mỗi ban mai Bác luyện chân như ngày xưa tập trèo sườn núi vắng
 Con biết Người quyết sống cho miền Nam.

– Hướng dẫn học sinh thảo luận để trả lời câu hỏi :

Đoạn thơ trên cho thấy Bác Hồ đã luyện tập và chăm sóc sức khỏe như thế nào ? Hãy kể lại một câu chuyện mà em biết về Bác Hồ chăm sóc sức khỏe...



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mục đích : Học sinh biết và tự giác thực hiện các cách tự chăm sóc sức khỏe

Gợi ý cách thực hiện :

1. Điều chỉnh chế độ ăn uống

– Nhìn vào “Tháp cân đối dinh dưỡng”, đánh giá lại chế độ ăn uống của bản thân bằng cách điền vào bảng dưới đây :



	Nhiều	Vừa	Ít
Muối			
Đường			
Dầu mỡ			
Thịt và đậu			
Hoa quả			
Rau			
Tinh bột			

– Xin tư vấn của những người am hiểu về lĩnh vực này (bác sĩ, giáo viên, bố mẹ...) để xây dựng chế độ dinh dưỡng phù hợp cho bản thân.

– Thực hiện ăn uống theo chế độ đã xây dựng.

2. Lập kế hoạch luyện tập thể dục thể thao hằng ngày

– Học sinh xây dựng kế hoạch theo các yêu cầu sau :

+ Mục đích

+ Những bài tập luyện

+ Thời gian thực hiện hằng ngày

+ Tìm kiếm nguồn hỗ trợ cho kế hoạch của mình (có thể từ ông bà, bố mẹ, người thân...)

– Đánh giá kết quả sau một tháng luyện tập và chia sẻ với bố mẹ, bạn bè, thầy cô.

3. Rèn luyện sức khỏe tinh thần

Học sinh thực hiện các bài tập thư giãn để vượt qua trạng thái lo lắng, buồn bực, cáu giận.

4. Thực hiện lời khuyên của bác sĩ

Thực hiện theo lời khuyên của bác sĩ và theo dõi sự tiến triển về sức khỏe bản thân (theo sách Hướng dẫn học):

– Dùng nước ấm để rửa mặt và nên tắm nước ấm trước khi đi ngủ khoảng 2 tiếng

– Uống đủ lượng nước mỗi ngày

- Đừng bỏ hẳn chất béo trong thực phẩm và bổ sung can-xi đầy đủ.
- Luôn giữ tâm trạng vui vẻ
- Vệ sinh cá nhân đúng cách, thường xuyên.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Học sinh sưu tầm những thông tin/bài viết/truyện kể về việc tự chăm sóc sức khỏe và chia sẻ với bạn trong nhóm, trong lớp.

Hoặc xây dựng thông điệp về chủ đề sức khỏe (có thể dưới dạng văn bản viết hoặc tranh vẽ, clip,...), sau đó giới thiệu và trưng bày thông điệp đã xây dựng trước lớp. Bình chọn thông điệp hay nhất...

Lưu ý :

- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc các nhiệm vụ trong hoạt động để xác định những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện những nhiệm vụ này.
- Khuyến khích học sinh về nhà với sự tư vấn của cha mẹ, người thân để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

Với bài “Tự chăm sóc sức khỏe”, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần được tiến hành sau từng hoạt động học tập, đặc biệt là sau khi thực hiện các yêu cầu/nhiệm vụ.

Ở hoạt động hình thành kiến thức, giáo viên căn cứ vào mục tiêu bài học để xác định các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh thực hiện. Cấp độ đánh giá ở hoạt động này chủ yếu là nhận biết và thông hiểu. Do đó, để đánh giá được việc nắm kiến thức mới của học sinh, giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá như : quan sát, trắc nghiệm, phỏng vấn nhanh.

Ví dụ : Để đánh giá được học sinh đã nhận biết và phân loại được những thói quen có lợi/có hại cho sức khỏe, giáo viên có thể chuẩn bị các bài trắc nghiệm, tự luận :

1. Em hãy cho biết việc làm nào đúng, việc làm nào sai trong việc chăm sóc, rèn luyện thân thể ? Khoanh vào “Đúng” hoặc “Sai” tương ứng với mỗi trường hợp.

STT	Việc làm	Đúng hoặc Sai
1	Tập thể dục đều đặn hằng ngày.	Đúng/Sai
2	Không rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.	Đúng/Sai
3	Đánh răng 2 lần mỗi ngày.	Đúng/Sai
4	Tắm rửa, thay quần áo thường xuyên.	Đúng/Sai
5	Mặc phong phanh khi trời lạnh.	Đúng/Sai
6	Ăn uống điều độ, đủ chất dinh dưỡng.	Đúng/Sai
7	Thức khuya xem tivi.	Đúng/Sai
8	Tập Yoga để giữ cho tinh thần thoải mái, tránh căng thẳng.	Đúng/Sai

2. Khoanh vào chữ cái trước việc làm thể hiện chưa biết tự chăm sóc, rèn luyện thân thể :

- A. Hàng ngày đi học về, Bình thường chơi thể thao.
- B. Ngày nào Minh cũng tắm rửa, thay quần áo sạch sẽ.
- C. Hằng luôn ăn đa dạng các thức ăn để đảm bảo đầy đủ chất dinh dưỡng.
- D. Mỗi khi bị đau họng, Hà không cần uống thuốc mà để tự khỏi.

3. Vì sao cần phải tự chăm sóc sức khỏe ?

4. Chúng ta cần làm gì để tự chăm sóc sức khỏe ?

5. Em đã tự chăm sóc sức khỏe như thế nào ?

...

Ở các hoạt động luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng : Giáo viên căn cứ vào việc tham gia các hoạt động và mức độ hoàn thành các yêu cầu/nhiệm vụ của học sinh để đánh giá những năng lực và kĩ năng được hình thành thông qua các hoạt động và việc thực hiện các yêu cầu/nhiệm vụ đó. Cấp độ đánh giá ở các hoạt động này là vận dụng và vận dụng sáng tạo. Do đó việc đánh giá năng lực vận dụng kiến thức của học sinh vào thực tiễn phải được kết hợp một cách linh hoạt các hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau. Ở bài học này, ngoài những hình thức đánh giá thông thường như quan sát, trắc nghiệm, viết bài luận, phỏng vấn, giáo viên cần sử dụng các bảng đánh giá tiến độ học tập của từng cá nhân và đánh giá khả năng cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân khi tham gia hoạt động cặp đôi, hoạt động nhóm.

Để đánh giá được mức độ thực hiện các yêu cầu/nhiệm vụ của từng học sinh, giáo viên có thể sử dụng Bảng tiến độ học tập cá nhân theo mẫu sau:

Họ tên :

Lớp :

Bảng tiến độ học tập

Mức độ thực hiện Hoạt động (Yêu cầu/nhiệm vụ)	Chưa hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành tốt
HĐ khởi động - Yêu cầu/nhiệm vụ 1 - Yêu cầu/nhiệm vụ 2			
HĐ hình thành kiến thức - Yêu cầu/nhiệm vụ 1 - Yêu cầu/nhiệm vụ 2			
HĐ luyện tập - Yêu cầu/nhiệm vụ 1 - Yêu cầu/nhiệm vụ 2			
HĐ vận dụng - Yêu cầu/nhiệm vụ 1 - Yêu cầu/nhiệm vụ 2			
HĐ tìm tòi, mở rộng - Yêu cầu/nhiệm vụ 1 - Yêu cầu/nhiệm vụ 2			

Để đánh giá được mức độ thực hiện các yêu cầu/nhiệm vụ của học sinh khi tham gia làm việc nhóm, giáo viên có thể sử dụng Bảng tiến độ học tập của cá nhân trong nhóm theo mẫu sau :

Tiêu chí Tên thành viên	Họ và tên người đánh giá						
	Nhóm						
	Nhiệt tình, nghiêm túc	Đóng góp ý tưởng	Xác định rõ mục tiêu	Tổ chức và quản lí nhóm	Làm việc hợp tác	Tính hiệu quả	Tổng điểm
Thành viên 1							
Thành viên 2							
Thành viên 3							
Thành viên 4							

Mỗi thành viên của nhóm có một phiếu đánh giá. Mỗi thành viên sẽ đánh giá các thành viên còn lại thông qua việc cho điểm từng tiêu chí. Điểm 3 là tốt ; điểm 2 ở mức trung bình ; điểm 1 không tốt lắm ; điểm 0 là không có đóng góp gì cho nhóm.

Cộng tổng điểm tất cả các tiêu chí của một thành viên do các thành viên khác đánh giá chia tổng điểm cho số người tham gia đánh giá.

Bài 3

SỐNG CẦN KIỆM

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Nêu được ý nghĩa của sống cần kiệm.
- Biết cần cù trong học tập và lao động, tiết kiệm trong sinh hoạt và trong cuộc sống.
- Biết đánh giá hành vi của bản thân và của người khác về sống cần kiệm.
- Quý trọng những người sống cần kiệm ; phê phán lối sống lười biếng, xa hoa, lãng phí.

NỘI DUNG CHÍNH

Bài học “Sống cần kiệm” giúp học sinh hiểu được ý nghĩa của lối sống cần kiệm, trang bị cho các em những cách rèn luyện lối sống cần cù và tiết kiệm, từ đó hình thành ở các em ý thức lao động chăm chỉ, cần cù và luôn biết tiết kiệm bằng những hành vi, việc làm cụ thể.

Các phương pháp dạy học có thể được sử dụng trong bài : nêu vấn đề, nghiên cứu trường hợp điển hình, thảo luận nhóm... Giáo viên tổ chức cho học sinh quan sát tranh ảnh, đọc thông tin, sự kiện, nghiên cứu tình huống...

Giáo viên cần kết hợp giữa việc hướng dẫn học sinh tự học, tự nghiên cứu kiến thức với việc vận dụng kiến thức đó vào cuộc sống của bản thân theo hướng gợi mở để khuyến khích học sinh chia sẻ cách nghĩ, cách làm của mình với các bạn, thầy cô và cộng đồng.

Căn cứ vào điều kiện dạy học, giáo viên có thể sử dụng hoặc lược bỏ hoặc thay thế/bổ sung những hoạt động dạy học cho phù hợp với đối tượng học sinh.

Với chủ đề “Sống cần kiệm”, cần tập trung vào các nội dung chính :

1. Sống cần kiệm và ý nghĩa của sống cần kiệm

- Thế nào là sống cần kiệm ?
- Ý nghĩa của sống cần kiệm ?

2. Biểu hiện của lối sống cần kiệm

- Phân biệt lối sống cần kiệm với lối sống lười biếng, không tiết kiệm
- Những việc cần làm để có lối sống cần kiệm

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

– **Mục đích** : Tạo hứng thú và tâm thế học tập cho học sinh ; Huy động vốn hiểu biết của học sinh về chủ đề ; Khơi gợi mong muốn tìm hiểu cách rèn luyện lối sống cần kiệm.

– **Phương pháp tổ chức hoạt động** : phương pháp trò chơi

– **Gợi ý cách thực hiện** :

Học sinh học cả lớp với sự hướng dẫn của giáo viên.

Giáo viên hướng dẫn học sinh ghép các chữ cái đứng liền nhau trong ma trận để tạo thành các từ có nghĩa. Các từ có thể tìm được trong ma trận : Siêng năng ; Lười nhác ; Lạc quan ; Kiên trì ; Thông minh ; Hiếu thảo ; Tiết kiệm ; Giản dị ; Cần cù ; ...

Gọi 2 đến 3 học sinh trả lời câu hỏi : Em hãy xác định trong các từ tìm được, những từ nào chỉ phẩm chất của con người ? Trong những từ chỉ phẩm chất của con người, từ nào là phẩm chất đặc trưng của em ?

Giáo viên nhấn mạnh đến các phẩm chất cần tìm hiểu kĩ trong bài.

Lưu ý : Ngoài cách này, giáo viên có thể tổ chức hoạt động khởi động bằng các hình thức khác như : thi hát, trò chơi đuổi hình bắt chữ...



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I - SỐNG CẦN KIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA SỐNG CẦN KIỆM

Mục đích : Học sinh nhận biết được thế nào là sống cần kiệm và hiểu được ý nghĩa của lối sống cần kiệm.

Kĩ thuật dạy học tích cực : Kĩ thuật động não, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật phòng tranh.

Phương pháp tổ chức hoạt động : Nêu vấn đề, làm việc nhóm, nêu gương, nghiên cứu trường hợp điển hình.

Gợi ý cách thực hiện :

1. Tìm hiểu về sống cần kiệm

Giáo viên hướng dẫn cá nhân học sinh đọc thầm truyện và trả lời các câu hỏi. Sau đó một học sinh trong nhóm nêu tóm tắt cốt truyện và các yêu cầu cần thực hiện trong nhóm. Học sinh trình bày kết quả nghiên cứu cá nhân với nhóm. Nhóm tiến hành trao đổi và đi đến thống nhất, sau đó báo cáo kết quả với thầy/cô giáo. Các câu trả lời mong đợi từ phía học sinh là :

– Kiến vẫn đủ thức ăn để vượt qua mùa đông giá lạnh vì chăm chỉ làm việc, biết làm việc một cách khéo léo, kiên trì, tiết kiệm. Ve Sầu héo dần đi vì đói và rét là do mãi vui chơi ca hát, không chịu làm việc tích lũy thức ăn.

– Những từ/cụm chỉ những đức tính tốt đẹp của Kiến : chăm chỉ, bận rộn, khéo léo, không bỏ cuộc, tích trữ cái ăn...

– Những từ/cụm chỉ những đức tính của Ve Sầu khiến chính nó phải chịu đói rét trong mùa đông : giấu cọt, ăn hết bao nhiêu đâu mà kiếm nhiều thế cho nặng tổ, cứ vui chơi đi, không chịu làm tổ, không tích trữ cái ăn...

– Bài học từ câu chuyện : Cần cù, chăm chỉ, tiết kiệm sẽ có cuộc sống no ấm. Nếu lười biếng, hoang phí thì cuộc sống sẽ đói rét, khổ sở.

Giáo viên cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, giáo viên giải đáp các thắc mắc của học sinh (nếu có).

Lưu ý : Giáo viên có thể sử dụng truyện kể khác hoặc tình huống để làm rõ hơn nội dung này. Tùy môi trường dạy học và đối tượng, giáo viên có thể cho các nhóm thực hiện nhiệm vụ này qua việc xây dựng kịch bản và đóng vai. Với học sinh khá giỏi, giáo viên nên cho học sinh khai thác thêm nhân vật Ve Sầu trong câu chuyện.

2. Tìm hiểu tấm gương sống cần kiệm của Bác Hồ

Các nhóm phân vai đọc đoạn hội thoại (hoặc tổ chức đóng vai). Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi. Câu trả lời mong đợi nhận được từ các nhóm :

– Những từ/cụm từ/đoạn văn mô tả lối sống cần cù trong học tập và lao động của Bác Hồ : Làm việc 17 tiếng ; Học thêm 2 tiếng ; Đến đâu cũng tranh thủ học tiếng ; Mỗi ngày viết 10 từ vào cánh tay để vừa làm, vừa học ; Từ nào không hiểu, Bác tra từ điển hoặc nhờ người khác giải thích rồi ghi lại vào sổ.

– Bác là người sống rất tiết kiệm thể hiện ở việc : Với cương vị Chủ tịch nước nhưng trang phục giản dị, bữa cơm thanh đạm...

– Bác Hồ đã căn dặn chúng ta phải tiết kiệm : tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiền bạc ; phải tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ, không xa xỉ, hoang phí, không bừa bãi, phô trương hình thức.

– Những đức tính của Bác Hồ mà em nhận thấy được qua đoạn hội thoại : cần cù chăm chỉ, kiên trì, tiết kiệm, giản dị, ham học hỏi...

Sau khi thống nhất ý kiến, các nhóm trình bày kết quả trước lớp. Giáo viên nhận xét và nhấn mạnh :

Cần cù là làm việc một cách chăm chỉ, tự giác, đều đặn và quyết tâm làm đến cùng dù có gặp khó khăn, gian khổ.

Tiết kiệm là sử dụng hợp lí, đúng mức của cải vật chất, thời gian, sức lực của mình, của người khác và của xã hội.

3. Tìm hiểu ý nghĩa của sống cần kiệm

– Học sinh làm việc cá nhân. Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc thầm những yêu cầu trong sách Hướng dẫn học và thực hiện những yêu cầu đó.

Kết quả mong đợi là học sinh nêu được :

Qua câu chuyện Kiến và Ve Sầu, nhân vật Kiến sống cần cù và tiết kiệm nên mùa đông nó không phải chịu đói rét, cuộc sống thật vui và yên ổn.

Qua đoạn hội thoại, việc học tập chăm chỉ, cần cù và lối sống tiết kiệm của Bác Hồ đã đem đến cho Bác thành công trong công việc, trong sự nghiệp dù ở bất cứ cương vị nào.

Lưu ý : Khi học sinh làm việc cá nhân, giáo viên nên bao quát lớp học, ưu tiên hỗ trợ học sinh. Nói nhỏ khi hướng dẫn cho từng học sinh để không làm ảnh hưởng đến những học sinh khác.

Kết thúc hoạt động, giáo viên cần khắc sâu :

Con người muốn tồn tại, phải cần cù lao động để làm ra của cải, phải biết tiết kiệm tiền của, công sức, thời gian thì mới xây dựng được cuộc sống ấm no hạnh phúc. Ngược lại, nếu không chịu khó, kiên trì và tiết kiệm thì sẽ đói nghèo và không đạt được mục đích gì, trở thành kẻ ăn bám gia đình và xã hội, cuộc sống sẽ trở nên vô nghĩa. Vì vậy, có thể nói : Cần cù, tiết kiệm giúp con người thành công trong công việc, trong cuộc sống.

II - NHỮNG VIỆC CẦN LÀM ĐỂ CÓ LỐI SỐNG CẦN KIỆM

Mục đích : Học sinh phân biệt được thế nào là sống cần kiệm với sống lười biếng, không tiết kiệm. Các cách rèn luyện lối sống cần kiệm.

Kĩ thuật dạy học tích cực : kĩ thuật động não, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật phòng tranh.

Phương pháp tổ chức hoạt động : nêu vấn đề, làm việc nhóm, nêu gương, nghiên cứu trường hợp điển hình.

Gợi ý cách thực hiện :

1. Phân biệt lối sống cần kiệm với lối sống lười biếng, không tiết kiệm

a) Giáo viên chuẩn bị các phiếu học tập theo mẫu trong sách Hướng dẫn học và để sẵn vào góc học tập. Nhóm trưởng lấy phiếu phát cho các thành viên. Cá nhân thành viên thực hiện yêu cầu sau đó trao đổi với bạn. Kết quả mong đợi học sinh xác định được :

Gần nghĩa với cần cù : Siêng năng, Chăm chỉ ; Có kế hoạch ; Nỗ lực ; Chịu khó ; Miệt mài ;...

Trái nghĩa với cần cù : Mải chơi ; Lười biếng.

Gần nghĩa với tiết kiệm : Chừa mực ; Sử dụng hợp lí ; Giản dị.

Trái nghĩa với tiết kiệm : Lãng phí ; Phí phạm ; Nỗ lực ; Xa hoa.

b) Giáo viên hướng dẫn các nhóm trưởng (hoặc học sinh khác theo phân công của nhóm) lấy phiếu bài tập từ góc học tập, nhóm trưởng đọc cho nhóm nghe các yêu cầu của phiếu học tập.

Nhóm trưởng điều khiển các thành viên trong nhóm trao đổi từng yêu cầu trước khi lựa chọn và điền câu trả lời vào phiếu. Giáo viên nên chú ý đến sự tham gia của tất cả các thành viên trong lớp.

Giáo viên có thể đặt thêm câu hỏi liên hệ đối với học sinh khá giỏi. Chú ý đến việc khuyến khích học sinh rút ra ý nghĩa của lối sống cần kiệm và những hệ quả của lối sống không cần kiệm theo cách hiểu của các em.

Lưu ý : Ngoài hình thức sử dụng phiếu bài tập, giáo viên có thể thiết kế các bảng hỏi, thẻ từ... để tổ chức cuộc thi giữa các nhóm.

Khi học sinh trình bày kết quả thảo luận, giáo viên nên hướng học sinh tới việc biết trân trọng những kết quả/giá trị do làm việc, học tập chăm chỉ, cần cù, tiết kiệm mà có được.

2. Những cách rèn luyện để có lối sống cần kiệm

Học sinh học theo cặp, trước hết cá nhân học sinh đọc thầm thông tin, sau đó thực hiện việc hỏi đáp giữa 2 học sinh. Ví dụ :

Học sinh 1 hỏi : Ở thông tin trên để rèn luyện tính siêng năng trong học tập, người học cần phải làm gì ?

Học sinh 2 dựa vào các dữ liệu mà thông tin đưa ra để trả lời, như : Xác định mục đích học tập rõ ràng ; Lên danh sách những yếu tố thúc đẩy việc học ; Tạo một thời gian hợp lí khi làm bài tập...

Sau đó 2 học sinh trao đổi câu trả lời để đi đến thống nhất, ghi lại những gì còn băn khoăn để hỏi thầy/cô giáo.

Tiếp tục đổi lại học sinh 2 hỏi, học sinh 1 trả lời...

Giáo viên có thể kiểm tra ngẫu nhiên một số cặp.

Lưu ý : Ở mục này, giáo viên có thể sử dụng phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh làm việc hoặc chuẩn bị sẵn hệ thống câu hỏi và dự kiến câu trả lời để gợi ý, hướng dẫn và kiểm soát việc học tập của học sinh.

– Giáo viên có thể lựa chọn mục việc trả lời câu hỏi ở mục b hoặc rút ra bài học từ câu chuyện “Hạt giống” trong sách Hướng dẫn học để chốt lại những việc con người cần làm để rèn luyện đức tính cần kiệm.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Mục đích : Học sinh được củng cố, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội được về các cách rèn luyện lối sống cần kiệm.

Gợi ý cách thực hiện :

1. Nêu ý nghĩa của những câu nói, câu ca dao, tục ngữ

Học sinh học cá nhân, giáo viên phân phát cho mỗi học sinh một phiếu học tập theo mẫu trong sách Hướng dẫn học và để vào góc học tập. Học sinh lấy phiếu và thực hiện theo yêu cầu của phiếu. Học sinh cần điền vào các cột tương ứng ý nghĩa rút ra từ những câu nói, câu ca dao, tục ngữ.

Giáo viên nên khuyến khích học sinh trả lời theo suy nghĩ của các em, không nhất thiết phải đúng nguyên văn như dự kiến của giáo viên. Giáo viên kiểm soát kiến thức học sinh đạt được bằng cách kiểm tra phần viết của học sinh trong phiếu hoặc có thể gọi từ 5 đến 7 học sinh chia sẻ kết quả.

Giáo viên có thể cho học sinh liên hệ thêm với thực tế bằng cách xây dựng dưới hình thức thơ, ca, hò, vè, bài đồng dao...

2. Xử lí tình huống

Học sinh làm việc theo nhóm. Giáo viên cho các nhóm chọn một tình huống, hướng dẫn học sinh phân tích tình huống, xây dựng kịch bản, tổ chức đóng vai theo kịch bản

(có nhân vật, lời thoại, cách ứng xử...) và trình bày trước lớp. Cuối hoạt động này, khi nhận xét kết quả, giáo viên hướng dẫn học sinh không chỉ nhận xét về khả năng nhập vai có phù hợp không mà cần nhận xét về khả năng vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định, tình huống thực tế.

3. Học tập tấm gương sống cần kiệm

Giáo viên có thể cho học sinh liên hệ thực tế bằng việc kể những tấm gương tiêu biểu về sự cần cù trong học tập, lao động, và sinh hoạt hằng ngày mà học sinh biết từ cuộc sống xung quanh hoặc từ các phương tiện thông tin, sách báo.

Lưu ý : Giáo viên có thể linh hoạt đưa ra những tình huống khác, phù hợp với thực tế của học sinh để các em đóng vai.

4. Vẽ “cây giá trị”

Học sinh đến góc học tập lấy giấy và bút màu. Trước tiên, học sinh làm việc cá nhân, giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng màu sắc phù hợp để thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn trong sách Hướng dẫn học.

Sau khi hoàn thành sản phẩm, học sinh làm việc theo nhóm để giới thiệu tranh vẽ của cá nhân với các bạn trong nhóm. Nhóm trưởng điều khiển nhóm trao đổi để chọn một tranh giới thiệu trước lớp.

Lưu ý : Giáo viên có thể chuyển hoạt động này thành hoạt động chung.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mục đích : Học sinh biết và tự giác thực hiện lối sống cần kiệm

Gợi ý cách thực hiện :

- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc yêu cầu/nhiệm vụ trong phần hoạt động vận dụng.
- Học sinh cần tìm hiểu và xác định những điểm chưa rõ cần có sự hướng dẫn của giáo viên.
- Học sinh có thể thực hiện được những hoạt động này với sự hỗ trợ của người thân (bố/mẹ ; ông/bà ; anh/chị...) hoặc người lớn.
- Học sinh cần làm việc nghiêm túc để thực hiện tốt các yêu cầu/nhiệm vụ đặt ra. Quá trình và kết quả thực hiện phải được thể hiện bằng văn bản, nộp cho giáo viên ở tiết học tiếp theo.
- Giáo viên cần có những nhận xét, phản hồi về việc thực hiện yêu cầu/nhiệm vụ của học sinh ở 2 hoạt động này.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Với 2 nhiệm vụ : Sưu tầm và viết bài luận, giáo viên yêu cầu học sinh đọc các nhiệm vụ trong hoạt động để xác định những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện những nhiệm vụ này. Khuyến khích học sinh về nhà với sự tư vấn của cha mẹ, người thân để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

Với bài “Sống cần kiệm”, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần được tiến hành sau từng hoạt động học tập, đặc biệt là sau khi thực hiện các yêu cầu/nhiệm vụ.

Ở hoạt động hình thành kiến thức, giáo viên căn cứ vào mục tiêu bài học để xác định các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh thực hiện. Cấp độ đánh giá ở hoạt động này chủ yếu là nhận biết và thông hiểu. Do đó, để đánh giá được việc nắm kiến thức mới của học sinh, giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá : quan sát, trắc nghiệm, phỏng vấn nhanh..., như Phiếu hỏi :

Nội dung quan sát	Họ tên học sinh			
	HS A	HS B	HS C	HS D
1. Em có biết trình bày ý kiến của bản thân một cách tích cực và hợp lí không ?				
2. Em có lắng nghe ý kiến của người khác không ?				
3. Khi có ý kiến trái với suy nghĩ của bản thân, em có tuân theo ý kiến hợp lí không ?				

Ở các hoạt động luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng : Giáo viên căn cứ vào việc tham gia các hoạt động và mức độ hoàn thành các yêu cầu/nhiệm vụ của học sinh để đánh giá những năng lực và những kĩ năng được hình thành thông qua các hoạt động và việc thực hiện các yêu cầu/nhiệm vụ đó. Cấp độ đánh giá ở các hoạt động này là vận dụng và vận dụng sáng tạo. Do đó việc đánh giá năng lực vận dụng kiến thức của học sinh vào thực tiễn phải được kết hợp một cách linh hoạt các hình thức kiểm tra đánh giá khác nhau.

Ở bài học này, ngoài những hình thức đánh giá thông thường như quan sát, trắc nghiệm, viết bài luận, phỏng vấn..., giáo viên cần sử dụng các bảng đánh giá tiến độ học tập của từng cá nhân và đánh giá khả năng cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân khi tham gia hoạt động cặp đôi, hoạt động nhóm.

Để đánh giá được mức độ thực hiện các yêu cầu/nhiệm vụ của từng học sinh, giáo viên có thể sử dụng *Bảng tự đánh giá hoạt động* :

Bảng tự đánh giá hoạt động									
Họ tên :						Lớp :			
Thời gian	Chương trình	GV phụ trách	Tự đánh giá hoạt động						Đánh giá của GV
			Mức độ tham gia			Mức độ hài lòng			
			Tích cực	Bình thường	Ít	Hài lòng	Bình thường	Ít	

Để đánh giá được mức độ thực hiện các yêu cầu/nhiệm vụ của học sinh khi tham gia làm việc nhóm, giáo viên có thể sử dụng *Bảng đánh giá đồng đẳng* :

Bảng đánh giá đồng đẳng của học sinh		
Tên hoạt động :		
Họ tên học sinh : Lớp :		
Em hãy viết tên 2 bạn đã đạt được các tiêu chí trong các nội dung dưới đây.		
Nội dung	Tên của học sinh thực hiện tốt	
1. Học sinh nào có ý thức chuẩn bị đồ dùng phục vụ cho hoạt động () và dọn dẹp đồ dùng, học cụ gọn gàng sau khi kết thúc hoạt động ?		
2. Học sinh nào có ý kiến xây dựng và cải thiện hoạt động một cách tích cực ?		

Bài 4

BIẾT ƠN

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Nêu được ý nghĩa của lòng biết ơn.
- Chỉ ra được những biểu hiện đa dạng của lòng biết ơn.
- Biết sống với lòng biết ơn và thể hiện được sự biết ơn.
- Trân trọng, ghi nhớ công ơn của người đã quan tâm, giúp đỡ mình.
- Biết phê phán những hành vi vô ơn bội nghĩa.

NỘI DUNG CHÍNH

- Tìm hiểu thế nào là lòng biết ơn và ý nghĩa của lòng biết ơn trong cuộc sống ;
- Tìm hiểu sự đa dạng của các hành vi thể hiện sự biết ơn với các đối tượng khác nhau ;
- Hình thành thói quen thể hiện sự biết ơn.

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc bài đồng dao theo nhịp, các em sẽ hứng thú và dễ nhớ.
Sau đó hỏi các em về ý nghĩa của bài đồng dao.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I - THẾ NÀO LÀ BIẾT ƠN ?

1. Trao đổi về bài đồng dao

Sau khi cho học sinh đọc bài đồng dao để khởi động lớp học, giáo viên hướng dẫn học sinh trả lời 3 câu hỏi.

- a) Chúng ta thể hiện lòng biết ơn khi chúng ta được nhận cái gì đó.
- b) Từ NHỚ thể hiện nhiều nhất, nhớ tới công lao của người khác đối với mình.
- c) Trước tiên, lòng biết ơn thường được thể hiện dưới dạng nỗi nhớ, sự suy nghĩ về công ơn của người khác và mong muốn được nói lời CẢM ƠN, hoặc bằng hành động cụ thể nào đó.

2. Quan sát các bức hình để tìm hiểu về những biểu hiện của lòng biết ơn

Cho học sinh quan sát hình ảnh và tưởng tượng ra mọi hoàn cảnh mà con người thể hiện lòng biết ơn.

Để viết lời tựa cho bức tranh/ảnh, cần hướng dẫn các em viết ngắn gọn, súc tích, hàm ý :

– Hãy viết một câu tựa đề thể hiện sự biết ơn phù hợp với mỗi bức hình.

Sau đó đọc khái niệm về lòng biết ơn.

3. Tìm hiểu vì sao chúng ta phải sống với lòng biết ơn

Khi sống với lòng biết ơn, chúng ta đã luôn kết nối mình với người khác, thấy mình được yêu thương, được giúp đỡ, từ đó sẽ xuất hiện lòng mong mỏi đáp đền. Sự mong mỏi đáp đền sẽ khiến chúng ta có hành động thiết thực để làm những điều tốt đẹp. Cứ như vậy, ai cũng sống với lòng biết ơn thì xã hội sẽ trở nên tốt đẹp và bình yên.

II - LÒNG BIẾT ƠN ĐƯỢC THỂ HIỆN DƯỚI NHỮNG HÌNH THỨC NÀO ?

1. Tìm hiểu việc làm thể hiện sự biết ơn

Để tìm hiểu việc làm thể hiện sự biết ơn với từng đối tượng cụ thể, giáo viên cho học sinh sắp xếp lại trật tự các câu ở trong bảng. Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng có những việc làm thể hiện với nhiều đối tượng để biết ơn.

Các việc làm biết ơn được sắp xếp như sau :

Đối tượng biết ơn	Việc làm thể hiện sự biết ơn
Biết ơn “Các vua Hùng đã có công dựng nước”	“Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”
Biết ơn các anh hùng, liệt sĩ, thương binh đã vì giang sơn Tổ quốc	Chăm sóc gia đình thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng

Đối tượng biết ơn	Việc làm thể hiện sự biết ơn
Biết ơn vạn vật, cỏ cây, thiên nhiên đã nuôi dưỡng con người...	Tích cực tham gia bảo vệ môi trường
Biết ơn mẹ cha đã sinh thành, nuôi dạy ta khôn lớn	Ân cần, chăm sóc, phụng dưỡng
Biết ơn thầy cô giáo	Học hành tích cực, chăm ngoan
Biết ơn truyền thống của quê hương	Phát huy, gìn giữ truyền thống tốt đẹp

2. Tìm hiểu các cách thể hiện lòng biết ơn

Có nhiều cách thể hiện lòng biết ơn : Đó là thể hiện bằng lời nói và bằng hành động. Giáo viên thảo luận với lớp về những lời nói và các hành động đa dạng khác nhau như thế nào để thể hiện lòng biết ơn của bản thân với ai đó.

III - THÁI ĐỘ CỦA EM VỚI CÁC HÀNH VI BIẾT ƠN VÀ VÔ ƠN

1. Ứng xử tình huống

Nếu có thể, giáo viên nên cho các em đóng vai tình huống.

2. Bày tỏ ý kiến của bản thân

Sau khi đọc xong câu chuyện, cho học sinh rút ra ý nghĩa của câu chuyện. Thông điệp chính : Chúng ta cần sống với lòng biết ơn, nhưng cũng rộng lòng tha thứ với người có thể sống vô tình với mình.

3. Đọc và suy ngẫm

Đọc đoạn văn “Sống với lòng biết ơn, ta được gì ?”, giáo viên chú ý khai thác lợi ích mà mỗi cá nhân có được khi sống với lòng biết ơn – làm cho cuộc sống của mỗi cá nhân sẽ tốt đẹp biết nhường nào.

Sau đó, giáo viên cho các em tìm những tấm gương sống với lòng biết ơn.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Hành động biết ơn của em

Giáo viên và học sinh có thể thảo luận về các tình huống mà ở đó học sinh cần thể hiện lòng biết ơn ; không nhất thiết phải sử dụng tình huống trong sách. Điều quan trọng là các

em đưa ra được các cách khác nhau thể hiện lòng biết ơn. Đóng vai là phương pháp rất tốt để học sinh được trải nghiệm.

2. Tìm hiểu các nhóm hành vi, thái độ và việc làm thể hiện lòng biết ơn

Thông qua các hoạt động ở phần B, chúng ta đã biết nhiều cách thể hiện lòng biết ơn.

Các bức ảnh dưới đây thể hiện các nội dung sau :

– Trao gửi lời nói : cảm ơn, lời nói thể hiện thái độ xúc cảm, đọc thơ, hát những bài bày tỏ lòng cảm ơn...

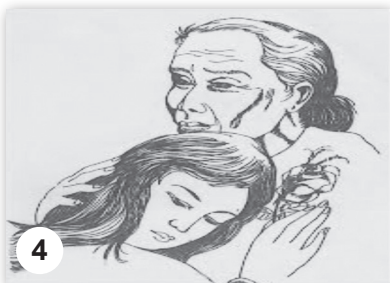
– Trao gửi văn bản viết : gửi thiệp cảm ơn, thư cảm ơn, bài thơ, bài viết, bài hát về lòng biết ơn...

– Trao gửi cử chỉ : ánh mắt nhìn biết ơn, cái bắt tay ấm áp, cái ôm đáp nghĩa, nụ hôn yêu thương, tay đặt lên trái tim mình, cúi đầu cảm tạ...

– Trao gửi kỉ vật : bó hoa, quà lưu niệm, kỉ vật và cả những món quà có giá trị sử dụng...

– Thực hiện việc làm trực tiếp : hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, chăm sóc người thân, bảo vệ môi trường, phát huy truyền thống của quê hương đất nước...

– Thực hiện các nghi lễ, giỗ chạp, thăm viếng : lễ tạ ơn, cúng bái vào các ngày giỗ, thăm viếng những nơi thờ tự...



3. Tìm hiểu lòng biết ơn qua bài hát

Giáo viên cho học sinh nghe trực tiếp bài này để tạo cảm xúc : có thể nghe qua máy tính, giáo viên hát trực tiếp hoặc cho học sinh hát... Sau đó thảo luận các câu hỏi.

4. Thảo luận, phân biệt hành vi biết ơn và không biết ơn

Lưu ý trong hoạt động này nên để cho học sinh giải thích vì sao lại có lựa chọn hành vi này mà không phải lựa chọn hành vi khác.

Khi yêu cầu học sinh viết đoạn văn khoảng 500 chữ, giáo viên lưu ý học sinh phải viết cả về sự ca ngợi lòng biết ơn cũng như phê phán những người sống vô ơn.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Thực hành nói lời cảm ơn

Hãy nhắc nhở các em ghi lại những lần mình đã biết nói cảm ơn, lúc nào mình đã quên nói lời cảm ơn.

2. Thực hiện những việc làm thể hiện lòng biết ơn

Học sinh nói về những việc các em có thể làm, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh... để thể hiện lòng biết ơn của bản thân.

(Ghi nhớ : Hành động vì lòng biết ơn phải luôn làm ta thoải mái, dễ chịu, nếu không, hành động đó mất đi ý nghĩa của nó).

3. Làm tập san “Uống nước nhớ nguồn”

Tập san này có thể thực hiện trước để phục vụ cho giờ học trên lớp.

4. Làm quà tặng

Giáo viên có thể hướng dẫn các em làm quà tặng hoặc lựa chọn quà tặng sao cho phù hợp với người được tặng. Hãy để các em có thể giải thích vì sao mình chọn món quà đó và tặng cho ai.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Sưu tầm

Giao cho học sinh về sưu tầm câu ca dao nói về lòng biết ơn mà mình thích. Nên trang trí sản phẩm này và hãy sử dụng nó khi cần phải tỏ lòng biết ơn ai đó.

2. Suy ngẫm

Với câu hỏi làm thế nào để ghi nhận công lao của người khác dành cho mình, giáo viên hướng dẫn các em chỉ nói về chính mình, trong điều kiện của bản thân đã, đang và sẽ thể hiện như thế nào.

Người ích kỉ luôn chỉ nghĩ về mình, người khác làm cho mình thì họ cho là sự đương nhiên hoặc họ luôn trách móc mọi người đã không nghĩ đến họ. Chính vì thế những người ích kỉ rất ít nghĩ đến sự biết ơn.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

1. Giáo viên thu thập các minh chứng từ những bài làm cá nhân, nhóm và từ các quan sát trong giờ dạy, sau đó tổng hợp lại thành bảng dưới đây.

2. Giáo viên có thể xây dựng ma trận để theo dõi và đánh giá theo mục tiêu theo các mức :

A : Tốt B : Khá C : Trung bình D : Chưa đạt

Thí dụ :

MỤC TIÊU TÊN	Nêu được thế nào là biết ơn và ý nghĩa của lòng biết ơn	Chỉ ra được những biểu hiện đa dạng của lòng biết ơn	Biết sống với lòng biết ơn và thể hiện được sự biết ơn	Trân trọng, ghi nhớ công ơn của người đã quan tâm, giúp đỡ mình	Biết phê phán những hành vi vô ơn bội nghĩa
Lê M	A	A	B	B	
Lưu N	B	C	D	B	
Đặng M					
Đinh N					
Hồ Q					

Bảng này, cả giáo viên và học sinh dùng để đánh giá.

3. Bên cạnh đó, giáo viên có thể xây dựng các bài kiểm tra, các tình huống để kiểm tra mức độ kiến thức đã thu nhận được của học sinh và những kĩ năng học được theo yêu cầu của chương trình.

Bài 5

GIAO TIẾP CÓ VĂN HOÁ

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Trình bày được yêu cầu cơ bản của hành vi giao tiếp có văn hoá và ý nghĩa của hành vi giao tiếp có văn hoá.
- Thực hiện hành vi giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hằng ngày.
- Có thái độ đồng tình, ủng hộ những hành vi giao tiếp có văn hoá ; phản đối những hành vi giao tiếp thiếu văn hoá trong gia đình, nhà trường và cộng đồng.

NỘI DUNG CHÍNH

Với chủ đề này, giáo viên cần tập trung vào các nội dung chính sau :

1. Biểu hiện của hành vi giao tiếp có văn hoá

Hành vi giao tiếp có văn hoá được dựa trên các phẩm chất : nhân ái, khoan dung, tự trọng, tôn trọng người khác, giản dị, khiêm tốn. Tuy nhiên, hành vi giao tiếp có văn hoá cần được thể hiện cụ thể như sau :

Hành vi giao tiếp có văn hoá	Các biểu hiện
1. Cách nói năng, xưng hô	- Nói năng lịch sự, tế nhị, lễ phép với người trên, thân mật với bạn bè và người dưới ; không nói tục, chửi bậy, không dùng từ lóng. - Xưng hô đúng mực.

2. Cách lắng nghe người khác	- Chăm chú lắng nghe khi người khác nói - Không ngắt lời người khác mà không xin lỗi trước - Mắt hướng nhìn về phía người nói - Biết động viên, khích lệ người nói bằng những cử chỉ, điệu bộ, hành động, ánh mắt, nét mặt, lời nói phù hợp - Biết phản hồi một cách tích cực, không mang tính phê phán hoặc chỉ trích nặng nề.
3. Cách bày tỏ ý kiến, nhu cầu của bản thân	- Nói đúng chủ đề - Giọng nói vừa đủ nghe, tốc độ nói vừa phải - Cách nói giản dị, rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với đối tượng giao tiếp - Kết hợp giữa lời nói với ngôn ngữ cơ thể, đồng thời có thể sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác (tranh ảnh, sơ đồ, biểu đồ, đĩa hình,...), nếu có điều kiện.
4. Cảm thông, chia sẻ với người khác	- Biết nhận ra những tâm trạng vui/buồn/... của người khác qua biểu hiện bên ngoài của họ. - Quan tâm và biết thể hiện sự cảm thông, chia sẻ với người khác một cách phù hợp với từng tình huống, hoàn cảnh.
5. Cách ứng xử khi có lỗi hoặc khi buộc phải làm phiền đến người khác	- Biết xin lỗi khi có lỗi hoặc khi buộc phải làm phiền đến người khác.
6. Cách ứng xử khi được người khác quan tâm, giúp đỡ	- Biết cảm ơn khi được người khác quan tâm, giúp đỡ việc gì, dù nhỏ.
7. Cách giải quyết mâu thuẫn, bất đồng ý kiến	- Biết giải quyết mâu thuẫn, bất đồng bằng đối thoại, không sử dụng bạo lực.
8. Các cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt, nụ cười khi giao tiếp	- Luôn vui vẻ, thân thiện, chân thành khi giao tiếp.
9.....	

2. Ý nghĩa của hành vi giao tiếp có văn hoá

Hành vi giao tiếp có văn hoá tạo ấn tượng tốt và cảm xúc hài lòng, dễ chịu cho đối tượng giao tiếp ; giúp xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp, hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người ; góp phần thúc đẩy hợp tác, thương lượng và giải quyết mâu thuẫn một cách hiệu quả.

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC

I - PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC ĐƯỢC SỬ DỤNG

Trong tiến trình dạy học bài này, giáo viên có thể sử dụng kết hợp nhiều phương pháp và kỹ thuật dạy học như : thảo luận, nghiên cứu trường hợp điển hình, trò chơi, xử lý tình huống, luyện tập, kỹ thuật Hoàn tất một nhiệm vụ

II - TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

– Có thể tổ chức cho học sinh hát các bài hát hoặc chơi trò chơi hay quan sát tranh ảnh có liên quan đến chủ đề bài học, sau đó thảo luận về ý nghĩa bài hát, trò chơi, tranh ảnh,... Từ đó giáo viên dẫn dắt giới thiệu bài.

– Đồng thời, để tìm hiểu kinh nghiệm của học sinh về hành vi giao tiếp có văn hoá, có thể tổ chức cho học sinh chia sẻ theo cặp hoặc theo nhóm về những trải nghiệm của các em trong quá khứ khi nhận được những hành vi giao tiếp có/không có văn hoá của người khác.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Để tổ chức cho học sinh tìm hiểu, phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, sách Hướng dẫn học Giáo dục công dân 6 đã thiết kế nhiều hoạt động khác nhau :

1. Chào hỏi

a) Mục đích :

Trò chơi “Chào hỏi” được tổ chức để học sinh tìm hiểu về các quy tắc chào hỏi.

b) Phương pháp, kỹ thuật dạy học : trò chơi

c) Cách tiến hành :

Có thể tổ chức cho học sinh chơi theo lớp, hoặc theo nhóm, nếu lớp đông học sinh. Nên tổ chức cho học sinh chơi ở ngoài sân trường, xa khu lớp học để tránh gây ồn ào, ảnh hưởng đến giờ học của các lớp khác.

d) Kết luận :

Chào hỏi là việc đầu tiên cần làm khi giao tiếp. Chào hỏi phụ thuộc nhiều yếu tố : đối tượng giao tiếp ; hoàn cảnh, không gian, thời gian, tính chất giao tiếp; tính chất mối quan hệ, tuổi tác, dân tộc, tôn giáo tín ngưỡng, giới tính, phong tục tập quán địa phương,... Tuy nhiên, trong bất cứ trường hợp nào, cách chào hỏi phải thể hiện sự tôn trọng, chân thành, thiện chí.

2. Tìm hiểu các biểu hiện của hành vi giao tiếp có văn hoá

a) Mục đích : Học sinh xác định, nhận dạng được các biểu hiện của hành vi giao tiếp có văn hoá.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : làm bài tập cá nhân, thảo luận nhóm

c) Cách tiến hành :

– Học sinh làm bài tập cá nhân để xác định các biểu hiện của hành vi giao tiếp có văn hoá.

– Trên cơ sở đó, học sinh thảo luận nhóm để xác định những phẩm chất làm nền tảng cho hành vi giao tiếp có văn hoá.

d) Kết luận :

– Các biểu hiện của hành vi giao tiếp có văn hoá :

(1) Nói năng lịch sự, tế nhị, (3) Giọng nói vừa đủ nghe, không nói quá to hoặc quá nhỏ, (4) Cách nói giản dị, dễ hiểu, phù hợp với đối tượng giao tiếp, (5) Chăm chú lắng nghe khi người khác nói, (8) Luôn chú ý tìm ra những điểm hay, điểm tốt của người khác để khen ngợi và học hỏi, (11) Tôn trọng đối tượng giao tiếp và nhu cầu của họ, (12) Biết tự đặt mình vào địa vị của người khác để hiểu và cảm thông với họ, (15) Chân thành, cầu thị khi giao tiếp, (16) Luôn nhã nhặn, mỉm cười khi giao tiếp, (18) Chào hỏi khi gặp gỡ, (19) Biết cảm ơn khi được người khác quan tâm, giúp đỡ việc gì, dù nhỏ, (20) Biết xin lỗi khi làm phiền người khác, (23) Quan tâm hỏi han, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với người khác.

– Hành vi giao tiếp có văn hoá là biểu hiện của các phẩm chất sau đây :

(1) Tự trọng, (2) Tôn trọng người khác, (3) Khiêm tốn, (4) Giản dị, (5) Trung thực, (9) Nhân ái, (10) Khoan dung.

3. Ý nghĩa của hành vi giao tiếp có văn hoá

a) Mục đích : Học sinh hiểu được ý nghĩa của hành vi giao tiếp có văn hoá.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : chia sẻ trải nghiệm, phân tích trường hợp điển hình.

c) Cách tiến hành :

– Trước hết, giáo viên tổ chức cho học sinh hồi tưởng và chia sẻ về 1 – 2 hành vi giao tiếp có văn hoá mà các em đã thực hiện ; cảm xúc, thái độ của người nhận được hành vi đó và cảm xúc của em sau khi thực hiện hành vi. Bước này nhằm giúp học sinh cảm nhận được những cảm xúc tích cực mà hành vi giao tiếp có văn hoá mang lại cho cả người cho và người nhận.

Lưu ý : Có thể có tình huống sự phạm là học sinh không nhớ hoặc không để ý đến cảm xúc, thái độ của đối tượng giao tiếp. Trong trường hợp này giáo viên không nên ép học sinh mà chỉ hỏi cảm xúc của các em sau khi đã thực hiện hành vi đó (Các em có thấy vui, thấy hài lòng, thấy thanh thản không,...).

– Bước tiếp theo, học sinh tiến hành thảo luận nhóm phân tích “Chuyện xảy ra trên đường phố” để học sinh cảm nhận được sự khó chịu, không hài lòng, những tổn thương về thể xác và tinh thần của đối tượng khi bị đối xử thiếu văn hoá.

– Sau cùng, giáo viên hướng dẫn học sinh so sánh giữa ảnh hưởng của hành vi giao tiếp có văn hoá và thiếu văn hoá. Từ đó thảo luận nhóm để rút ra ý nghĩa của hành vi giao tiếp có văn hoá. Khi nêu câu hỏi thảo luận cho học sinh, giáo viên có thể gợi ý thêm :

Hành vi giao tiếp có văn hoá mang lại điều gì cho:

+ Đối tượng giao tiếp ?

+ Chủ thể giao tiếp ?

+ Mối quan hệ giữa hai bên ?

+ Kết quả giao tiếp, thương lượng, hợp tác, giải quyết mâu thuẫn ?

d) Kết luận :

Hành vi giao tiếp có văn hoá mang lại niềm vui, sự hài lòng cho cả đối tượng giao tiếp và chủ thể giao tiếp ; làm cho các cuộc tiếp xúc trở nên nhẹ nhàng, dễ chịu hơn, góp phần xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp, hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người ; góp phần thúc đẩy hợp tác, thương lượng và giải quyết mâu thuẫn một cách hiệu quả.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Sách Hướng dẫn học Giáo dục công dân 6 có hướng dẫn một số hoạt động thực hành, với mục đích, phương pháp dạy học, cách tiến hành và những nội dung giáo viên cần kết luận sau khi kết thúc hoạt động như sau :

1. Liên hệ thực tế

a) Mục đích : Hoạt động liên hệ thực tế nhằm rèn luyện cho học sinh kĩ năng phê phán, đánh giá với những hành vi giao tiếp của học sinh của lớp, của trường, của địa phương.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : thảo luận lớp

c) Cách tiến hành :

– Giáo viên nêu yêu cầu :

+ Em có nhận xét gì về hành vi giao tiếp của các bạn học sinh trong lớp, trong trường, ở địa phương mình hiện nay ?

+ Chúng ta cần có thái độ như thế nào khi chứng kiến các hành vi đó ?

– Học sinh suy nghĩ cá nhân và chia sẻ ý kiến.

– Giáo viên tổng kết các ý kiến và kết luận.

d) Kết luận :

– Một bộ phận thanh thiếu niên học sinh hiện nay còn có một số hành vi giao tiếp thiếu văn hoá như :

+ Nói tục, chửi thề

+ Vô lễ với người lớn tuổi

+ Thích sử dụng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn

+ ...

– Chúng ta cần có thái độ lên án, phản đối những hành vi giao tiếp thiếu văn hoá trên.

2. Xử lí tình huống

a) Mục đích : nhằm rèn luyện cho học sinh kĩ năng lựa chọn cách ứng xử phù hợp với hành vi giao tiếp có văn hoá.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : xử lí tình huống

c) Cách tiến hành :

- Giáo viên giao nhiệm vụ xử lý tình huống, mỗi nhóm một tình huống.
- Học sinh thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ.
- Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả.

d) Kết luận :

Tình huống 1 : nên chọn cách ứng xử (B)

Tình huống 2 : nên chọn cách ứng xử (C)

Tình huống 3 : nên chọn cách ứng xử (C)

3. Đóng vai

a) Mục đích : nhằm rèn luyện cho học sinh kĩ năng lựa chọn và thực hiện hành vi giao tiếp có văn hoá trong một số tình huống quen thuộc, phổ biến với các em.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : đóng vai

c) Cách tiến hành :

- Giáo viên giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận và đóng vai ứng xử trong một tình huống.
- Học sinh thảo luận nhóm, xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.
- Mỗi tình huống, giáo viên mời 1 nhóm lên đóng vai.
- Thảo luận sau mỗi tiểu phẩm đóng vai :
 - + Em có nhận xét gì về hành vi ứng xử của các bạn trong tiểu phẩm vừa xem ? Hành vi đó đã có văn hoá chưa ? Vì sao ?
 - + Theo em, cần điều chỉnh lại hành vi đó như thế nào cho có văn hoá hơn ?

d) Kết luận :

Tình huống 1 : Tiến nên chủ động đỡ bạn ấy ngồi dậy và xin lỗi.

Tình huống 2 : Hoa nên nén giận, bình tĩnh nói cho các bạn ấy biết rằng việc xem trộm nhật kí của người khác là sai, là vi phạm quyền bí mật riêng tư của người khác ; rằng Hoa rất bức với việc làm đó của các bạn và yêu cầu các bạn lần sau không được như vậy nữa.

4. Trải nghiệm và chia sẻ

a) Mục đích : nhằm rèn luyện cho học sinh khả năng tự đánh giá, tự điều chỉnh hành vi và kĩ năng bày tỏ ý kiến.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : tự liên hệ, thảo luận theo cặp

c) Cách tiến hành :

– Giáo viên nêu yêu cầu tự liên hệ : Trong cuộc sống hằng ngày, em đã bao giờ gặp những tình huống tương tự chưa ? Khi đó em đã giao tiếp, ứng xử như thế nào trong tình huống đó ? Bây giờ nếu gặp lại tình huống như vậy, em sẽ thay đổi, điều chỉnh lại cách ứng xử của mình như thế nào ?

– Học sinh hồi tưởng lại và chia sẻ với bạn ngồi bên về những trải nghiệm của mình.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Các hoạt động vận dụng gợi ý trong sách Hướng dẫn học Giáo dục công dân 6 nhằm giúp học sinh ứng dụng bài học trong cuộc sống thực tiễn, cụ thể là :

– Lập kế hoạch để rèn luyện hành vi giao tiếp có văn hoá của bản thân một cách cụ thể, rõ ràng.

– Thực hiện các hành vi giao tiếp có văn hoá theo kế hoạch đã xây dựng, ghi lại cảm xúc của bản thân và thái độ của đối tượng giao tiếp khi đó ; chia sẻ với bạn bè về những cảm xúc đó.

– Viết thông điệp để kêu gọi bạn bè và mọi người hãy giao tiếp, ứng xử có văn hoá với nhau.

Như vậy ba hoạt động này được sắp xếp theo yêu cầu nâng cao dần : từ việc lập kế hoạch thực hiện hành vi giao tiếp có văn hoá của bản thân, đến việc thực hiện hành vi giao tiếp có văn hoá và cuối cùng là vận động mọi người cùng thực hiện.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Để giúp học sinh mở rộng hiểu biết về hành vi giao tiếp có văn hoá, có thể giao cho học sinh thực hiện các yêu cầu sau :

1) Tìm và viết những câu nói thể hiện hành vi giao tiếp có văn hoá trong một số tình huống. Với mỗi tình huống, giáo viên có thể gợi ý 1 – 2 ví dụ để định hướng cho học sinh hoàn thành nốt phần còn lại (kĩ thuật Hoàn tất một nhiệm vụ)

2) Sưu tầm và viết bài viết ngắn khoảng 2 – 3 trang về thực trạng hành vi giao tiếp có văn hoá của học sinh THCS hiện nay nói chung hoặc của học sinh trường em/địa phương em nói riêng.

3) Sưu tầm một số quy tắc giao tiếp có văn hoá của một số dân tộc ở Việt Nam và trên thế giới.

Để thực hiện yêu cầu (2) và (3), giáo viên có thể hướng dẫn học sinh tìm thông tin qua báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, mạng internet hoặc qua phỏng vấn những đối tượng khác nhau.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

a) Để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập bài này của học sinh, giáo viên có thể dựa trên :

– Nghiên cứu các sản phẩm học tập của học sinh (bài tập trắc nghiệm, bài tập xử lý tình huống, thông điệp về hành vi giao tiếp có văn hoá, bài viết ngắn về thực trạng hành vi giao tiếp có văn hoá của học sinh THCS,...).

– Quan sát kĩ năng giao tiếp của học sinh thể hiện qua các tình huống đóng vai.

b) Giáo viên cũng cần tổ chức cho học sinh tự đánh giá dưới những hình thức nhẹ nhàng, ví dụ như : dùng Phiếu bài tập KWL hoặc tự đánh giá mức độ đạt được của bản thân về bài tập trắc nghiệm dựa trên đáp án giáo viên đưa ra sau khi các em làm bài.

c) Giáo viên cũng cần tổ chức cho học sinh đánh giá lẫn nhau thông qua :

– Tổ chức cho học sinh kiểm tra chéo kết quả cho nhau.

– Tổ chức cho học sinh bình luận, nhận xét về kết quả hoạt động của bạn/nhóm bạn.

Bài 6

THỰC HIỆN TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Chỉ ra được nguyên nhân phổ biến dẫn đến tai nạn giao thông.
- Nêu được một số quy định của pháp luật đối với người tham gia giao thông và biết được một số biển báo giao thông thông dụng.
- Phân biệt được hành vi thực hiện đúng và không đúng quy định về an toàn giao thông.
- Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trật tự, an toàn giao thông và tham gia giao thông một cách có văn hoá.
- Thể hiện thái độ tôn trọng và tuân thủ Luật Giao thông ; đấu tranh bảo vệ trật tự, an toàn giao thông.

NỘI DUNG CHÍNH

Với chủ đề này, giáo viên tập trung vào các nội dung chính sau :

- Các nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông, trong đó ý thức của người tham gia giao thông là nguyên nhân quan trọng nhất.
- Tìm hiểu các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy.
- Tìm hiểu các loại biển báo gắn với cuộc sống hiện tại của các em, cũng như chuẩn bị cho các em với cuộc sống mở rộng sau này, với sự di chuyển nhiều trong thời đại ngày nay.
- Phân biệt các hành vi tham gia giao thông có ý thức, đúng luật và thiếu ý thức, vi phạm luật.
- Thực hành trải nghiệm và thể hiện thái độ của bản thân về an toàn giao thông.

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Trao đổi cảm nhận của em khi tham gia giao thông

Hoạt động này nhằm khai thác kinh nghiệm của học sinh khi tham gia giao thông. Giáo viên khai thác kinh nghiệm thực tiễn của các em thông qua trải nghiệm thực tế, thông qua cảm nhận khi xem vô tuyến về tình hình giao thông hay bằng các kênh thông tin khác.

Giáo viên gợi mở để học sinh nói lên suy nghĩ của mình, biết phê phán và quyết tâm hành động.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I - NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN TAI NẠN GIAO THÔNG

1. Quan sát các bức ảnh và liên hệ

Hãy để học sinh tưởng tượng mình đang là người tham gia giao thông như được mô tả trong các ảnh. Nếu vậy có nguy cơ gì xảy ra? Giáo viên nên gợi ý về một số nguy cơ có thể xảy ra khi tham gia giao thông nếu học sinh có vẻ khó trả lời.

Một số gợi ý có thể:



Hình 1 :
Mất nhiều thời gian
Ô nhiễm môi trường, có hại cho sức khỏe
Tâm lí khó chịu, dễ cáu giận



Hình 2 :
Nguy hại đến tính mạng
Gây thiệt hại tài sản nhà nước



Hình 3 :
Nguy cơ thiệt hại đến tính mạng



Hình 4 :
Gây cản trở giao thông
Nguy cơ tai nạn giao thông

2. Tìm hiểu nguyên nhân và hậu quả của tai nạn giao thông

Cho học sinh đọc thông tin. Học sinh liệt kê các nguyên nhân, sau đó nên chia thành 2 nhóm nguyên nhân cơ bản : nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, trong mỗi nhóm có những nguyên nhân cụ thể nào. Cho dù nguyên nhân khách quan hay chủ quan thì cùng dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Có thể hướng dẫn học sinh làm theo bảng như sau :

Nguyên nhân	Hậu quả
Chủ quan : Ý thức tham gia giao thông của người dân là yếu tố quyết định : - Không chấp hành nghiêm Luật Giao thông - Điều khiển xe khi say rượu - Không đội mũ bảo hiểm - Chở người quá quy định - Vi phạm hành lang an toàn giao thông ...	Tai nạn giao thông gia tăng Kinh tế xã hội sa sút Nhiều gia đình bất hạnh Không nhận được sự tôn trọng của bạn bè quốc tế Sống trong sự bất an, sợ hãi ...

Khách quan : - Điều kiện giao thông - Đường sá hư hỏng, chật, khúc cua... - Xe quá tải, quá khổ - Phương tiện giao thông gia tăng ...	
---	--

3. Thảo luận về các loại hình giao thông và nguyên nhân tai nạn

Cho học sinh thảo luận về các phương tiện giao thông được sử dụng trong mỗi loại hình giao thông để học sinh hình dung rõ hơn về những sai phạm có thể gây nên tai nạn

Ví dụ :

Đường thủy : phương tiện là tàu thủy, phà, thuyền... Mỗi loại thường được quy định tải trọng hoặc số lượng người cũng như hàng hoá tối đa được chuyên chở. Vì sao phải có quy định này ? Vì sao lại phải mặc áo phao ? ...

Say đây là bảng gợi ý về các nguyên nhân tai nạn tương ứng với mỗi loại hình giao thông. Giáo viên và học sinh hãy bổ sung vào bảng sau :

Loại hình	Nguyên nhân tai nạn
Đường bộ	Ý thức chấp hành Luật Giao thông hạn chế Điều khiển xe khi say rượu Không đội mũ bảo hiểm Chở số lượng người quá quy định
Đường thủy	Ý thức chấp hành Luật Giao thông hạn chế Điều khiển tàu khi say rượu Không mặc áo phao Chở số lượng người và hàng hoá quá quy định

Đường sắt	Ý thức chấp hành Luật Giao thông hạn chế Điều khiển tàu khi say rượu Lái quá tốc độ Vi phạm hành lang an toàn giao thông Thiếu biển báo ở các đường giao cắt
-----------	---

II - CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN VÀ VĂN HOÁ THAM GIA GIAO THÔNG

Hoạt động từ 1 đến 6

Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu các quy định của pháp luật với người tham gia giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy. Để tìm hiểu ý nghĩa của biển báo giao thông, bên cạnh các biển báo được giới thiệu trong tài liệu này, giáo viên và học sinh nên bổ sung những biển báo mà ở địa phương các em hay quan sát thấy, hoặc những địa điểm mà các em tham gia giao thông có những biển báo nào các em cũng có thể đề xuất thêm.

Về tìm hiểu ý nghĩa của các biển báo, giáo viên nên tổ chức dưới dạng trò chơi, câu đố để các em hào hứng hơn.

7. Tìm hiểu hành vi văn hoá khi tham gia giao thông

Ý thức tham gia giao thông thể hiện thông qua hành vi có văn hoá. Có những hành vi văn hoá tham gia giao thông được quy định bởi pháp luật (ví dụ : không chở đồ cồng kềnh...) nhưng có những hành vi văn hoá do ý thức văn hoá mà mỗi cá nhân cảm nhận cần phải hành động như thế nào (nhường chỗ cho trẻ em, phụ nữ có thai...).

Chính vì vậy, bên cạnh việc tuân thủ quy định của Luật Giao thông, mỗi cá nhân cần có văn hoá khi tham gia giao thông. Điều này thể hiện :

- Nhường chỗ cho người già, trẻ em, phụ nữ có thai khi đi xe buýt
- Không bấm còi inh ỏi
- Biết nhường đường, không vượt ẩu
- Không chạy xe luồn lách, ảnh hưởng đến người cùng tham gia giao thông
- Không bật nhạc quá to trên ô tô
-



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Đọc bạn !

Các biển báo sau đưa ra thông tin :



Hình 1 : cấm mô tô

Hình 2 : cấm bấm còi

Hình 3 : chú ý đường hai chiều

Hình 4 : chú ý có trẻ em

Hình 5 : chú ý giao nhau với đường sắt không có rào chắn

Hình 6 : cấm xe tải, xe khách

Hình 7 : chú ý công trường

Hình 8 : giới hạn tốc độ 40 km/h

Hình 9 : chú ý đường trơn trượt.

2. Bình luận

Hoạt động này đòi hỏi các em ngẫm nghĩ hoặc hình dung ra xem điều gì đã làm cho một người vi phạm luật giao thông, đó có thể là sự không chú ý, mãi suy nghĩ..., đó có

thể là do thấy đường vắng... đó có thể là vì quá vội... Sau khi nhìn nhận lại nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm của mình cũng như của người khác, cho học sinh thảo luận xem mình nên như thế nào để không vi phạm và tự giác tuân thủ Luật Giao thông.

3. Bài tập thái độ của bản thân

Hình 1 : vượt rào

Hình 2 và 4 : đi bộ qua đường không đúng phần đường

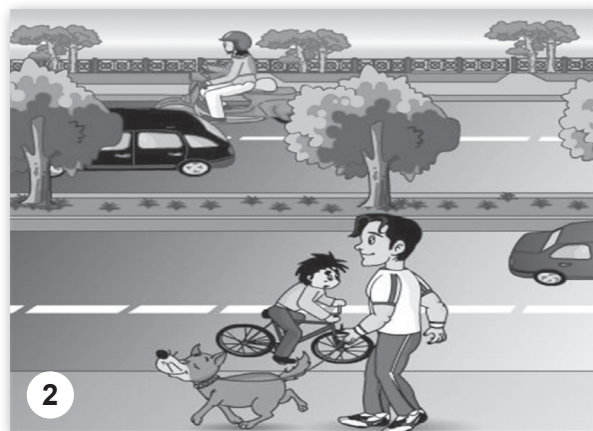
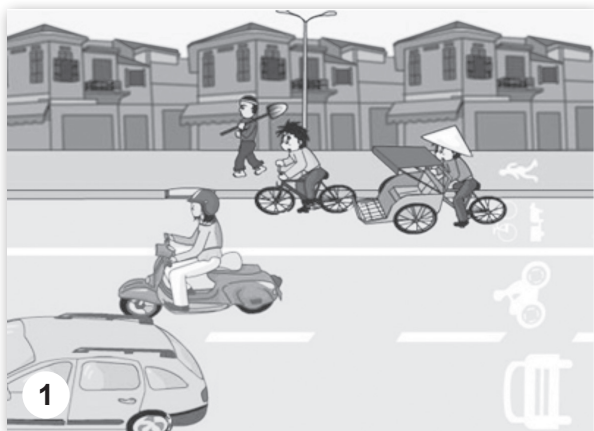
Hình 3 : ngồi lên nóc tàu hoả

Hình 5 : tàu, thuyền chở quá tải, hành khách không mặc áo phao

Hình 6 : bám tàu khi tàu đang chạy.



4. Tuân thủ Luật Giao thông



Cả hai hình :

- Ôtô, xe máy và xe thô sơ đi đúng phần đường của mình.
- Người đi bộ đi trên vỉa hè.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

Giáo viên thu thập các minh chứng từ những bài làm cá nhân, nhóm và từ các quan sát trong giờ dạy, sau đó tổng hợp lại thành bảng dưới đây.

Giáo viên có thể xây dựng ma trận để theo dõi và đánh giá theo mục tiêu ở các mức :

A : Tốt

B : Khá

C : Trung bình

D : Chưa đạt

1, 2, 3, 4, 5 là thứ tự các mục tiêu của bài được trình bày ở trên.

Ví dụ :

TÊN	1	2	3	4	5
Lê M	A	A	B	B	C
Lưu N	B	C	D	B	B
Đặng M					
Đinh N					
Hồ Q					

Bảng này, cả giáo viên và học sinh dùng để đánh giá.

Bên cạnh đó, giáo viên có thể xây dựng các bài kiểm tra, các tình huống để kiểm tra mức độ kiến thức đã thu nhận được của học sinh và các kĩ năng học được.

Bài 7

CUỘC SỐNG HOÀ BÌNH

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Trình bày được giá trị của cuộc sống hoà bình.
- Biết cách tạo cho bản thân trạng thái bình yên, thư thái.
- Biết cách lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để xây dựng hoà bình.
- Yêu hoà bình, lên án các hành vi bạo lực trong cuộc sống hằng ngày ở nhà, ở trường và ở cộng đồng.

NỘI DUNG CHÍNH

1. Thế nào là cuộc sống hoà bình ?

Cuộc sống hoà bình không chỉ là sự vắng bóng chiến tranh. Cuộc sống hoà bình hiểu theo nghĩa đầy đủ là không có bạo lực, chiến tranh, xung đột vũ trang ; là việc biết lắng nghe, biết chấp nhận sự khác biệt, có sự công bằng và giao tiếp thân thiện ; là trạng thái bình yên, thanh thản bên trong mỗi con người cùng với sức mạnh của lẽ phải và chân thực.

2. Giá trị của cuộc sống hoà bình

Cuộc sống hoà bình giúp cho con người sống thanh thản, hạnh phúc, có niềm tin và sức mạnh chính nghĩa để vượt qua khó khăn, sóng gió, mâu thuẫn, bất hoà. Cuộc sống hoà bình là đặc trưng của một xã hội văn minh, là nền tảng để phát triển xã hội bền vững.

3. Cách tạo ra sự bình yên, thư thái trong lòng mỗi người

Cuộc sống hoà bình phải được bắt nguồn từ trong tâm của mỗi người. Để có được sự bình yên, thanh thản, con người cần giữ cho mình lương tâm trong sáng, cần có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, tinh thần lạc quan, niềm tin vào cuộc sống tươi đẹp. Đồng thời con người cần phải biết ứng phó một cách tích cực khi gặp khó khăn, trắc trở trong cuộc sống bằng cách sử dụng các biện pháp như :

- Tâm sự với bạn bè, người thân
- Nhờ sự giúp đỡ từ những người tin cậy
- Giải quyết vấn đề theo hướng tích cực, không lẩn tránh
- Đi dạo
- Chơi thể thao
- Nghe nhạc/chơi nhạc cụ
- Đi hát karaoke
- Đắm vào gối bông
- Hít thở sâu
- Tìm một nơi yên tĩnh và suy nghĩ về những việc đã xảy ra
- Đến một nơi không có người và hét thật to.
- Đến trung tâm tư vấn tâm lí
-

4. Một số hoạt động để xây dựng cuộc sống hoà bình

- Vẽ tranh tuyên truyền cổ động vì hoà bình
- Các hoạt động thể thao vì hoà bình
- Giao lưu văn hoá vì hoà bình
- Mít tinh, biểu tình, thuyết trình vì hoà bình
- Các hoạt động hợp tác vì hoà bình
-

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp và kĩ thuật dạy học : trải nghiệm, quan sát, thảo luận, dự án.

2. Tiến trình :



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Giáo viên có thể tổ chức cho học sinh hát bài “Trái đất này là của chúng mình” (nhạc : Trương Quang Lục, thơ : Định Hải) hoặc bài “Thiếu nhi thế giới liên hoan” hay một bài hát nào đó có nội dung liên quan đến chủ đề bài học. Sau đấy, tổ chức cho học sinh chia sẻ về nội dung, ý nghĩa bài hát. Rồi từ đó, giới thiệu vào bài mới.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Để giúp học sinh tìm hiểu kiến thức của bài, có thể tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động cụ thể như sau :

1. Chia sẻ trải nghiệm về sự bình yên và bất an

a) Mục đích :

Giúp học sinh trải nghiệm được khi nào các em thường thấy bình yên, khi nào thấy bất an.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : trải nghiệm, thảo luận theo cặp

c) Cách tiến hành :

– Giáo viên yêu cầu học sinh hồi tưởng lại và chia sẻ về những tình huống các em thường thấy bình yên, thoải mái, thư giãn, không lo lắng hay buồn phiền gì và về những giây phút mà em cảm thấy rối bời, tức giận, bất an trong lòng.

- Học sinh chia sẻ trong nhóm
- Mời một vài học sinh chia sẻ trước lớp.

d) Kết luận :

Trong cuộc sống, có những lúc chúng ta thấy có cảm giác bình yên, thư thái, thoải mái (ví dụ như : khi làm được một việc tốt, khi hoàn thành được một công việc khó khăn, khi được người khác yêu thương, quan tâm,...), nhưng cũng có khi ta cảm thấy trong lòng bất an, tức giận, rối bời (ví dụ như : khi bị đe dọa, bị xúc phạm, khi không hoàn thành được nhiệm vụ,...).

2. Đọc và suy ngẫm quan niệm về cuộc sống hoà bình

a) Mục đích :

Giúp học sinh biết được thế nào là cuộc sống hoà bình.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : thảo luận nhóm

c) Cách tiến hành :

Hoà bình là một khái niệm rộng và khó. Học sinh thường chỉ hiểu hoà bình theo nghĩa hẹp là tình trạng không có chiến tranh, xung đột vũ trang. Vì vậy, giáo viên cần tổ chức cho học sinh :

- Tự nghiên cứu quan niệm về cuộc sống hoà bình trong sách Hướng dẫn học.
- Thảo luận nhóm về :

- + Các biểu hiện cụ thể của cuộc sống hoà bình ?
- + Đối lập với cuộc sống hoà bình là gì ?
- Chia sẻ ý kiến giữa các nhóm.

d) Kết luận :

Theo nghĩa hẹp, cuộc sống hoà bình là tình trạng không có chiến tranh, xung đột vũ trang. Theo nghĩa rộng, cuộc sống hoà bình là không có bạo lực, chiến tranh, xung đột vũ trang ; là việc biết lắng nghe, biết chấp nhận sự khác biệt, có sự công bằng và giao tiếp thân thiện ; là trạng thái bình yên, thanh thản bên trong mỗi con người cùng với sức mạnh của lẽ phải và chân thực.

3. Tìm hiểu về giá trị của cuộc sống hoà bình

a) Mục đích :

Giúp học sinh hiểu được giá trị của cuộc sống hoà bình.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : quan sát, so sánh, thảo luận nhóm

c) Cách tiến hành :

– Học sinh quan sát các bức ảnh và so sánh về cuộc sống hoà bình với cuộc sống trong chiến tranh được diễn tả trong các bức ảnh.

– Chia sẻ về cảm nhận của các em.

Việc quan sát các ảnh chụp có tính chất tương phản nhau giữa cuộc sống trong hoà bình và cuộc sống trong chiến tranh sẽ giúp học sinh nhận ra giá trị của cuộc sống hoà bình.

d) Kết luận :

Cuộc sống hoà bình mang lại cho con người sự thanh thản, bình yên, hạnh phúc, giúp con người có niềm tin và sức mạnh chính nghĩa để vượt qua khó khăn, sóng gió, mâu thuẫn, bất hoà.

4. Hành động vì cuộc sống hoà bình

a) Mục đích :

Giúp học sinh xác định được một số hoạt động vì cuộc sống hoà bình, chống chiến tranh phù hợp với lứa tuổi.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : quan sát, thảo luận nhóm

c) Cách tiến hành :

– Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm theo các câu hỏi :

Để góp phần bảo vệ hoà bình cho thế giới, để chiến tranh không còn xảy ra, để các em nhỏ không phải mất cha mẹ, không phải sống lang thang, đói khát, thất học,... chúng ta cần làm gì ?

– Sau đó, học sinh quan sát các hình ảnh hoạt động vì hoà bình trong sách Hướng dẫn học Giáo dục công dân 6, nhằm nhận ra và xác định thêm những hoạt động các em cần làm để xây dựng hoà bình, chống chiến tranh.

d) Kết luận :

Nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới đã có nhiều hoạt động để bảo vệ cuộc sống hoà bình, chống chiến tranh. Trong đó, có một số hoạt động phù hợp với lứa tuổi của học sinh THCS như :

- Vẽ tranh tuyên truyền cổ động vì hoà bình
- Đi bộ vì hoà bình
- Giao lưu hữu nghị với thanh thiếu niên quốc tế
- Diễn đàn
- Mít tinh, tuần hành, thuyết trình vì hoà bình
- ...

5. Tìm hiểu nguyên nhân của sự không bình yên trong em

a) Mục đích :

Giúp học sinh xác định được một số nguyên nhân của sự không bình yên trong em.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : làm bài tập cá nhân

c) Cách tiến hành :

Học sinh làm bài tập cá nhân, sau đó có thể chia sẻ theo cặp

d) Kết luận :

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự bất an trong mỗi người. Nguyên nhân đó có thể khác nhau giữa mỗi cá nhân. Chúng ta cần hiểu rõ các nguyên nhân này để tìm cách vượt qua chúng, lấy lại sự bình yên cho mình.

6. Tìm hiểu các biện pháp giúp bản thân trở nên bình yên, thanh thản hơn

a) Mục đích :

Giúp học sinh xác định được một số biện pháp để tạo sự bình yên trong em.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : thảo luận nhóm

c) Cách tiến hành :

– Giáo viên đặt vấn đề : Khi không bình yên, thanh thản trong lòng, khi cảm thấy căng thẳng, khó chịu, tức giận... con người ta sẽ có những cách ứng phó khác nhau. Các em hãy thảo luận nhóm để xác định những biện pháp nên thực hiện, những biện pháp có thể thực hiện và có những biện pháp không nên làm.

- Học sinh thảo luận nhóm
- Chia sẻ ý kiến giữa các nhóm.

d) Kết luận :

Cái gốc của sự bình yên là sự khoan dung, nhân ái, lương tâm trong sáng của mỗi người. Có nhiều biện pháp để con người có thể vượt qua căng thẳng, lấy lại sự bình yên, ví dụ như :

- Tâm sự với bạn bè
- Nói chuyện với bố mẹ, người thân
- Nhờ sự giúp đỡ từ thầy cô/bạn bè
- Đi dạo
- Chơi thể thao
- Nghe nhạc nhẹ/chơi nhạc cụ
- Hít thở sâu
- Đến một nơi không có người và hét thật to
- Đến trung tâm tư vấn tâm lý
- ...

Tuy nhiên cần chú ý là mỗi biện pháp có thể phù hợp với từng tình huống, hoàn cảnh khác nhau, từng cá nhân khác nhau, vì vậy các em cần sử dụng một cách linh hoạt các biện pháp này trong cuộc sống.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Các hoạt động thực hành của bài này rất phong phú, bao gồm :

1. Trò chơi “Nói lời yêu thương”

a) Mục đích : Học sinh có kĩ năng nói những lời yêu thương với bạn bè và trải nghiệm được cảm xúc khi nói và khi nhận được những lời nói yêu thương đó.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : trò chơi

c) Cách tiến hành :

– Giáo viên hướng dẫn học sinh cách chơi.

– Học sinh thực hiện trò chơi theo hướng dẫn.

– Thảo luận sau khi chơi :

+ Em cảm thấy như thế nào khi nói hoặc nhận được lời yêu thương từ bạn bè ?

+ Những lời nói yêu thương, sự chấp nhận người khác, sự cảm thông, chia sẻ giữa con người với con người sẽ mang lại điều gì ?

d) Kết luận :

Những lời nói yêu thương, sự chấp nhận người khác, sự cảm thông, chia sẻ sẽ mang lại niềm vui, sự ấm áp, niềm tin vào cuộc sống, giúp con người có thêm sức mạnh vươn lên trong cuộc sống.

2. Vượt qua căng thẳng

a) Mục đích : Học sinh biết thực hiện một số cách ứng phó tích cực để vượt qua căng thẳng, lấy lại sự bình yên, thư thái cho bản thân.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : luyện tập

c) Cách tiến hành :

– Học sinh thực hành một hoặc một vài cách ứng phó tích cực để vượt qua căng thẳng dưới sự hướng dẫn của giáo viên hoặc 1 – 2 học sinh (có kinh nghiệm) trong lớp, ví dụ như :

+ Hít thở sâu

+ Tập một vài động tác thể dục nhẹ nhàng

+ Ngồi nhắm mắt, thả lỏng cơ thể vừa nghe nhạc nhẹ

+ ...

Cần lưu ý là giáo viên nên linh hoạt lựa chọn số lượng và hình thức luyện tập sao cho phù hợp với không gian lớp học, điều kiện trang thiết bị và quỹ thời gian thực tế.

– Học sinh chia sẻ cảm nhận cá nhân sau khi thực hiện mỗi cách ứng phó.

d) Kết luận :

Có nhiều cách ứng phó để giúp chúng ta vượt qua căng thẳng, lấy lại sự bình yên, thanh thản cho bản thân. Em hãy linh hoạt lựa chọn và thực hiện cách ứng phó phù hợp với từng tình huống cụ thể của bản thân.

3. Bày tỏ thái độ

a) Mục đích : Học sinh biết phản đối và góp phần ngăn cản hành vi bạo lực học đường.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : thảo luận nhóm/lớp

c) Cách tiến hành :

– Giáo viên nêu vấn đề : Em có suy nghĩ gì về hiện tượng hiện nay có một số học sinh thường sử dụng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn với nhau ? Theo em, những hành vi như vậy sẽ ảnh hưởng như thế nào đến nạn nhân, gia đình, nhà trường và xã hội ? Nếu em chứng kiến bạn mình có những hành vi đó, em sẽ làm gì ? Vì sao ?

– Học sinh suy nghĩ và chia sẻ ý kiến trong nhóm.

– Đại diện các nhóm trình bày ý kiến.

d) Kết luận :

Những hành vi bạo lực trong học sinh hiện nay gây nên các hậu quả tai hại cho sức khỏe, tính mạng, danh dự, học tập của nạn nhân ; ảnh hưởng không tốt đến gia đình, nhà trường và xã hội. Chúng ta nên tỏ thái độ phản đối, khuyên ngăn khi bạn bè có những hành vi đó.

4. Xây dựng thông điệp hoà bình (hoặc vẽ áp phích về cuộc sống hoà bình)

a) Mục đích : Thông qua việc xây dựng các thông điệp hoà bình, học sinh biết thể hiện cam kết của nhóm hoặc tuyên truyền, vận động mọi người góp phần xây dựng cuộc sống hoà bình.

b) Phương pháp, kĩ thuật dạy học : thảo luận nhóm

c) Cách tiến hành :

– Giáo viên nêu yêu cầu xây dựng thông điệp. Có thể lấy một vài ví dụ cụ thể để giúp học sinh hiểu rõ thông điệp là gì.

– Mỗi nhóm xây dựng một thông điệp hoà bình của mình.

– Các thành viên của nhóm kí tên vào bản thông điệp.

– Trưng bày, giới thiệu thông điệp hoà bình của các nhóm.

– Thảo luận lớp để bình chọn thông điệp hay nhất.

d) Kết luận :

Các thông điệp vì hoà bình mà các em đã xây dựng thể hiện cam kết và mong muốn mọi người cùng góp sức xây dựng cuộc sống hoà bình. Các em hãy cùng nhau thực hiện theo những thông điệp này để mang lại cuộc sống hoà bình cho bản thân và cho tất cả mọi người.

Tóm lại, các hoạt động thực hành trên đều nhằm giúp học sinh rèn luyện kĩ năng xây dựng cuộc sống hoà bình và sự bình yên một cách rất sinh động và thực tế. Vì vậy, giáo viên nên cố gắng tổ chức cho học sinh thực hiện đầy đủ các hoạt động này.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Để giúp học sinh ứng dụng được bài học trong thực tế, các em cần được :

– Xây dựng, thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện một dự án thực tiễn vì cuộc sống hoà bình. Hoạt động này nên làm theo quy mô nhóm. Giáo viên nên để các nhóm tự lựa chọn dự án phù hợp với sở thích và khả năng của mình. Trong quá trình các nhóm triển khai dự án, giáo viên nên giám sát và hỗ trợ các em khi cần thiết. Sau khi các nhóm hoàn thành dự án, giáo viên cần bố trí thời gian để các em báo cáo kết quả thực hiện trước lớp.

– Tập thể dục cơ bắp và tâm trí.

– Thực hiện sống thân thiện, khoan dung, chia sẻ với mọi người xung quanh trong cuộc sống hằng ngày.

– Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động vì hoà bình, chống chiến tranh do lớp, trường, địa phương tổ chức.

Những hoạt động sau là hoạt động ứng dụng cho cá nhân học sinh. Giáo viên cần kết hợp với cha mẹ học sinh để giám sát, tạo điều kiện thuận lợi, và động viên, khuyến khích học sinh thực hiện các hoạt động đó trong cuộc sống hằng ngày.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

Để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập bài này của học sinh, giáo viên cần :

– Dựa trên nghiên cứu các sản phẩm học tập của học sinh, đặc biệt là sản phẩm hoạt động thực hành và vận dụng của các em, như : cách nói lời yêu thương với bạn bè, xây dựng thông điệp/áp phích về hoà bình, kết quả thực hiện dự án vì cuộc sống hoà bình,...

– Dựa trên việc tự đánh giá của học sinh thông qua : phiếu tự đánh giá, sổ nhật kí ghi chép việc thực hiện của học sinh trong cuộc sống hằng ngày,...

Bài 8

QUYỀN TRẺ EM

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Nêu được các nhóm quyền cơ bản của trẻ em theo Công ước của Liên hợp quốc.
- Phân biệt được những việc làm thực hiện quyền trẻ em và việc làm vi phạm quyền trẻ em.
- Biết thực hiện tốt quyền và bổn phận của mình.
- Phê phán hành vi vi phạm quyền trẻ em và chưa làm tốt bổn phận của trẻ em.

NỘI DUNG CHÍNH

- Các nhóm quyền cơ bản của trẻ em và các biểu hiện của việc thực hiện quyền trẻ em theo công ước của Liên hợp quốc.
- Ý nghĩa của việc thực hiện quyền trẻ em.
- Trách nhiệm của gia đình, xã hội đối với trẻ em.
- Bổn phận, nghĩa vụ của trẻ em đối với gia đình, nhà trường, xã hội.

MỘT SỐ LƯU Ý CHUNG

1. Về nội dung

– Thế nào là trẻ em ?

Theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của Việt Nam, trẻ em là tất cả những người dưới 16 tuổi. Người chưa thành niên là những người dưới 18 tuổi. Các em có quyền được sống, trưởng thành, phát triển mạnh khỏe và hạnh phúc, trong tình thương yêu của cha mẹ, gia đình và cộng đồng.

– Quyền trẻ em là gì ?

Quyền trẻ em là tất cả những gì trẻ em cần có để được sống và lớn lên một cách lành mạnh và an toàn. Quyền trẻ em nhằm đảm bảo cho trẻ em không chỉ là người tiếp nhận thụ động lòng nhân từ của người lớn, mà các em là những thành viên tham gia tích cực vào quá trình phát triển.

Nguyên tắc cơ bản là mọi trẻ em phải được hưởng quyền của mình dù là gái hay trai, giàu hay nghèo, khoẻ mạnh hay ốm đau, khuyết tật, đa số hay thiểu số, theo tôn giáo hay không tôn giáo...

– Quyền trẻ em có giống quyền của người lớn hay không ?

Vì trẻ em cũng là con người, là thành viên của xã hội, là công dân của đất nước nên các em có quyền được hưởng các quyền mà người lớn có.

Tuy nhiên, vì trẻ em còn non nớt về thể chất và trí tuệ nên có một số quyền chưa được hưởng đầy đủ và phải dựa vào người lớn. Ví dụ như trẻ em dưới 1 tuổi không thể tự do đi lại, trẻ em chưa được phép tham gia bầu cử, trẻ em dưới 15 tuổi phải có người giám hộ trong việc quản lí tài sản thừa kế.

– Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em :

Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em là một văn bản pháp luật quốc tế nhằm bảo vệ trẻ em mà tất cả mọi người cần thực hiện. Công ước đưa ra những thoả thuận quốc tế về những tiêu chuẩn tối thiểu cần thiết cho hạnh phúc của trẻ em mà mọi trẻ em đều được hưởng. Khi một quốc gia kí và phê chuẩn Công ước về quyền trẻ em thì chính phủ của quốc gia đó phải tuân thủ điều ước quốc tế đó để đạt được một số các tiêu chuẩn cơ bản nhất định cho trẻ em.

– Việt Nam tham gia Công ước khi nào ?

Ngày 20/11/1989, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Công ước quốc tế về quyền trẻ em. Việt Nam là nước thứ hai trên thế giới và nước đầu tiên ở châu Á phê chuẩn Công ước vào ngày 20/2/1990.

– Nội dung cơ bản của Công ước :

Công ước về Quyền trẻ em là Luật Quốc tế để bảo vệ trẻ em theo hướng tiến bộ, bình đẳng và toàn diện, mang tính pháp lí cao bao gồm 54 điều khoản được thể hiện ở bốn nhóm quyền sau :

+ **Quyền sống còn** : Quyền được sống là một trong những quyền cơ bản nhất của con người gồm quyền của trẻ em được sống cuộc sống bình thường và được đáp ứng những

nhu cầu cơ bản nhất để tồn tại và phát triển thể chất. Đó là mức sống đủ, có nơi ở, ăn uống đủ chất, được chăm sóc sức khỏe. Trẻ em phải được khai sinh ngay sau khi ra đời.

+ *Quyền phát triển* : Gồm những điều kiện để trẻ em có thể phát triển đầy đủ nhất về cả tinh thần và đạo đức, bao gồm việc học tập, vui chơi, tham gia các hoạt động văn hoá, tiếp nhận thông tin, tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo. Trẻ em cần có sự yêu thương và cảm thông của cha mẹ để có thể phát triển hài hoà.

+ *Quyền bảo vệ* : Bao gồm những quy định như trẻ em phải được bảo vệ chống tất cả các hình thức bóc lột lao động, bóc lột và xâm hại tình dục, phân biệt đối xử, lạm dụng ma túy, xao nhãng và bị bỏ rơi, bị bắt cóc và buôn bán. Trẻ em còn được bảo vệ khỏi sự can thiệp vô cớ vào thư tín và sự riêng tư. Bảo vệ trẻ em trong những trường hợp khủng hoảng và khẩn cấp... Quyền được bảo vệ bao gồm cả không bị tra tấn, đánh đập và lạm dụng trong trường hợp trẻ em làm trái pháp luật hay bị giam giữ.

+ *Quyền tham gia* : Tạo mọi điều kiện cho trẻ em được tự do bày tỏ quan điểm và ý kiến về những vấn đề có liên quan đến cuộc sống của mình và cần được mọi người lắng nghe, tôn trọng và được chỉ bảo, hướng dẫn. Trẻ em còn có quyền kết bạn, giao lưu và hội họp hoà bình, được tạo điều kiện tiếp cận các nguồn thông tin và chọn lựa thông tin phù hợp.

– Tại sao trẻ em cần được hưởng các quyền và được bảo vệ, chăm sóc ?

+ Trẻ em là thành viên của xã hội, của gia đình, vì chưa đạt đến sự trưởng thành về mặt thể chất và trí tuệ, trẻ em cần phải được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, trước cũng như sau khi ra đời.

+ Trẻ em là người chưa phát triển toàn diện về thể lực và trí lực, chưa đủ khả năng để thực hiện các quyền của mình và đòi hỏi gia đình, Nhà nước và xã hội phải bảo đảm điều kiện, tạo cơ hội để trẻ em thực hiện quyền của mình. Vì vậy, quyền của trẻ em làm phát sinh nghĩa vụ của gia đình, Nhà nước và xã hội.

2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

– Khi dạy bài này, giáo viên tạo điều kiện cho học sinh vận dụng vào giải quyết các tình huống và bài tập cụ thể, do đó chủ yếu dùng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề để kích thích học sinh nêu những hiểu biết của mình về quyền trẻ em ; lấy ví dụ minh họa, liên hệ thực tiễn kết hợp với phương pháp đọc và phân tích truyện, tổ chức nghiên cứu, thảo luận để đánh giá và tìm cách ứng xử trong những tình huống liên quan đến quyền trẻ em.

– Khi dạy bài này, cần gắn việc giáo dục quyền với giáo dục bổn phận của trẻ em. Giáo viên cần giáo dục trẻ em biết tự bảo vệ quyền của mình, giáo dục học sinh hiểu và

thực hiện tốt bổn phận của mình, biết quan tâm, tôn trọng quyền của người khác, tránh những đòi hỏi quá mức đối với gia đình, nhà trường và xã hội trong khi điều kiện không cho phép.

– Một số nội dung trong bài như : Nhận biết các biểu hiện thực hiện quyền trẻ em ; Xác định ý nghĩa việc thực hiện quyền trẻ em và Bổn phận, nghĩa vụ của trẻ em đối với gia đình, nhà trường, xã hội nên tổ chức cho học sinh thảo luận, rèn luyện năng lực hợp tác và năng lực tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi và làm phong phú thêm các vấn đề đã nêu ra trong sách Hướng dẫn học.

Đối với bài này, có thể có các phương án tổ chức dạy - học khác nhau. Tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh, đối tượng người học mà giáo viên có thể vận dụng, loại bỏ những động tác, những bước không phù hợp với lớp học của mình, hoặc có thể thực hiện đầy đủ theo gợi ý trong bài.

3. Về phương tiện dạy học

- Sách Hướng dẫn học Giáo dục công dân 6
- Hiến pháp năm 2013
- Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em
- Luật Bảo vệ, Chăm sóc và giáo dục trẻ em
- Các câu chuyện phản ánh việc thực hiện quyền trẻ em và vi phạm quyền trẻ em
- Những tấm gương trẻ em đã thực hiện tốt và chưa tốt bổn phận, nghĩa vụ của mình
- Các phương tiện dạy học trực quan như tranh, ảnh, sơ đồ...
- Giấy khổ lớn, bút dạ, băng dính, kéo...

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

– Định hướng chung của phần hoạt động khởi động là : Làm thế nào cho học sinh hiểu được trong cuộc sống tại sao trẻ em lại được gia đình, xã hội đặc biệt quan tâm, đồng thời được hưởng những quyền riêng của mình.

– Giáo viên cho cả lớp hát hoặc nghe bài hát “Đi học” và yêu cầu học sinh nêu cảm nghĩ của mình sau khi hát/nghe bài hát này. Giáo viên động viên học sinh chỉ những quyền được nêu trong bài hát : Ít nhất học sinh cần nêu được các quyền : quyền bảo vệ ; quyền học tập và quyền phát triển.

Lưu ý : Chấp nhận cả việc các em kể những quyền cụ thể trong các nhóm quyền trên như : quyền được đi học, quyền được chăm sóc...



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Chủ đề này thực hiện trong 2 tiết :

Tiết 1 : Thực hiện 4 mục : Quan sát tranh ; Tìm hiểu các nhóm quyền cơ bản của trẻ em ; Nhận biết các biểu hiện của việc thực hiện quyền trẻ em ; Tìm hiểu ý nghĩa của việc thực hiện quyền trẻ em.

Tiết 2 : Thực hiện 2 mục : Tìm hiểu trách nhiệm của gia đình, xã hội đối với trẻ em ; Tìm hiểu bốn phạm, nghĩa vụ của trẻ em đối với gia đình, nhà trường, xã hội.

1. Quan sát tranh và cho biết

- Học sinh chia sẻ về những yếu tố cần thiết cho sự phát triển của bản thân.
- Học sinh quan sát tranh và mô tả được nội dung các bức tranh lần lượt từ bức tranh số 1 đến bức tranh số 4 : Học sinh tham gia vui chơi ; Trẻ em được bảo vệ ; Trẻ em được yêu thương, chăm sóc ; Trẻ em được tham gia bày tỏ ý kiến.
- Học sinh kể được các quyền mà học sinh và các bạn đã và đang được hưởng và nêu cảm nghĩ của mình khi được hưởng những quyền đó.

2. Tìm hiểu các nhóm quyền cơ bản của trẻ em

- Với hoạt động (a), giáo viên đặt học sinh vào trong tình huống như sách Hướng dẫn học đã nêu.
- Ở hoạt động (b), học sinh các nhóm thảo luận về các tình huống rủi ro mà trẻ em có thể gặp.
- Với hoạt động (c), giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm về cách sắp xếp quyền và điền vào các thẻ từ. Giáo viên có thể dùng các thẻ từ gắn vào sau bảng hoặc có thể dùng băng dính 2 mặt làm thành bảng học tập để giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ này.

**Quyền
sống còn**

Là những quyền được sống và đáp ứng các nhu cầu cơ bản để tồn tại như được nuôi dưỡng, được chăm sóc sức khỏe...

**Quyền
phát triển**

Là những quyền được đáp ứng các nhu cầu cho sự phát triển một cách toàn diện như được học tập, được vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động văn hoá, nghệ thuật...

**Quyền
tham gia**

Là những quyền được tham gia vào các công việc có ảnh hưởng đến cuộc sống của trẻ em như bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình...

**Quyền
bảo vệ**

Là những quyền nhằm bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử, bị bỏ rơi, bị bóc lột và bị xâm hại...

3. Nhận biết các biểu hiện của việc thực hiện quyền trẻ em

a) Nhận diện ảnh

– Giáo viên yêu cầu học sinh xem các bức ảnh trong sách Hướng dẫn học, nhận diện và giải thích việc thực hiện quyền của trẻ em trong một số bức ảnh.

+ Ảnh 1 : Quyền được phát triển

+ Ảnh 2 : Quyền được sống

+ Ảnh 3 : Quyền được bảo vệ

+ Ảnh 4 và 5 : Quyền được tham gia

– Sau khi học sinh trả lời câu hỏi, giáo viên kết luận : Trẻ em là thành viên nhỏ tuổi của gia đình, là tương lai của dân tộc, có những quyền cơ bản của con người và cần được chăm sóc, bảo vệ.

b) Nhận biết những hành vi thực hiện quyền trẻ em và những hành vi vi phạm quyền trẻ em

– Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và điền những biểu hiện quyền trẻ em được thực hiện tốt và những biểu hiện quyền trẻ em bị vi phạm mà em biết theo bảng mẫu như trong sách Hướng dẫn học.

Biểu hiện quyền trẻ em được thực hiện tốt	Biểu hiện quyền trẻ em bị vi phạm
- Trẻ em đến tuổi được đi học - Được tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài - Được chữa bệnh và chăm sóc khi ốm đau - Trẻ em lang thang, cơ nhỡ được Nhà nước và xã hội giúp đỡ...	- Đánh đập trẻ em - Bắt trẻ em làm những việc nặng nhọc, không phù hợp lứa tuổi - Mua bán trẻ em - Xâm hại tình dục đối với trẻ em...

– Ngoài cách tổ chức hoạt động như trong sách Hướng dẫn học, giáo viên có thể sưu tầm các bức ảnh khác và yêu cầu học sinh quan sát, phân loại những bức ảnh đó thành 2 nội dung : các bức ảnh phản ánh việc thực hiện tốt quyền trẻ em và các bức ảnh vi phạm quyền trẻ em (Các tranh, ảnh, truyện và clip về nội dung quyền trẻ em, giáo viên có thể khai thác trên các địa chỉ sau : www.baovequyentreem.vn ; www.giadinhh.net.vn ; www.tailieu.vn/tag/quyen-tre-em.html ; www.moj.gov.vn).

Ví dụ :





4. Tìm hiểu ý nghĩa của việc thực hiện quyền trẻ em

Các nội dung của mục này thể hiện ý nghĩa to lớn và toàn diện của việc thực hiện quyền trẻ em trên tất cả các khía cạnh chính trị, xã hội và phát triển con người. Vì vậy, giáo viên nên sử dụng phương pháp đàm thoại và thảo luận nhóm để giúp học sinh chia sẻ tối đa những suy nghĩ của mình, đồng thời rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh.

a) Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin trong sách Hướng dẫn học và trả lời các câu hỏi.

– Trước khi được nhận về nuôi, em bé trong câu chuyện trên đã bị tước đi những quyền : Quyền sống còn ; Quyền được phát triển ; Quyền được bảo vệ...

– Giáo viên nhấn mạnh cho học sinh hiểu ý nghĩa của hành vi cứu giúp em nhỏ trong câu chuyện.

b) Cùng trao đổi

Giáo viên tổ chức cho học sinh trao đổi theo cặp đôi. Học sinh kể cho bạn mình nghe các tình huống mình gặp trong thực tế cuộc sống đã được người khác giúp đỡ và cùng bạn trao đổi tình huống, sau đó đưa ra nhận xét về cách giải quyết của bạn.

c) Thảo luận, viết ý nghĩa của việc thực hiện quyền trẻ em

Giáo viên cho học sinh cùng các bạn trong nhóm thảo luận và viết ý nghĩa việc thực hiện các quyền cho trẻ em vào bảng mẫu trong sách Hướng dẫn học :

Đối với	Ý nghĩa
Bản thân trẻ em	Là điều kiện cần thiết để trẻ em được phát triển đầy đủ, toàn diện, được sống hạnh phúc.
Gia đình	Tạo điều kiện xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.
Xã hội	Xây dựng xã hội văn minh, có điều kiện phát triển và hội nhập sâu, rộng.

Chú ý : Giáo viên có thể hướng dẫn học sinh thực hiện các hoạt động như sách Hướng dẫn học đã trình bày hoặc giáo viên có thể khai thác nội dung này dưới hình thức khác. Ví dụ : Em hãy viết ra 3 điều mong muốn nhất của bản thân và nêu suy nghĩ của em khi các mong muốn đó được thực hiện.

5. Tìm hiểu trách nhiệm của gia đình, xã hội đối với trẻ em

Đây là một nội dung tương đối rộng và khó, giáo viên cần làm rõ cho học sinh hiểu trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các quyền của trẻ em thông qua tìm hiểu các quy định của pháp luật. Vì vậy, khi giảng dạy phần này, giáo viên nên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm và thảo luận ghép đôi để thực hiện các nhiệm vụ như gợi ý trong sách Hướng dẫn học.

a) Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

– Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin trong sách Hướng dẫn học và xác định những đối tượng có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định của pháp luật. Ghi các việc làm thể hiện trách nhiệm của các đối tượng vào bảng mẫu như sách đã trình bày. Giáo viên có thể dựa trên các gợi ý sau để định hướng cho học sinh :

Cơ quan, tổ chức, cá nhân	Việc làm thể hiện trách nhiệm
Gia đình	Nuôi nấng, quan tâm, bảo vệ, chăm sóc, dạy dỗ, động viên và giáo dục trẻ em, tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ em được phát triển toàn diện.

Nhà trường	Khuyến khích và tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân ở trong nước và nước ngoài góp phần vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.
Nhà nước	Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, định hướng phát triển toàn diện cho trẻ em.
Xã hội	Quan tâm, bảo vệ, động viên, tạo mọi điều kiện tốt nhất để trẻ em thực hiện đầy đủ quyền và phát triển tài năng của mình.
Công dân	Yêu quý trẻ em, bảo vệ, bên vực và giúp đỡ trẻ em khi gặp khó khăn, không làm những việc sai trái với trẻ em.

Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi và kể cho nhau nghe về một hành vi vi phạm quyền trẻ em mà em đã được chứng kiến hoặc nghe kể lại.

b) Kể tên những tổ chức chăm sóc, giúp đỡ trẻ em thiệt thòi

– Mục đích của hoạt động này giúp trẻ em nhận diện được các tổ chức tham gia vào việc chăm sóc, giúp đỡ trẻ em thiệt thòi để các em có thể thông báo và kêu gọi sự hỗ trợ, giúp đỡ khi cần. Học sinh cần nêu được :

+ Có rất nhiều tổ chức, cá nhân chăm sóc, giúp đỡ trẻ em như : Làng trẻ SOS, Làng trẻ Hoà Bình, Làng trẻ Sao Mai, Trung tâm chăm sóc trẻ mồ côi và không nơi nương tựa ; Báo Nhi đồng...

+ Sự xuất hiện các tổ chức này phản ánh sự quan tâm của cộng đồng đối với trẻ em và mong muốn của cộng đồng về một tương lai tốt đẹp cho trẻ em.

– Ngoài cách tổ chức các hoạt động như sách Hướng dẫn học đã trình bày, khi tìm hiểu nội dung này, giáo viên có thể sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình thông qua việc lấy những dẫn chứng về tấm gương người tốt, việc tốt trong việc thực hiện quyền trẻ em.

6. Tìm hiểu bổn phận, nghĩa vụ của trẻ em đối với gia đình, nhà trường, xã hội

Nội dung này liên quan trực tiếp đến việc giáo dục tư tưởng, rèn luyện kĩ năng, thái độ cho học sinh, vì thế giáo viên cần làm cho học sinh nhận thức rõ trẻ em không chỉ có quyền mà theo quy định của pháp luật, trẻ em cũng phải có bổn phận và nghĩa vụ đối với gia đình, nhà trường, xã hội.

a) Đọc và xử lí tình huống

– Giáo viên yêu cầu học sinh đọc tình huống trong sách Hướng dẫn học, nhập vai mình vào nhân vật trong tình huống để nêu suy nghĩ và cách ứng xử phù hợp. Sau khi

học sinh trình bày cách ứng xử, giáo viên nhận xét, động viên và định hướng học sinh nhằm giáo dục học sinh.

Theo quy định của pháp luật, trẻ em là thành viên của gia đình, xã hội và có quyền được hưởng tất cả các quyền, tuy nhiên trẻ em không được lạm dụng quyền của mình mà đòi hỏi quá mức đối với gia đình và xã hội. Trẻ em cần biết cách ứng xử để thực hiện quyền của mình phù hợp trong từng hoàn cảnh. Bên cạnh việc hưởng quyền, trẻ em cũng cần biết thực hiện tốt bổn phận của mình.

b) Đọc thông tin pháp luật, tìm hiểu bổn phận của trẻ em

– Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin pháp luật quy định những việc trẻ em không được làm trong sách Hướng dẫn học.

– Giáo viên nhận xét, nhấn mạnh lại những việc trẻ em không được làm và động viên học sinh tránh xa những hành vi đó vì không có lợi cho sự phát triển của trẻ em.

c) Nêu bổn phận, nghĩa vụ của trẻ em

Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm, hoàn thành bảng mẫu như trong sách Hướng dẫn học.

Đối với	Bổn phận, nghĩa vụ của trẻ em
1. Ông bà, cha mẹ	Kính trọng, yêu quý, vâng lời, biết ơn và phụng dưỡng ông bà, cha mẹ khi về già
2. Thầy giáo, cô giáo	Kính trọng, yêu quý, vâng lời và biết ơn
3. Bạn bè	Đoàn kết, giúp đỡ, thân thiện, chia sẻ, hợp tác
4. Em nhỏ	Chia sẻ, yêu thương, giúp đỡ
5. Quê hương, đất nước	- Yêu Tổ quốc, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc - Tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền và tài sản của người khác
6. Bản thân mình	- Chăm chỉ học tập và rèn luyện đạo đức - Tham gia phát hiện và ngăn ngừa những hành động vi phạm quyền trẻ em - Đấu tranh, phê phán, tố cáo các hành vi vi phạm quyền trẻ em ; không tham gia vào các tệ nạn xã hội

Chú ý : Để giảng dạy nội dung này, ngoài cách giáo viên tổ chức cho học sinh tiến hành theo các hoạt động đã trình bày trong sách Hướng dẫn học, giáo viên có thể nêu thêm nhiều tình huống, câu chuyện giả định và yêu cầu học sinh sắm vai nhân vật chính trong các tình huống để đưa ra những suy nghĩ và cách ứng xử phù hợp, từ đó xác định bốn phận và nghĩa vụ của mình.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Thể hiện ý kiến

Học sinh hoàn thành bài tập theo cá nhân. Bài tập này giúp học sinh nhận biết các hành vi vi phạm quyền trẻ em và những hành vi bảo vệ quyền trẻ em diễn ra trong thực tiễn. Qua bài tập này giúp trẻ em nhận thức được các biện pháp bảo vệ mình trước các hành vi xấu.

2. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Bài tập này yêu cầu học sinh nhận diện lại những quyền và nhóm quyền của trẻ em, những việc làm thực hiện tốt quyền trẻ em và những việc làm vi phạm quyền trẻ em. Thông qua đó, học sinh nhận biết bốn phận của trẻ em và học tập tấm gương sáng của người khác trong việc thực hiện các quyền và bốn phận của mình.

Giáo viên cho học sinh đọc thầm thông tin trong sách Hướng dẫn học, hoạt động cặp đôi để cùng chia sẻ và hoàn thành yêu cầu của bài tập.

3. Nghe bài hát và trả lời câu hỏi

Giáo viên chuẩn bị trước băng, đài, nội dung bài hát cho học sinh nghe nội dung bài hát và yêu cầu học sinh trả lời được các câu hỏi :

– Người bạn trong bài hát đã không được hưởng những quyền : quyền bảo vệ ; quyền phát triển ; quyền tham gia.

– Xã hội và người lớn chịu trách nhiệm đảm bảo quyền trẻ em cho bạn nhỏ này.

Học sinh tự nhận thức và đề ra các hành động nhằm bảo vệ bạn nhỏ trong những tình huống như trên.

4. Trò chơi “Tiếp sức”

Đây là một hoạt động vui nhộn nhằm củng cố các nội dung đã học trong bài dưới hình thức trò chơi. Giáo viên tổ chức trò chơi theo hướng dẫn trong sách Hướng dẫn học. Khi tổ chức trò chơi, giáo viên chú ý quan sát và định hướng học sinh chơi đúng luật và đúng nhiệm vụ đề ra của giáo viên.

Kết thúc trò chơi, giáo viên yêu cầu học sinh rút ra ý nghĩa của hoạt động này.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Đánh giá việc thực hiện bốn phận của bản thân

Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tự đánh giá bản thân về việc thực hiện quyền và bốn phận của mình đối với cha mẹ, thầy cô giáo. Yêu cầu học sinh xây dựng kế hoạch rèn luyện nhằm phát huy những điều tốt và khắc phục những điều chưa tốt của học sinh.

2. Vẽ tranh và triển lãm về chủ đề “Bảo vệ quyền trẻ em”

Hoạt động này nhằm phát triển tư duy sáng tạo của học sinh, kích thích mong muốn tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh. Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm để xác định nội dung tranh cổ động bảo vệ quyền trẻ em. Học sinh vẽ tranh, trưng bày và thuyết minh sản phẩm.

3. Viết thư gửi nhà chức trách

Giáo viên định hướng cho học sinh viết một bức thư gửi người có thẩm quyền (nhà chức trách, thầy/cô giáo...) về trường hợp vi phạm nghiêm trọng quyền trẻ em mà học sinh biết. Lưu ý nội dung bức thư có đề xuất những quan điểm cá nhân của riêng học sinh đối với việc xử lý các hành vi vi phạm quyền trẻ em.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Ước mơ của em

Hoạt động này giúp học sinh bày tỏ những mong muốn, ước mơ của mình về các hoạt động liên quan đến quyền của trẻ em. Giáo viên nên định hướng cho học sinh có được những ước mơ trong sáng, giản dị, có thể thực hiện được và đúng với yêu cầu đặt ra của chủ đề.

2. Sưu tầm tranh, ảnh

Giáo viên yêu cầu học sinh sưu tầm tranh, ảnh, câu chuyện về các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ em hoặc các hành vi xâm phạm quyền trẻ em và nêu cảm nghĩ của học sinh đối với các bức tranh, ảnh đó.

3. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Đây là hoạt động nhằm củng cố và khắc sâu kiến thức cho học sinh, thông qua hoạt động này, học sinh có thể đưa ra được những ý tưởng cá nhân của mình nhằm đề xuất các giải pháp nhằm ngăn chặn tình trạng xâm hại và bóc lột trẻ em.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

Trong quá trình dạy học bài này, giáo viên có thể kiểm tra, đánh giá học sinh bằng các hình thức sau :

- Kiểm tra việc tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện quyền và bổn phận của bản thân học sinh.
- Giáo viên đưa ra các tình huống về vi phạm quyền trẻ em và yêu cầu học sinh chỉ rõ hành vi vi phạm.
- Yêu cầu học sinh tự xây dựng tình huống hoặc liên hệ thực tế về hành vi vi phạm quyền trẻ em và chỉ rõ hành vi vi phạm.
- Giáo viên yêu cầu học sinh vẽ tranh có nội dung về quyền trẻ em.

Bài 9

MỘT SỐ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

– Nêu được một số quy định của pháp luật về những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

(Quyền và nghĩa vụ học tập ; Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm ; Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín).

– Phân tích được ý nghĩa của các quyền này đối với sự phát triển của mỗi công dân.

– Phân biệt những hành vi đúng và hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện các quyền của công dân.

– Có ý thức tự giác thực hiện quyền của mình, biết bảo vệ mình khi có nguy cơ bị xâm hại, đồng thời biết tôn trọng quyền của người khác.

NỘI DUNG CHÍNH

– Làm rõ nội dung, ý nghĩa một số quyền của công dân theo quy định của pháp luật nước ta.

– Nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quyền và tôn trọng quyền của người khác.

MỘT SỐ LƯU Ý CHUNG

a) Về nội dung

– Thế nào là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân ?

Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là những quyền và nghĩa vụ cơ bản nhất, quan trọng nhất, thiết yếu nhất, đóng vai trò nền tảng trong địa vị pháp lí của công dân.

Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân thể hiện mối quan hệ căn bản giữa Nhà nước và công dân, được Hiến pháp ghi nhận và bảo vệ. Những quyền và nghĩa vụ này được Hiến pháp quy định cho tất cả mọi công dân chứ không quy định cho từng người trong từng điều kiện cụ thể.

– Việt Nam ghi nhận quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân khi nào ?

Tôn trọng phẩm giá con người, bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân là một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và ngày càng được phát huy, hoàn thiện trong Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ở nước ta, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được ghi nhận sau khi nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà ra đời. Bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 đã ghi nhận các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Qua từng giai đoạn Cách mạng của đất nước, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân ngày càng được ghi nhận một cách đầy đủ và phát triển hoàn thiện hơn trong các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992 và bản Hiến pháp 2013. Có thể nói về mặt khoa học pháp lí, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được thể hiện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, dân sự, văn hoá, xã hội.

b) Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

– Đây là một chủ đề thiết thực, liên quan trực tiếp đến cuộc sống của mỗi người, vì thế khi dạy chủ đề này, giáo viên cần kết hợp giữa dạy về nội dung kiến thức với việc giúp học sinh vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của các em, của trường, của lớp, của địa phương... Giáo viên nên dùng phương pháp gợi mở để khuyến khích học sinh nêu những biểu hiện vi phạm mà các em đã nhìn thấy, đã nghe người khác kể hoặc đã được đọc trong sách báo.

– Giáo viên cần tổ chức cho học sinh quan sát, tìm hiểu, thảo luận và nêu những nhận xét của mình về việc thực hiện các quyền ; liên hệ bản thân, liên hệ thực tế. Giáo viên có thể sử dụng các thông tin, sự kiện, câu chuyện liên quan đến các quyền để học sinh phân tích, rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.

– Không nên tập trung phân tích, giảng giải các điều luật trong các đạo luật liên quan đến các quyền như : Luật Dân sự, Luật Giáo dục, Bộ luật Hình sự... mà chỉ dùng các điều luật, văn bản luật làm minh hoạ cho nội dung bài giảng hoặc làm minh chứng vận dụng vào giải quyết các tình huống cụ thể.

Đối với bài này, có thể có các phương án tổ chức dạy – học khác nhau. Tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh, đối tượng người học mà giáo viên có thể vận dụng, loại bỏ những động tác, những bước không phù hợp với lớp học của mình, hoặc có thể thực hiện đầy đủ theo gợi ý trong bài.

c) Về phương tiện dạy học

- Sách Hướng dẫn học Giáo dục công dân 6
- Hiến pháp năm 2013
- Luật Giáo dục
- Bộ luật Hình sự
- Bộ luật Tố tụng hình sự
- Các phương tiện dạy học trực quan như tranh, ảnh, băng hình, sơ đồ,...
- Các câu chuyện phản ánh hành vi vi phạm pháp luật và những câu chuyện phản ánh tấm gương học tập cũng như tấm gương trong đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật liên quan đến các quyền được đề cập trong chủ đề này.
- Giấy khổ lớn, bút dạ, băng dính, kéo...

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hồi tưởng

Hoạt động này giúp học sinh nhớ lại và chia sẻ những thông tin và cảm xúc của mình về ngày đầu tiên được đến trường. Giáo viên động viên học sinh chia sẻ tối đa cảm nghĩ của mình về thầy cô, bạn bè và những điều thích thú, sợ hãi nhất trong ngày đầu tới lớp.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Chủ đề này thực hiện trong 3 tiết :

Tiết 1 : Thực hiện mục I : Tìm hiểu nội dung và ý nghĩa của quyền và nghĩa vụ học tập của công dân.

Tiết 2 : Thực hiện mục II : Tìm hiểu quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

Tiết 3 : Thực hiện mục III : Tìm hiểu quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

I - TÌM HIỂU NỘI DUNG VÀ Ý NGHĨA CỦA QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ HỌC TẬP CỦA CÔNG DÂN

1. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

– Giáo viên cho học sinh đọc thầm hoặc gọi một học sinh đọc to câu chuyện “Nét chữ tròn từ bàn tay méo” trong sách Hướng dẫn học và tìm những chi tiết trong câu chuyện thể hiện các quyền và nghĩa vụ học tập của Lạc.

+ Lạc đã được thực hiện những quyền của mình : quyền được bảo vệ ; quyền được phát triển ; quyền được sống ; quyền được tham gia – Giáo viên yêu cầu học sinh xác định các chi tiết trong câu chuyện thể hiện quyền mà Lạc được hưởng.

+ Lạc đã thực hiện tốt nghĩa vụ học tập của mình.

Học sinh làm việc cá nhân hoặc theo cặp đôi lấy dẫn chứng trong câu chuyện để minh hoạ cho việc thực hiện nghĩa vụ học tập của Lạc.

– Giáo viên yêu cầu học sinh tự rút ra bài học cho bản thân qua câu chuyện.

2. Nhận biết các hình thức học tập

a) Kể các hình thức học tập

Học sinh làm việc theo nhóm, trao đổi các hình thức học tập mà công dân có thể thực hiện.

Giáo viên kết luận : Mọi người có thể học suốt đời và có thể lựa chọn những hình thức học tập phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của mình như : học tập trung, học tại chức, học từ xa, tự học.

b) Nối mỗi đối tượng ở cột A với một hình thức học tập ở cột B cho phù hợp

Hoạt động này giúp học sinh nhận diện được các hình thức khác nhau khi thực hiện quyền học tập của công dân. Giáo viên hướng dẫn và yêu cầu học sinh hoàn thành phiếu học tập : 1 nối với B ; 2 nối với C ; 3 nối với A ; 4 nối với E ; 5 nối với D.

c) Gắn tên hình thức học tập cho các ảnh

Giáo viên có thể tổ chức hoạt động này thành trò chơi thi gắn ảnh bằng cách giáo viên chuẩn bị các bảng có gắn số lượng bức ảnh như sách Hướng dẫn học và cho các nhóm thi ghép tên cho ảnh.

Ảnh 1 : Học theo lớp ở trường

Ảnh 2 : Học ở lớp học tình thương

Ảnh 3 : Học ở lớp dành riêng cho người khuyết tật

Ảnh 4 : Tự học

Ảnh 5 : Vừa học vừa làm

Ảnh 6 : Học theo nhóm

3. Những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ học tập của công dân

– Giáo viên cho học sinh đọc thông tin tìm hiểu các quy định của Luật Giáo dục và trả lời câu hỏi trong sách Hướng dẫn học.

+ Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.

+ Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để người nghèo được học tập, tạo điều kiện để những người có năng khiếu phát triển tài năng.

Những quy định về quyền và nghĩa vụ học tập của công dân đã thể hiện tính nhân văn của pháp luật nước ta. Tính nhân văn được thể hiện ở chỗ :

+ Nhà nước tạo mọi điều kiện để người dân có thể học không hạn chế, có thể học dưới nhiều hình thức khác nhau và có thể học suốt đời.

+ Nhà nước thực hiện công bằng xã hội, tạo điều kiện cho tất cả công dân đều bình đẳng về cơ hội học tập.

+ Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành.

+ Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để người nghèo được học tập, tạo điều kiện để những người có năng khiếu phát triển tài năng.

4. Nghĩa vụ học tập của công dân

a) Hoàn thành bảng

Hoạt động này yêu cầu học sinh xác nhận và giải thích việc tán thành hay không tán thành đối với một số biểu hiện trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của công dân.

Giáo viên cho học sinh làm việc cá nhân để hoàn thành bảng mẫu trong sách Hướng dẫn học.

Nghĩa vụ học tập	Tán thành	Không tán thành	Giải thích
1. Tự học, tích cực tham gia các hoạt động học tập trong nhà trường	x		Nhằm phát triển toàn diện cá nhân
2. Hoàn thành các nhiệm vụ học tập	x		Chấp hành tốt những yêu cầu, nhiệm vụ của việc học tập
3. Chỉ việc học, không cần giúp đỡ công việc gia đình		x	Chưa làm tốt bổn phận của con cái trong gia đình
4. Đi học đầy đủ đúng giờ	x		Chấp hành tốt nội quy của nhà trường và lớp đề ra
5. Chỉ cần biết chữ, không cần hoàn thành bậc Tiểu học		x	Biết chữ chưa đủ, cần tiếp tục học tập để lĩnh hội kiến thức phục vụ cho sự hiểu biết bản thân sau này.

b) Tự vấn bản thân

Hoạt động này yêu cầu học sinh tự nhận xét bản thân đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ học tập của mình chưa ? Giáo viên động viên học sinh đưa ra những nhận xét trung thực về việc thực hiện quyền học tập của bản thân mình cũng như những khó khăn khi thực hiện quyền học tập của bản thân, để từ đó có những phương án điều chỉnh phù hợp nhằm đạt kết quả học tập cao.

c) Nêu những biểu hiện tốt và chưa tốt của học sinh hiện nay trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh phân biệt những biểu hiện tốt và chưa tốt trong học tập bằng cách hoàn thành bảng mẫu và trả lời các câu hỏi trong sách Hướng dẫn học.

Hành vi thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ học tập	Hành vi thực hiện chưa tốt quyền và nghĩa vụ học tập
1. Tự học, tích cực tham gia các hoạt động học tập trong nhà trường	1. Chưa chăm chỉ học tập, không làm bài tập về nhà

Hành vi thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ học tập	Hành vi thực hiện chưa tốt quyền và nghĩa vụ học tập
2. Hoàn thành các nhiệm vụ học tập	2. Không bao giờ tham gia phát biểu xây dựng bài ở lớp
3. Thường xuyên giảng bài cho các bạn trong lớp khi các bạn nghỉ học	3. Chỉ học hết lớp một
4. Đi học đầy đủ đúng giờ	4. Ngồi học không chăm chú nghe giảng

d) Đề xuất các biện pháp nhằm khắc phục những hành vi thực hiện chưa tốt quyền và nghĩa vụ học tập của học sinh

Đây là một hoạt động mang tính gợi mở để giáo viên cho học sinh làm việc theo nhóm thử đề xuất các biện pháp theo quan điểm của học sinh nhằm khắc phục những hành vi thực hiện chưa tốt quyền và nghĩa vụ học tập của học sinh.

Giáo viên có thể không đánh giá các biện pháp do nhóm đưa ra mà chỉ yêu cầu các nhóm lí giải cụ thể vì sao nhóm mình lại lựa chọn các biện pháp như vậy.

II - TÌM HIỂU QUYỀN ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO HỘ VỀ TÍNH MẠNG, THÂN THỂ, SỨC KHOẺ, DANH DỰ VÀ NHÂN PHẨM

1. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

Giáo viên tổ chức cho học sinh đọc thầm hoặc gọi một học sinh đọc câu chuyện “Cháu bé 3 tuổi bị cậu đánh đập dã man, bắt đi ăn xin” trong sách Hướng dẫn học và tìm những chi tiết trong câu chuyện thể hiện các quyền mà em Đức đã bị vi phạm.

– Em Đức trong câu chuyện đã bị xâm phạm quyền : Quyền được bảo vệ sức khỏe, thân thể, tính mạng

– Hành vi của H và C là hành vi vi phạm pháp luật

– Là người chứng kiến hành vi đó, em phải có nhiệm vụ báo sự việc trên cho người lớn và công an nơi gần nhất

– Việc bắt H và C của công an đã thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật đối với những hành vi vi phạm quyền trẻ em

– H và C sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

2. Tìm hiểu những quy định của pháp luật về quyền được bảo hộ tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân

– Giáo viên cho học sinh đọc thông tin tìm hiểu các quy định của Hiến pháp và Bộ luật Hình sự, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi như gợi ý trong sách Hướng dẫn học. Theo quy định của pháp luật :

+ Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải đúng pháp luật.

+ Tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm là những gì quý giá nhất đối với mỗi con người và được pháp luật bảo hộ, bất kì ai cũng có quyền này, không phân biệt đối xử. Vì thế mọi việc xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người đều là phạm tội.

– Giáo viên giải thích các điều luật, trong khi giải thích, giáo viên cần phân biệt và làm rõ cho học sinh hiểu theo quy định của pháp luật :

- + Giết người, làm chết người là xâm phạm tới tính mạng của người khác
- + Đánh người là xâm phạm tới thân thể của người khác
- + Gây thương tích là xâm phạm tới sức khỏe của người khác
- + Làm nhục người khác là xâm phạm tới nhân phẩm của người đó
- + Vu khống, vu cáo là xâm phạm tới danh dự của người khác.

3. Nhận biết các biểu hiện của hành vi thực hiện đúng và hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quyền được bảo hộ tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân

a) Nhận biết các hành vi được mô tả trong bảng

Hoạt động này giúp học sinh nhận diện các hành vi đúng và không đúng trong việc thực hiện quyền công dân của mình, từ đó có những hành động đúng đắn.

b) Suy nghĩ về những hành vi đã nêu

Giáo viên tổ chức trò chơi theo hướng dẫn trong sách Hướng dẫn học. Trong quá trình tổ chức trò chơi, giáo viên chú ý quan sát và nhắc nhở học sinh thực hiện đúng yêu cầu đặt ra.

c) Thảo luận và nêu các ví dụ về hành vi bảo vệ và hành vi xâm phạm tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân vào bảng mẫu :

	Hành vi bảo vệ tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân	Hành vi xâm phạm tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân
Trong gia đình	- Cha mẹ yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ con cái - Anh chị em yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau - Con cái kính trọng, nghe lời, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ	- Chửi bới, đánh đập, nhục mạ con cái - Anh chị em đánh, nói xấu nhau
Trong nhà trường	- Học sinh tôn trọng, biết ơn đối với thầy cô giáo - Đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập và sinh hoạt - Tôn trọng các quyền của người khác	- Học sinh vô lễ với thầy, cô giáo - Bạo lực học đường
Ngoài xã hội	- Mọi người có ý thức tôn trọng quyền của bản thân và của người khác - Giải quyết các mâu thuẫn bằng hoà bình.	- Đánh, chửi nhau - Không tôn trọng quyền của người khác - Giải quyết các mâu thuẫn bằng vũ lực và lời nói không đẹp.

4. Ý nghĩa của việc thực hiện quyền được bảo hộ tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân

Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát các bức ảnh trong sách Hướng dẫn học về các hành vi bảo vệ và các hành vi xâm phạm tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân và trả lời câu hỏi:

– Ảnh 1 + 4 : hành vi xâm phạm tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân.

– Ảnh 2 + 3 : hành vi bảo vệ tính mạng, thân thể, sức khỏe của công dân.

Thực hiện quyền bảo hộ tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân trong Hiến pháp sẽ tạo điều kiện cho mọi người được sống an toàn, lành mạnh và phát triển toàn diện.

Khi thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của mình bị xâm phạm, chúng ta phải tìm chế, bình tĩnh, lựa chọn cách ứng xử phù hợp. Khi cần, có thể báo cho người lớn, thầy cô giáo và cơ quan chính quyền địa phương. Trong trường hợp khẩn cấp, cần lên tiếng kêu cứu xung quanh và báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền gần nhất để được giúp đỡ.

III - TÌM HIỂU QUYỀN ĐƯỢC ĐẢM BẢO AN TOÀN VÀ BÍ MẬT THƯ TÍN, ĐIỆN THOẠI, ĐIỆN TÍN CỦA CÔNG DÂN

1. Cùng chia sẻ

Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động cặp đôi chia sẻ suy nghĩ của bản thân khi bị ai đó vi phạm các quyền riêng tư của mình. Giáo viên nên tạo điều kiện để học sinh được chia sẻ tối đa cảm xúc của mình và bước đầu giáo viên gợi mở cho học sinh biết đưa ra các biện pháp để tránh việc xâm phạm quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân.

2. Quy định của pháp luật về quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân

Giáo viên tổ chức cho học sinh trả lời các câu hỏi, sau đó có thể thảo luận nhóm, khai thác thông tin trong sách Hướng dẫn học theo định hướng sau :

– Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân cần được bảo đảm an toàn và bí mật vì thư tín, điện thoại, điện tín là những thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình nên cần được bảo đảm an toàn và bí mật. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình ; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.

– Chỉ những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ trong những trường hợp cần thiết mới được tiến hành kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

– Việc xâm phạm thư tín, điện thoại, điện tín của người khác là những hành động vi phạm pháp luật và tùy từng mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật từ phạt cảnh cáo, phạt tiền từ một triệu đồng đến năm triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến một năm.

3. Nhận biết các hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân

Để thực hiện hoạt động này, giáo viên chuẩn bị trước các phiếu học tập với nội dung như bảng mẫu trong sách Hướng dẫn học.

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập.

Hành vi	Vi phạm quyền	Không vi phạm quyền
1. Giúp cô giáo mang thư về nhà cho bố mẹ mà em không đọc trước		x
2. Xem trộm tin nhắn trong điện thoại của bố mẹ	x	
3. Nói chuyện điện thoại oang oang nơi công cộng mà mọi người nghe được hết thông tin		x
4. Đọc trước thư của người khác xong dán lại như cũ mà không ai biết	x	

4. Tìm hiểu ý nghĩa của quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân

Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động theo nhóm, nhập vai và xử lý theo tình huống trong sách Hướng dẫn học.

Sau khi học sinh giải quyết tình huống, giáo viên nhấn mạnh cho học sinh hiểu : Tất cả mọi người đều có quyền được đảm bảo an toàn và bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín, điều này được thể hiện trong điều 21 Hiến pháp năm 2013, nghĩa là :

- Không ai được tự tiện bóc mở, thu giữ, tiêu hủy thư từ, điện tín của người khác.
- Không ai được nghe trộm điện thoại của người khác.

– Những người làm nhiệm vụ chuyển thư tín phải chuyển đến tay người nhận ; không được giao nhầm cho người khác ; không được để mất thư tín, điện tín của nhân dân. Tất cả những việc làm trái với các quy định trên đều vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật xử lý.

Khi thư tín, điện thoại, điện tín của mình bị xâm phạm, chúng ta cần nghiêm khắc phê bình trực tiếp đối với người trực tiếp vi phạm. Trong trường hợp cần thiết hoặc không biết rõ người vi phạm, cần báo cho cơ quan hoặc những người có trách nhiệm nhờ giải quyết giúp.

Việc quy định mọi người đều có quyền được đảm bảo an toàn và bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín nhằm đảm bảo quyền tự do cá nhân của công dân.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Đóng vai

Hoạt động này giúp học sinh nhận thức được các hành vi và biểu hiện đúng trong việc thực hiện các quyền công dân.

Giáo viên yêu cầu mỗi nhóm dựa vào một trong các tình huống trong sách Hướng dẫn học, thảo luận và xây dựng thành kịch bản cụ thể, có nhân vật, có lời thoại, có vận dụng kiến thức đã học để đưa ra cách ứng xử phù hợp và trình bày tiểu phẩm trước lớp.

2. Giải quyết tình huống giả định

Hoạt động này yêu cầu học sinh tưởng tượng mình trong các tình huống cụ thể để đưa ra cách xử sự phù hợp. Giáo viên động viên học sinh tìm được nhiều phương án giải quyết phù hợp trong mỗi tình huống để từ đó học sinh có thể nhận ra các cách bảo vệ mình trước những nguy cơ bị đe dọa.

3. Đọc và trả lời câu hỏi

Giáo viên cho học sinh đọc thầm tình huống trong sách Hướng dẫn học và yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau tình huống đó.

– Hành động bóc mở thư của cơ quan điều tra là đúng vì trong trường hợp này pháp luật cho phép được bóc, mở, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín của công dân nhằm phục vụ cho công tác điều tra, phá án.

– Theo quy định của pháp luật, chỉ những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ trong những trường hợp cần thiết mới được tiến hành kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

4. Điền vào ô trống trong bảng

Hoạt động này yêu cầu học sinh xác định tên các quyền tương ứng với mỗi hành vi vào bảng mẫu trong sách Hướng dẫn học.

Giáo viên có thể chuẩn bị nội dung bảng mẫu này như một phiếu học tập để thực hiện vào cuối giờ học và yêu cầu học sinh làm việc cá nhân với hoạt động này.

Hành vi	Thực hiện đúng quyền	Vi phạm quyền
1. Ngoài học văn hoá, Minh còn học đàn Piano	x	
2. Do nợ tiền, một học sinh bị chủ quán điện tử nhốt từ sáng đến chiều trong quán		x
3. Lái xe đâm vào người đi đường rồi bỏ chạy		x
4. Nghi ngờ bạn nói xấu mình rồi đánh bạn		x

5. Hoàn thành phiếu bài tập

Giáo viên chuẩn bị sẵn phiếu học tập với nội dung như trong sách Hướng dẫn học. Hoạt động này giúp học sinh nhận biết các quy định và biểu hiện của việc thực hiện các quyền cơ bản của công dân. Giáo viên cho học sinh hoạt động cá nhân hoặc theo cặp để có thể trao đổi, so sánh kết quả sau khi thực hiện hoạt động này.

6. Thi xử lý nhanh tình huống

Hoạt động này giúp học sinh nhận diện các biểu hiện đúng và chưa đúng trong việc thực hiện các quyền cơ bản của công dân, đồng thời rèn luyện phản xạ để đưa ra những cách ứng xử nhanh nhất đối với các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong thực tiễn.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Viết thư

Đây là hoạt động có ý nghĩa giúp học sinh có ý thức biết bảo vệ quyền công dân của mình và có ý thức bảo vệ, tôn trọng quyền của người khác, đồng thời tham gia phát hiện, đấu tranh, ngăn ngừa và tố cáo những biểu hiện, hành động vi phạm đến quyền công dân.

Giáo viên hướng dẫn học sinh viết một bức thư cho người có thẩm quyền về các hiện tượng vi phạm nghiêm trọng quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, thân thể, sức khỏe và đề xuất cách giải quyết của học sinh nhằm hướng tới một xã hội tốt đẹp hơn.

2. Trao đổi với bố mẹ

Hoạt động này nhằm giúp học sinh nhận thức được trách nhiệm và bổn phận của bản thân khi thực hiện quyền học tập.

Giáo viên hướng dẫn học sinh hỏi bố mẹ hay người thân trong gia đình để biết mọi người đánh giá như thế nào về ý thức học tập của học sinh. Yêu cầu học sinh lập kế hoạch để khắc phục những hạn chế của bản thân.

3. Liên hệ bản thân

Hoạt động này giúp học sinh biết tự đánh giá hành vi của bản thân và có ý thức thực hiện tốt bổn phận, trách nhiệm của mình và những quy định của pháp luật. Giáo viên yêu cầu học sinh tự đánh giá bản thân và nêu lên các biện pháp để học sinh có thể vượt qua sự tò mò của chính mình để không vi phạm pháp luật đồng thời vượt qua được suy nghĩ và cảm xúc lúc tức giận để không vi phạm pháp luật.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Nêu gương

- Giáo viên yêu cầu học sinh nêu hoặc kể về một số tấm gương thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ học tập mà học sinh biết, từ đó rút ra bài học cho bản thân.
- Giáo viên yêu cầu học sinh sưu tầm những câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn nói về học tập.

2. Chia sẻ cách rèn luyện ý thức công dân

Hoạt động này yêu cầu học sinh nêu những biện pháp nhằm rèn luyện bản thân để có thể trở thành một công dân có ích, sống và học tập theo pháp luật.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

Trong quá trình dạy học bài này, giáo viên có thể kiểm tra, đánh giá học sinh bằng các hình thức sau :

- Đánh giá thông qua việc thực hiện các bài tập và nhiệm vụ học tập được giao.
- Kiểm tra việc tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của bản thân học sinh.
- Giáo viên đưa ra các tình huống về vi phạm quyền công dân và yêu cầu học sinh chỉ rõ hành vi vi phạm.
- Yêu cầu học sinh tự xây dựng tình huống hoặc liên hệ thực tế về hành vi vi phạm đến quyền công dân và chỉ rõ hành vi vi phạm.
- Giáo viên yêu cầu học sinh liên hệ việc thực hiện quyền công dân ở địa phương nơi học sinh đang sinh sống, học tập.